

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG
KHOA KINH TẾ
BỘ MÔN KẾ TOÁN**



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**ĐỀ TÀI: KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ
KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH NAM THÀNH**

Giảng viên hướng dẫn: ThS. Lê Thị Cẩm Giang

Sinh viên thực hiện : Lê Trần Thanh Dung

Mã số sinh viên : 2254010069

Khóa học : 2022 - 2026

Lớp : 22KH2

Đà Nẵng, năm 2026

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ
NẴNG

KHOA KINH TẾ
BỘ MÔN KẾ TOÁN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày 01 tháng 06 năm 2026

GIAO NHIỆM VỤ KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Năm học: 2025 – 2026

1. Thông tin tác giả thực hiện

- Họ và tên sinh viên: Lê Trần Thanh Dung

- Chuyên ngành : Kế toán

- Trình độ đào tạo : Đại học

- Khóa học : 2022 – 2026

2. Tên đề tài Khóa luận tốt nghiệp

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH
Nam Thành

3. Các số liệu ban đầu thực hiện Khóa luận tốt nghiệp

4. Các bảng biểu

5. Cán bộ hướng dẫn: ThS. Lê Thị Cẩm Giang

6. Ngày giao nhiệm vụ làm Khóa luận tốt nghiệp: 02/03/2026

7. Ngày sinh viên phải hoàn thành khóa luận: 25/05/2026

Giảng viên hướng dẫn

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI1

1.1. Khái quát chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....1

1.1.1. Khái niệm doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh 1

1.1.2. Vai trò của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....1

1.1.3. Nhiệm vụ của của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh 1

1.2. Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp thương mại2

1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....2

1.2.1.1. Khái niệm doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ2

1.2.1.2. Điều kiện ghi nhận doanh thu.....2

1.2.1.3. Phương thức bán hàng và phương thức thanh toán3

1.2.1.4. Tài khoản sử dụng.....5

1.2.1.5. Chứng từ và sổ sách sử dụng.....5

1.2.1.6. Phương pháp hạch toán6

1.2.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu7

1.2.2.1. Khái niệm các khoản giảm trừ.....7

1.2.2.2. Tài khoản sử dụng.....8

1.2.2.3. Chứng từ và sổ sách sử dụng.....8

1.2.2.4. Phương pháp hạch toán9

1.2.3. Kế toán giá vốn hàng bán9

1.2.3.1. Khái niệm giá vốn hàng bán9

1.2.3.2. Phương pháp tính giá xuất kho 10

1.2.3.3. Tài khoản sử dụng..... 11

1.2.3.4. Chứng từ và sổ sách sử dụng..... 12

1.2.3.5. Phương pháp hạch toán 13

1.2.4. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.....14

1.2.4.1. Khái niệm doanh thu hoạt động tài chính..... 15

1.2.4.2. Tài khoản sử dụng 15

1.2.4.3. Chứng từ và sổ sách sử dụng	15
1.2.4.4. Phương pháp hạch toán	16
1.2.5. Kế toán chi phí tài chính	17
1.2.5.1. Khái niệm chi phí tài chính.....	17
1.2.5.2. Tài khoản sử dụng.....	17
1.2.5.3. Chứng từ và sổ sách sử dụng	18
1.2.5.4. Phương pháp hạch toán	18
1.2.6. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh	19
1.2.6.1. Khái niệm chi phí quản lý kinh doanh	19
1.2.6.2. Tài khoản sử dụng.....	19
1.2.6.3. Chứng từ và sổ sách sử dụng	20
1.2.6.4. Phương pháp hạch toán	20
1.2.7. Kế toán thu nhập khác.....	22
1.2.7.1. Khái niệm thu nhập khác	22
1.2.7.2. Tài khoản sử dụng.....	22
1.2.7.3. Chứng từ và sổ sách sử dụng	23
1.2.7.4. Phương pháp hạch toán	23
1.2.8. Kế toán chi phí khác	25
1.2.8.1. Khái niệm chi phí khác.....	25
1.2.8.2. Tài khoản sử dụng.....	25
1.2.8.3. Chứng từ và sổ sách sử dụng	25
1.2.8.4. Phương pháp hạch toán	26
1.2.9. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.....	27
1.2.9.1. Khái niệm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	27
1.2.9.2. Tài khoản sử dụng.....	27
1.2.9.3. Chứng từ và sổ sách sử dụng	28
1.2.9.4. Phương pháp hạch toán	29
1.2.10. Kế toán xác định kết quả kinh doanh	29
1.2.10.1. Khái niệm xác định kết quả hoạt động kinh doanh.....	29
1.2.10.2. Chứng từ và sổ sách sử dụng	30
1.2.10.3. Tài khoản sử dụng.....	30
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH NAM THÀNH	32
2.1. Thông tin khái quát về công ty TNHH Nam Thành.....	32
2.1.1. Giới thiệu chung về Công ty TNHH Nam Thành	32
2.1.2. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty TNHH Nam Thành	32

2.1.3. Đặc điểm và lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH Nam Thành	33
2.1.4. Tổ chức bộ máy quản lý.....	33
2.1.4.1. Sơ đồ tổ chức	33
2.1.4.2. Chức năng các phòng ban.....	33
2.1.5. Tổ chức bộ máy kế toán tại công ty.....	34
2.1.5.1. Sơ đồ tổ chức	34
2.1.5.2. Chức năng các phòng ban.....	34
2.1.6. Hình thức ghi sổ kế toán của Công ty	35
2.1.7. Chế độ và chính sách kế toán	37
2.2. Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Nam Thành.....	37
2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ Công ty TNHH Nam Thành	37
2.2.1.1. Đặc điểm doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty	37
2.2.1.2. Chứng từ và sổ sách sử dụng	38
2.2.1.3. Tài khoản sử dụng.....	38
2.2.1.4. Quy trình luân chuyển chứng từ	39
2.2.1.5. Nghiệp vụ minh họa	40
2.3.1. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu tại công ty TNHH Nam Thành	46
2.4.1. Kế toán giá vốn hàng bán tại công ty TNHH Nam Thành.....	46
2.4.1.1. Đặc điểm giá vốn hàng bán	46
2.4.1.2. Chứng từ và sổ sách sử dụng	46
2.4.1.3. Tài khoản sử dụng.....	46
2.4.1.4. Nghiệp vụ minh họa	47
2.5.1. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính tại công ty TNHH Nam Thành	5
1	
2.5.1.1. Đặc điểm doanh thu hoạt động tài chính.....	51
2.5.1.2. Chứng từ và sổ sách sử dụng	51
2.5.1.3. Tài khoản sử dụng.....	52
2.5.1.4. Nghiệp vụ minh họa	52
2.6.1. Kế toán chi phí tài chính.....	55
2.6.1.1. Đặc điểm chi phí tài chính.....	55
2.6.1.2. Chứng từ và sổ sách sử dụng	55

2.6.1.3. Tài khoản sử dụng	55
2.6.1.4. Nghiệp vụ minh họa	56
2.7.1. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh	58
2.7.1.1. Đặc điểm chi phí quản lý kinh doanh.....	58
2.7.1.2. Chứng từ và sổ sách sử dụng	58
2.7.1.3. Tài khoản sử dụng	59
2.7.1.4. Nghiệp vụ minh họa	59
2.8.1. Kế toán thu nhập khác.....	72
2.8.1.1. Đặc điểm thu nhập khác	72
2.8.1.2. Chứng từ và sổ sách sử dụng	72
2.8.1.3. Tài khoản sử dụng.....	72
2.8.1.4. Nghiệp vụ minh họa	73
2.9.1. Kế toán chi phí khác	76
2.9.1.1. Đặc điểm chi phí khác	76
2.9.1.2. Chứng từ và sổ sách sử dụng	76
2.9.1.3. Tài khoản sử dụng	76
2.9.1.4. Nghiệp vụ minh họa	76
2.10.1. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.....	80
2.10.1.1. Đặc điểm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	80
2.10.1.2. Chứng từ và sổ sách sử dụng	81
2.10.1.3. Tài khoản sử dụng	81
2.10.1.4. Nghiệp vụ minh họa	81
2.11.1 Kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh	88
2.11.1.1 Đặc điểm xác định kết quả hoạt động kinh doanh.....	88
2.11.1.2. Chứng từ và sổ sách sử dụng	88
2.11.1.3. Tài khoản sử dụng	89
2.11.1.4. Nghiệp vụ minh họa	89
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN	
DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG	
TY TNHH NAM THÀNH	93
3.1 Đánh giá thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả	
kinh doanh tại Công ty TNHH Nam Thành.....	93
3.1.1. Ưu điểm.....	93
3.1.2. Hạn chế.....	94
3.2. Một số giải pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định	
kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Nam Thành	95

KẾT LUẬN 100
TÀI LIỆU THAM KHẢO 101
PHỤ LỤC 102

DANH MỤC VIẾT TẮT

TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
TT-BTC	Thông tư-bộ tài chính
TSCD	Tài sản cố định
VND	Việt Nam đồng
GTGT	Giá trị gia tăng
TTĐB	Tiêu thụ đặc biệt
XK	Xuất khẩu
BVMT	Bảo vệ môi trường
TK	Tài khoản
CCDV	Công cụ dụng cụ
BCC	Business Cooperation Contract(hợp đồng hợp tác kinh doanh)
TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
LNKT	Lợi nhuận kế toán
BH	Bảo hiểm
TP	Thành phố
BHXXH	Bảo hiểm xã hội
BHYT	Bảo hiểm y tế
BHTN	Bảo hiểm tai nạn
QLKD	Quản lý kinh doanh
CP	Cổ phần
TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
KH&CN	Khoa học và công nghệ
BCTC	Báo cáo tài chính

DANH MỤC SƠ ĐỒ, QUY TRÌNH

Sơ đồ 1.1: Sơ đồ hạch toán tài khoản 511 theo phương thức doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	6
Sơ đồ 1.2: Sơ đồ hạch toán TK 511 theo phương thức trả chậm trả góp	6
Sơ đồ 1.3: Sơ đồ hạch toán tài khoản 511 doanh nghiệp giao đại lý, ký gửi	7
Sơ đồ 1.4: Sơ đồ hạch toán tài khoản 511 doanh nghiệp nhận làm đại lý.....	7
Sơ đồ 1.5: Sơ đồ hạch toán kế toán các khoản giảm trừ doanh thu	9
Sơ đồ 1.6 Sơ đồ hạch toán kế toán các chi phí liên quan	9
Sơ đồ 1.7: Sơ đồ hạch toán kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên.....	13
Sơ đồ 1.8: Sơ đồ hạch toán kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ	14
Sơ đồ 1.9: Sơ đồ hạch toán kế toán doanh thu hoạt động tài chính	16
Sơ đồ 1.10: Sơ đồ trình tự kế toán chi phí tài chính	18
Sơ đồ 1.11: Sơ đồ trình tự kế toán chi phí quản lý kinh doanh	22
Sơ đồ 1.12: Sơ đồ hạch toán tài khoản thu nhập khác.....	24
Sơ đồ 1.13: Sơ đồ hạch toán tài khoản chi phí khác	26
Sơ đồ 1.14: Sơ đồ hạch toán kế toán chi phí thuế TNDN	29
Sơ đồ 1.15: Sơ đồ trình tự kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh.....	31
Sơ đồ 2.1: Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý	33
Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán	34
Sơ đồ 2.3: Sơ đồ hình thức ghi sổ nhật ký chung.....	35
Sơ đồ 2.4: Trình tự ghi sổ kế toán trên phần mềm Trí Việt.....	36
Sơ đồ 2.5: Sơ đồ luân chuyển chứng từ	39

DANH MỤC BẢNG VÀ HÌNH ẢNH

Hình 2.1: Hoá đơn Giá trị gia tăng số 1225.....	41
Hình 2.2: Nhập hoá đơn trên phần mềm Trí Việt	42
Hình 2.3: Hoá đơn Giá trị gia tăng số 1245.....	43
Hình 2.4: Nhập hoá đơn trên phần mềm Trí Việt	44
Hình 2.5: Trích sổ chi tiết TK 5111	44
Hình 2.6: Trích sổ cái 511.....	45
Hình 2.7: Màn hình nhập liệu giá vốn.....	47
Hình 2.8: Phiếu xuất kho	47
Hình 2.9: Bảng báo cáo nhập xuất tồn	47
Hình 2.10: Phiếu xuất kho	48
Hình 2.11: Màn hình nhập liệu giá vốn.....	49
Hình 2.12: Trích sổ chi tiết 632	49
Hình 2.13: Trích sổ cái 632	50
Hình 2.14: Trích Sổ phụ ngân hàng	51
Hình 2.15: Trích giấy báo có	52
Hình 2.16: Nhập liệu lên phần mềm Trí việt	52
Hình 2.17: Trích sổ chi tiết TK 515	53
Hình 2.18: Trích sổ cái TK 51	54
Hình 2.19: Trích sổ phụ ngân hàng.....	55
Hình 2.20: Màn hình nhập liệu	55
Hình 2.21: Trích sổ chi tiết TK 635	56
Hình 2.22: Trích sổ cái TK 635	56
Hình 2.23: Bảng lương Nam Thành.....	58
Hình 2.24: Phiếu kế toán trích lương, ăn ca và phí.....	59
Hình 2.25: Giao diện phiếu kế toán tính lương tháng 11	59
Hình 2.26: Phiếu kế toán chi phí BHXH, BHYT, BHTN bộ phận bán hàng, bộ phận quản lý doanh nghiệp.....	59
Hình 2.27: Phiếu giao diện chi phí BHXH, BHYT, BHTN bộ phận bán hàng, bộ phận quản lý doanh nghiệp	60
Hình 2.28: Hóa đơn GTGT số 937388.....	61
Hình 2.29: Giao diện phần mềm chi tiền xăng	62
Hình 2.30: Sổ chi tiết tài khoản 6421 năm 2025.....	62
Hình 2.31: Hóa đơn GTGT số 4149368	63
Hình 2.32: Giao diện phần mềm	64

Hình 2.33: Phiếu chi tiền mặt	64
Hình 2.34: Sao kê ngân hàng	65
Hình 2.35: Giao diện phí ngân hàng	65
Hình 2.36: Bảng phân khấu hao tài sản cố định	66
Hình 2.37: Giao diện trích khấu hao tài sản cố định vào phí	66
Hình 2.38: Hóa đơn GTGT 4357	68
Hình 2.39: Giao diện nhập liệu	68
Hình 2.40: Trích sổ chi tiết tài khoản 6422 năm 2025	69
Hình 2.41: Trích sổ cái tài khoản 642 năm 2025	70
Hình 2.42: Trích hóa đơn GTGT số 2324.....	71
Hình 2.43: Màn hình hạch toán khoản chiết khấu thương mại.....	72
Hình 2.44: Trích sổ chi tiết tài khoản 711	72
Hình 2.45: Sổ cái tài khoản 711	73
Hình 2.46: Màn hình thông báo khoản chậm nộp	74
Hình 2.47: Giấy Nộp tiền vào ngân sách nhà nước.....	75
Hình 2.48: Giao diện hạch toán tiền chậm nộp thuế TNCN	76
Hình 2.49: Trích sổ chi tiết tài khoản 8118	76
Hình 2.50: Trích sổ cái tài khoản 811	77
Hình 2.51: Giao diện lập báo cáo tài chính.....	78
Hình 2.52: Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp.....	81
Hình 2.53: Phụ lục kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025	83
Hình 2.54: Phụ lục chuyển lỗ năm 2025.....	84
Hình 2.55: Trích sổ chi tiết tài khoản 821	85
Hình 2.56: Trích sổ cái tài khoản 821	85
Hình 2.57: Kế toán kết chuyển số dư cuối kỳ trên phần mềm Trí Việt	86
Hình 2.58: Trích sổ chi tiết tài khoản 911	87
Hình 2.59: Trích sổ cái tài khoản 911	88
Hình 2.60: Phụ lục báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	89

LỜI CẢM ƠN

Khóa luận tốt nghiệp với đề tài “Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Nam Thành ” là kết quả của cả một quá trình học tập, rèn luyện và nghiên cứu nghiêm túc trong suốt thời gian theo học tại Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng. Để hoàn thành đề tài này, em đã nhận được rất nhiều sự giúp đỡ quý báu từ các thầy cô, doanh nghiệp, gia đình và bạn bè.

Trước hết, em xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến Cô Lê Thị Cẩm Giang – giảng viên hướng dẫn, người đã luôn tận tình chỉ dẫn, định hướng nội dung và hỗ trợ em trong suốt quá trình thực hiện khóa luận. Những góp ý sâu sắc, sự kiên nhẫn và giúp đỡ của cô chính là yếu tố then chốt giúp em hoàn thành tốt đề tài này.

Em xin chân thành cảm ơn quý thầy cô khoa Kế toán – Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng, những người đã truyền đạt cho em không chỉ kiến thức chuyên môn mà còn là những bài học quý giá về tư duy nghề nghiệp và đạo đức trong công việc.

Bên cạnh đó, em xin gửi lời cảm ơn chân thành đến Ban lãnh đạo và các anh/chị tại phòng Kế toán – Công ty TNHH Nam Thành, những người đã nhiệt tình hỗ trợ, cung cấp thông tin thực tế và tạo điều kiện thuận lợi để em hoàn thiện tốt nội dung khóa luận.

Cuối cùng, em xin cảm ơn gia đình và bạn bè thân yêu, những người luôn đồng hành, động viên và tiếp thêm sức mạnh tinh thần để em vượt qua những khó khăn trong suốt quá trình học tập và nghiên cứu.

Dù đã nỗ lực hết mình để hoàn thành đề tài với tinh thần nghiêm túc và trách nhiệm cao, nhưng do hạn chế về kinh nghiệm và thời gian, bài báo cáo không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự góp ý từ quý thầy cô để bài khóa luận được hoàn thiện hơn

LỜI MỞ ĐẦU

Trong bối cảnh nền kinh tế thế giới đang ngày càng phát triển theo xu hướng hội nhập và toàn cầu hóa, các doanh nghiệp Việt Nam phải không ngừng đổi mới và hoàn thiện hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh và khẳng định vị thế của mình trên thị trường. Để đạt được điều đó, bên cạnh việc xây dựng chiến lược kinh doanh phù hợp, các doanh nghiệp cần đặc biệt chú trọng đến công tác sản xuất và tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ.

Những năm gần đây, thị trường ngày càng đa dạng và phong phú, môi trường cạnh tranh diễn ra gay gắt hơn, đòi hỏi doanh nghiệp phải linh hoạt trong hoạt động kinh doanh để thích ứng với sự thay đổi của nền kinh tế. Việc sản xuất ra các sản phẩm có chất lượng tốt, phù hợp với nhu cầu và thị hiếu của người tiêu dùng, đồng thời đẩy mạnh hoạt động tiêu thụ hàng hóa là yếu tố quan trọng góp phần nâng cao doanh thu và lợi nhuận cho doanh nghiệp.

Để hoạt động kinh doanh đạt hiệu quả, mỗi doanh nghiệp cần tổ chức bộ máy quản lý phù hợp, trong đó công tác kế toán giữ vai trò đặc biệt quan trọng. Kế toán là công cụ quản lý kinh tế hữu hiệu, có chức năng cung cấp thông tin chính xác, kịp thời về tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, giúp nhà quản lý đưa ra các quyết định phù hợp.

Nhận thức được tầm quan trọng của công tác kế toán, đặc biệt là kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, trong thời gian thực tập tại Công ty TNHH Nam Thành, em đã có điều kiện tìm hiểu thực tế công tác kế toán tại công ty. Trên cơ sở đó, kết hợp với những kiến thức đã được học tại nhà trường, em lựa chọn đề tài: ***“Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Nam Thành”*** làm nội dung nghiên cứu cho báo cáo thực tập của mình. Chuyên đề gồm 3 chương:

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH NAM THÀNH

CHƯƠNG 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH NAM THÀNH

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI

Được trình bày cơ sở lý luận theo Thông tư 133/2016/TT-BTC.

1.1. Khái quát chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

1.1.1. Khái niệm doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

a. Khái niệm doanh thu

Điều 56 Thông tư 133/2016/TT-BTC

Doanh thu là lợi ích kinh tế thu được làm tăng vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp trừ phần vốn góp thêm của các cổ đông. Doanh thu được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh, khi chắc chắn thu được lợi ích kinh tế, được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản được quyền nhận, không phân biệt đã thu tiền hay sẽ thu được tiền.

b. Khái niệm chi phí

Theo điều 59 Thông tư 133/2016/TT-BTC

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế, được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

c. Khái niệm xác định kết quả kinh doanh

Theo điều 68 Thông tư 133/2016/TT-BTC

Kết quả kinh doanh là hoạt động cuối cùng của hoạt động kinh doanh và các hoạt động phát sinh trong kỳ. Đây là chỉ tiêu chất lượng đánh giá hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ hạch toán.

Kết quả kinh doanh bao gồm: kết quả hoạt động kinh doanh chính, kết quả hoạt động tài chính, kết quả hoạt động khác.

1.1.2. Vai trò của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đóng vai trò quan trọng trong việc giúp doanh nghiệp kiểm soát hoạt động tài chính, phân tích tình hình tài chính, hiệu quả hoạt động và đưa ra sự phát triển lâu dài cho doanh nghiệp

1.1.3. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

❖ Nhiệm vụ kế toán doanh thu

Doanh thu là một chỉ tiêu quan trọng đối với các doanh nghiệp hoạt động sản xuất, kinh doanh. Chỉ tiêu doanh thu cung cấp cho các nhà quản trị bên trong và bên ngoài doanh nghiệp những căn cứ đánh giá một cách khái quát kết quả hoạt động kinh doanh

của doanh nghiệp, trong một thời kỳ nhất định để từ đó ra các quyết định kinh tế đúng đắn.

❖ **Nhiệm vụ kế toán chi phí**

Kế toán chi phí là một nhánh của kế toán, có nhiệm vụ lưu chép chi phí trực tiếp và gián tiếp liên quan đến việc sản xuất kinh doanh mỗi đơn vị sản phẩm và dịch vụ do công ty cung cấp.

Các nhà quản lý có thể sử dụng thông tin này vào nhiều mục đích:

- + Triển khai giá bán hợp lý đối với hàng hóa và dịch vụ của công ty
- + Xác định chi phí vượt ngoài tầm kiểm soát
- + Tập trung vào các chi phí đặc biệt để tiến hành giảm giá dần dần
- + Quyết định xem loại sản phẩm và dịch vụ nào mang lại lợi nhuận cho công ty còn loại nào không

❖ **Nhiệm vụ kế toán xác định kết quả kinh doanh**

Dựa trên doanh thu và chi phí, kế toán tính toán lợi nhuận (hoặc lỗ) của doanh nghiệp trong kỳ kế toán và lập báo cáo kết quả kinh doanh. Báo cáo này giúp nhà quản lý đánh giá hiệu quả kinh doanh và đưa ra các quyết định chiến lược phù hợp.

- ✓ Việc tổ chức tốt công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh giúp doanh nghiệp đánh giá chính xác hiệu quả hoạt động, từ đó đưa ra các quyết định quản lý phù hợp nhằm nâng cao lợi nhuận

1.2. Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp thương mại

1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1.2.1.1. Khái niệm doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Điều 57 Thông tư 133/2016/TT-BTC

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất, kinh doanh từ các giao dịch và các nghiệp vụ sau:

- Bán hàng hóa: Bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra, bán hàng hóa mua vào và bán bất động sản đầu tư;
- Cung cấp dịch vụ: Thực hiện công việc đã thỏa thuận theo hợp đồng trong một kỳ, hoặc nhiều kỳ kế toán, như cung cấp dịch vụ vận tải, du lịch, cho thuê TSCĐ theo phương thức cho thuê hoạt động, doanh thu hợp đồng xây dựng....

1.2.1.2. Điều kiện ghi nhận doanh thu

Căn cứ theo quy định tại khoản 1.2 Điều 57 Thông tư 133/2016/TT-BTC về điều kiện ghi nhận doanh thu như sau:

- Điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng:

Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được từ hoạt động bán sản phẩm do doanh nghiệp bán hàng hóa mua vào nhằm bù đắp chi phí và tạo ra lợi nhuận cho doanh nghiệp. Bởi thế doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả 5 điều kiện:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng hóa
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

1.2.1.3. Phương thức bán hàng và phương thức thanh toán

❖ *Phương thức bán hàng*

Bán hàng là khâu cuối cùng trong quá trình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp thương mại, là quá trình người bán chuyển giao quyền sở hữu hàng hóa cho người mua để nhận quyền sở hữu về tiền tệ hoặc quyền đòi tiền ở người mua.

Việc bán hàng trong các hoạt động thương mại có thể thực hiện theo bốn phương thức: bán buôn, bán lẻ, bán hàng qua đại lý và bán hàng trả chậm, trả góp, được chi tiết dưới nhiều hình thức khác nhau.

a. Bán buôn hàng hóa:

Bán buôn là phương thức bán hàng với khối lượng lớn cho các tổ chức trung gian như doanh nghiệp thương mại khác, đại lý, nhà phân phối hoặc các đơn vị sản xuất để tiếp tục bán lại hoặc phục vụ cho quá trình sản xuất kinh doanh.

Bán buôn hàng hóa thường được thực hiện theo hai hình thức:

- Bán buôn qua kho
- Bán buôn vận chuyển thẳng

Bán lẻ hàng hóa:

Là phương thức bán hàng trực tiếp cho người tiêu dùng hoặc các tổ chức kinh tế hoặc các đơn vị kinh tế tập thể mua về mang tính chất tiêu dùng nội bộ. Bán lẻ có thể thực hiện dưới các hình thức sau:

- + ***Bán lẻ thu tiền tập trung***
- + ***Bán lẻ thu tiền trực tiếp***
- + ***Bán lẻ tự động***

b. Bán hàng qua đại lý, ký gửi

Đây là phương thức bán hàng mà doanh nghiệp giao hàng cho các đại lý hoặc đơn vị trung gian để bán hộ. Đại lý thực hiện việc bán hàng theo giá và điều kiện do doanh nghiệp quy định và được hưởng một khoản hoa hồng đại lý.

Trong phương thức này:

- + Hàng hóa vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp cho đến khi được bán cho khách hàng cuối cùng.
- + Doanh thu chỉ được ghi nhận khi đại lý bán được hàng và báo cáo lại cho doanh nghiệp.

c. Bán hàng trả chậm, trả góp

Bán hàng trả chậm, trả góp là phương thức bán hàng mà người mua thanh toán tiền hàng nhiều lần trong một khoảng thời gian nhất định theo thỏa thuận giữa hai bên.

Đặc điểm của phương thức này là:

- + Khách hàng được nhận hàng trước và thanh toán sau
- + Giá bán trả góp thường cao hơn giá bán trả tiền ngay
- + Phần chênh lệch được xem là khoản lãi do trả chậm

❖ Phương thức thanh toán

+ Phương thức thanh toán trực tiếp: Là phương thức thanh toán mà quyền sở hữu về tiền tệ sẽ được thực hiện ngay khi chuyển giao quyền sở hữu hàng hóa. Việc thực hiện thanh toán trực tiếp có thể bằng tiền mặt, ngân phiếu, séc hoặc có thể bằng hàng hóa.

+ Phương thức thanh toán trả chậm: Là phương thức thanh toán mà quyền sở hữu về tiền tệ sẽ được chuyển giao sau một khoảng thời gian so với thời điểm chuyển quyền sở hữu về hàng hóa, do đó hình thành khoản công nợ phải thu khách hàng.

+ Phương thức thanh toán trả trước: Là phương thức thanh toán mà quyền sở hữu về tiền tệ sẽ được chuyển giao trước thời điểm nhận hàng hóa. Phương thức này thường được áp dụng cho những khách hàng có nhu cầu đặt mua một lúc với số lượng lớn mà công ty không thể đáp ứng được.

- Hình thức thanh toán:

+ Thanh toán bằng tiền mặt: Việc chuyển giao quyền sở hữu hàng hóa cho khách hàng và việc thu tiền được thực hiện đồng thời.

+ Thanh toán qua ngân hàng: Người mua có thể thanh toán bằng các loại séc, thanh toán ủy nhiệm chi, thanh toán ủy nhiệm thu, các tài sản tương đương khác...

- Trước ngày 01/07/2025 trường hợp đối với khách hàng là doanh nghiệp và cá nhân, các hóa đơn có giá trị từ 20.000.000 VNĐ bắt buộc áp dụng hình thức thanh toán bằng chuyển khoản.
- Kể từ sau ngày 01/07/2025, quy định này được áp dụng đối với các hóa đơn có giá trị từ 5.000.000 VNĐ

1.2.1.4. Tài khoản sử dụng

Căn cứ theo quy định tại Điều 57 Thông tư 133/2016/TT-BTC, tài khoản 511 doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ bao gồm 4 tài khoản cấp 2 sau:

Tài khoản 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Tài khoản 5111 - Doanh thu bán hàng hóa

Tài khoản 5112 - Doanh thu bán các thành phẩm

Tài khoản 5113 - Doanh thu cung cấp dịch vụ

Tài khoản 5118 - Doanh thu khác.

Kết cấu Tài khoản 511

Nợ	Tài khoản 511	Có
Các khoản thuế gián thu phải nộp (GTGT theo phương pháp trực tiếp, TTĐB, XK, BVMT). - Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911 " Xác định kết quả kinh doanh".		- Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán
TK 511: không có số dư cuối kì		

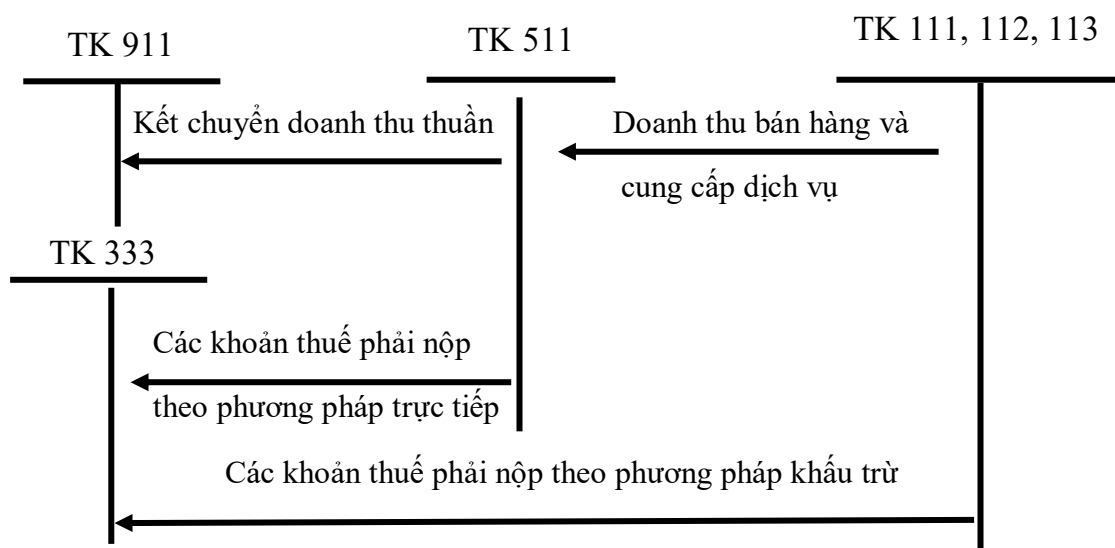
1.2.1.5. Chứng từ và sổ sách sử dụng

❖ Chứng từ sử dụng

- Đơn đặt hàng
- Phiếu xuất kho
- Hợp đồng kinh tế
- Hóa đơn GTGT
- Bảng kê hàng hóa dịch vụ bán ra
- Phiếu thu, giấy báo có.

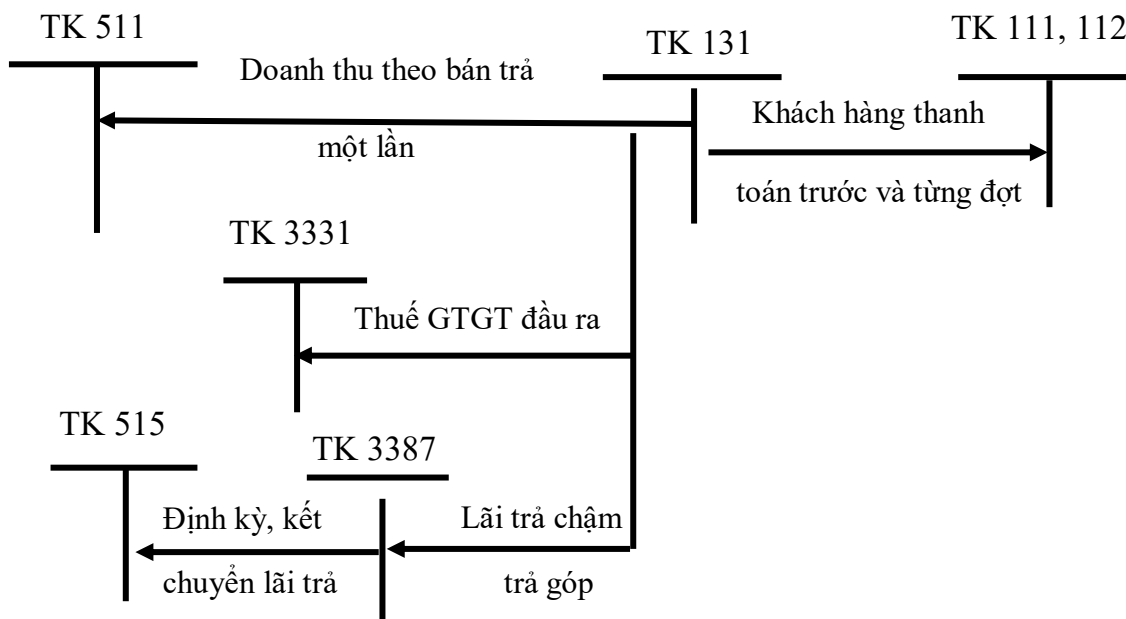
1.2.1.6. Phương pháp hạch toán

a. Doanh thu thu được từ bán hàng trực tiếp và chuyển hàng theo hợp đồng



Sơ đồ 1.1: Sơ đồ hạch toán tài khoản 511 theo phương thức Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

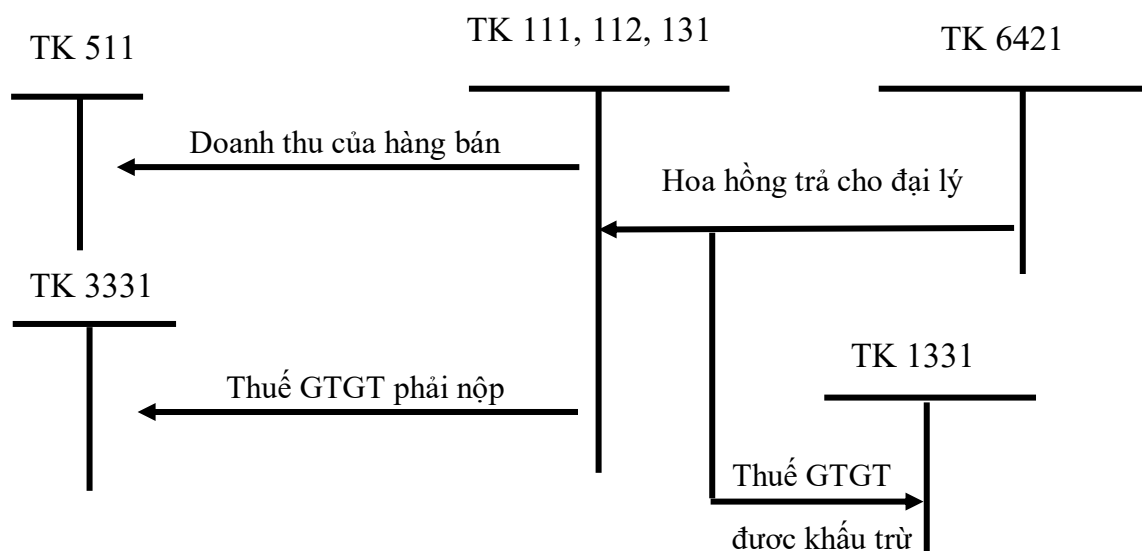
b. Bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp



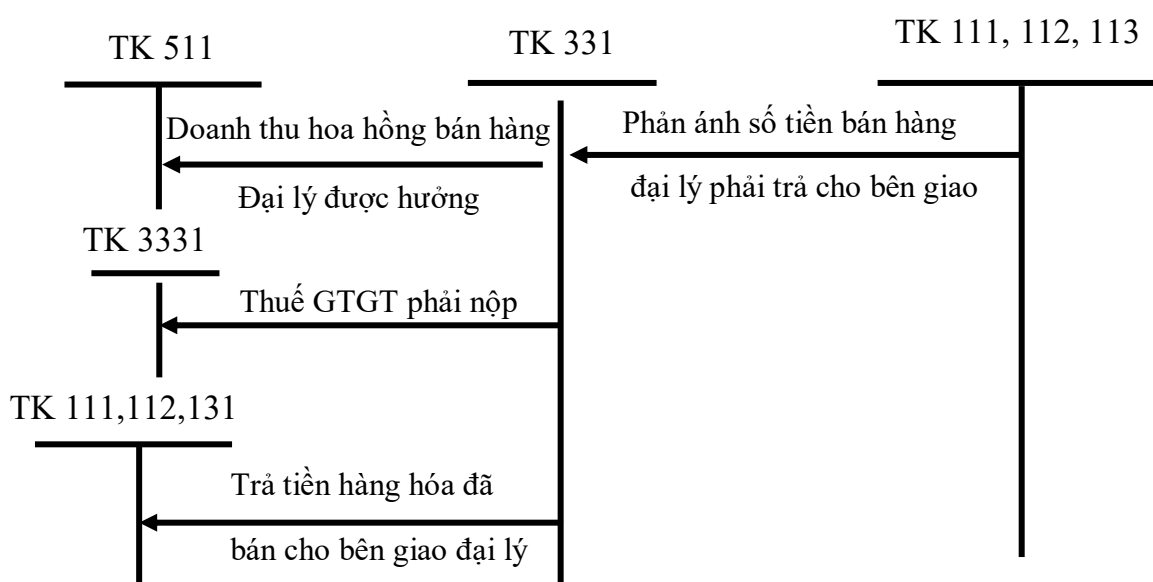
Sơ đồ 1.2: Sơ đồ hạch toán TK 511 theo phương thức trả chậm trả góp

c. Bán hàng theo phương thức qua đại lý, ký gửi

- Doanh nghiệp giao đại lý ký gửi



Sơ đồ 1.3: Sơ đồ hạch toán tài khoản 511 doanh nghiệp giao đại lý, ký gửi
- Doanh nghiệp nhận làm đại lý



Sơ đồ 1.4: Sơ đồ hạch toán tài khoản 511 doanh nghiệp nhận làm đại lý

1.2.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

1.2.2.1. Khái niệm các khoản giảm trừ doanh thu

Theo chuẩn mực số 14 – “Doanh thu và thu nhập khác” được ban hành và công bố theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 của Bộ trưởng Bộ tài chính: Các khoản giảm trừ doanh thu là các khoản được điều chỉnh giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ. Theo đó, các khoản giảm trừ doanh thu theo Thông tư 133/2016/TT-BTC gồm;

- a. Chiết khấu thương mại
- b. Giảm giá hàng bán
- c. Hàng bán bị trả lại

Trong đó:

- Chiết khấu thương mại: Là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn.
- Giảm giá hàng bán: Là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hoá kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.
- Giá trị hàng bán bị trả lại: Là giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân: Vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách, chủng loại,...

1.2.2.2. Tài khoản sử dụng

Các khoản giảm trừ doanh thu: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại vào bên nợ tài khoản 511 " Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ".

Kết cấu Tài khoản 511

Nợ	Tài khoản 511	Có
Các khoản thuế gián thu phải nộp (GTGT theo phương pháp trực tiếp, TTĐB, XK, BVMT). - Các khoản giảm trừ doanh thu - Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911 " Xác định kết quả kinh doanh".		- Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán

TK 511: không có số dư cuối kì

1.2.2.3. Chứng từ và sổ sách sử dụng

❖ Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn điều chỉnh giảm (hoặc hóa đơn trả lại)
- Biên bản giảm giá hàng bán
- Biên bản trả lại hàng
- Thỏa thuận chiết khấu (hợp đồng)
- Phiếu nhập kho

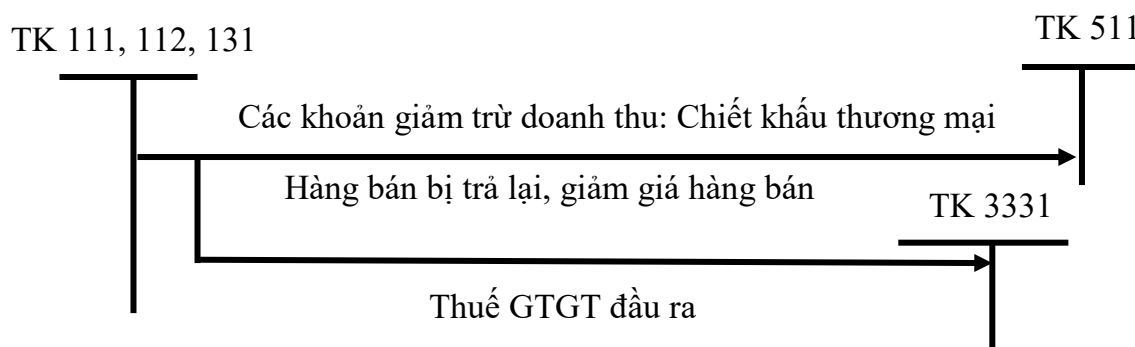
1.2.2.3. Tài khoản sử dụng

Các khoản giảm trừ doanh thu: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại vào bên nợ tài khoản 511 " Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ".

1.2.2.4. Phương pháp hạch toán

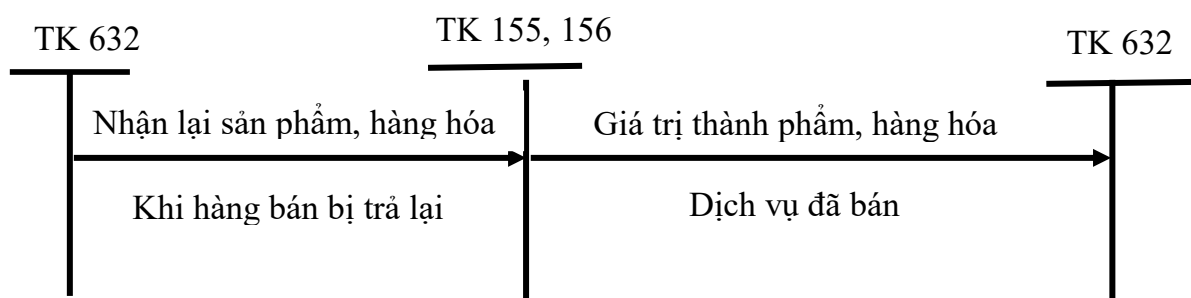
❖ Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

❖



Sơ đồ 1.5: Sơ đồ hạch toán kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

❖ Kế toán các chi phí liên quan: Nhận lại sản phẩm, hàng hóa



Sơ đồ 1.6 Sơ đồ hạch toán kế toán các chi phí liên quan

1.2.3. Kế toán giá vốn hàng bán

1.2.3.1. Khái niệm giá vốn hàng bán

Theo khoản 1 Điều 62 Thông tư 133/2016/TT-BTC:

Giá vốn hàng bán là trị giá vốn thực tế của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, hoặc bất động sản đầu tư đã tiêu thụ bán ra trong kỳ kế toán. Bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí thu mua, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp liên quan trực tiếp đến hàng hóa, dịch vụ đã bán ra. Khi xuất bán phải đánh theo một trong các phương pháp quy định để xác định trị giá vốn hàng xuất bán

1.2.3.2. Phương pháp tính giá xuất kho

Theo quy định tại điều 22 của thông tư 133/2016/TT-BTC: Doanh nghiệp có thể sử dụng các phương pháp sau để xác định giá vốn hàng bán:

❖ Phương pháp tính theo giá đích danh:

+ Phương pháp tính theo giá đích danh được áp dụng dựa trên giá trị thực tế của từng lần nhập hàng hóa mua vào, từng thứ sản phẩm sản xuất ra nên chỉ áp dụng cho các doanh nghiệp có ít mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định và nhận diện được chi tiết về giá nhập của từng lô hàng tồn kho.

❖ Phương pháp bình quân gia quyền:

- Phương pháp bình quân gia quyền tức thời

+ Theo phương pháp giá bình quân gia quyền, giá trị của từng loại hàng tồn kho được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho đầu kỳ và giá trị từng loại hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trong kỳ. Giá trị trung bình có thể được tính theo từng kỳ hoặc sau từng lô hàng nhập về, phụ thuộc vào điều kiện cụ thể của mỗi doanh nghiệp

+ Tùy thuộc vào hệ thống quản lý hàng tồn kho tại doanh nghiệp mà áp dụng phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ hay phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập:

+ Công thức :

Đơn giá thực tế bình quân hàng tồn kho i sau lần nhập n	=	Trị giá thực tế hàng i tồn kho trước lần nhập	+	Trị giá thực tế hàng i nhập kho lần thứ n
		Số lượng hàng i tồn kho trước lần nhập n	+	Số lượng hàng i nhập kho lần thứ n

- Phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ (còn được gọi là phương pháp bình quân gia quyền cuối kỳ):

+ Giá vốn hàng hóa được tính bằng giá trị và số lượng của loại hàng hóa tồn đầu kỳ và nhập trong kỳ.

+ Công thức:

Đơn giá thực tế bình quân hàng tồn kho i	=	Trị giá thực tế hàng i tồn đầu kỳ	+	Trị giá thực tế hàng i nhập trong kỳ
		Số lượng hàng i tồn đầu kỳ	+	Số lượng hàng i nhập trong kỳ

❖ Phương pháp nhập trước, xuất trước (FIFO):

Phương pháp nhập trước, xuất trước được áp dụng dựa trên giả định là giá trị hàng tồn kho được mua hoặc được sản xuất trước thì xuất trước, và giá trị hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là giá trị hàng tồn được mua hoặc được sản xuất gần thời điểm cuối kỳ. Tức là hàng nào nhập trước thì ưu tiên xuất trước và cuối kỳ số hàng tồn còn lại trong kho thì có giá trị của hàng nhập gần hoặc cuối kỳ

1.2.3.3. Tài khoản sử dụng

Theo *Thông tư 133/2016/TT-BTC*, để phản ánh giá vốn hàng bán kế toán sử dụng tài khoản 632 “ giá vốn hàng bán “

Kết cấu tài khoản

+ Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, tài sản sinh học (trừ cây lâu năm cho sản phẩm định kỳ và súc vật làm việc) đã bán trong kỳ; + Chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ; + Các khoản hao hụt mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra + Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết)	+ Trị giá vốn của hàng bán bị trả lại; + Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng mua nhận được sau khi hàng mua đã tiêu thụ; + Các khoản thuế nhập khẩu, thuế TTĐB, thuế BVMT, thuế tài nguyên đã tính vào giá trị hàng mua, nếu khi xuất bán hàng hóa mà các khoản thuế đó được hoàn lại; + Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang Tài khoản 911 - Xác định kết quả kinh doanh.
---	---

TK 632 : không có số dư cuối kì

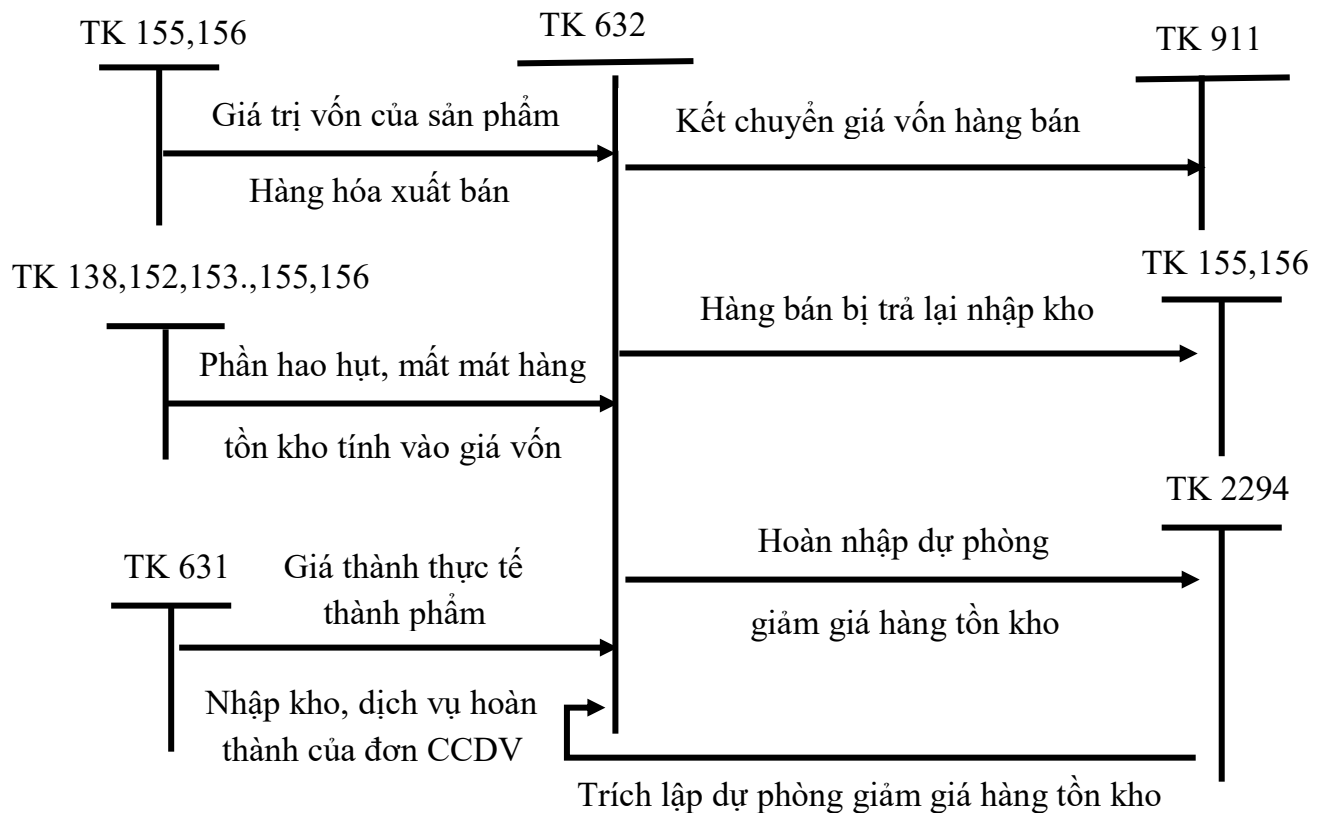
1.2.3.4. Chứng từ và sổ sách sử dụng

❖ Chứng từ sử dụng

- Phiếu xuất kho
- Bảng tổng hợp phiếu nhập xuất tồn
- Phiếu tính giá thành sản phẩm
- Hóa đơn bán hàng
- Hóa đơn GTGT
- Biên bản giao nhận hàng hóa

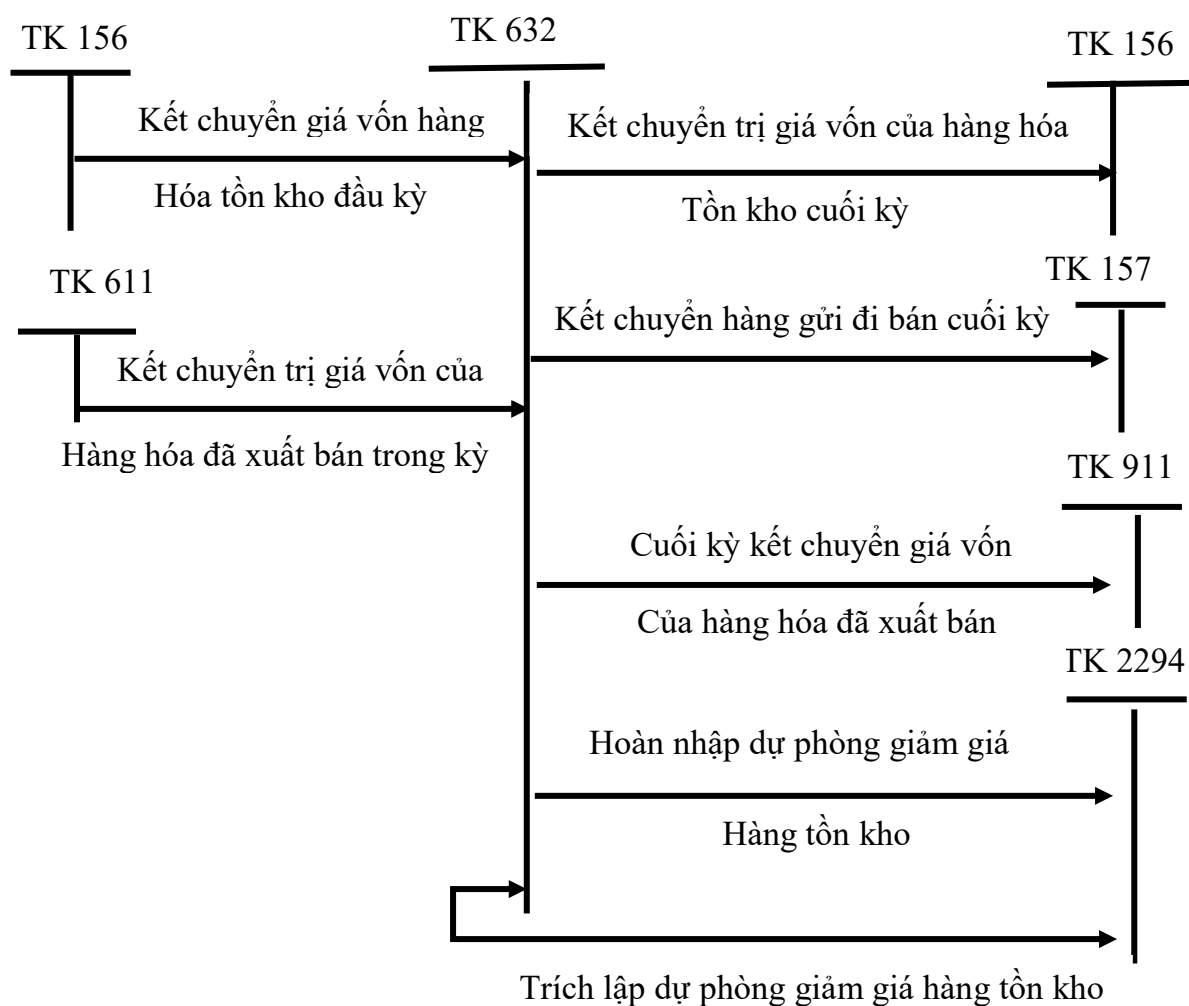
1.2.3.5. Phương pháp hạch toán

❖ Phương pháp kê khai thường xuyên



Sơ đồ 1.7: Sơ đồ hạch toán kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên

❖ Phương pháp kiểm kê định kỳ



Sơ đồ 1.8: Sơ đồ hạch toán kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ

1.2.4. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

1.2.4.1. Khái niệm doanh thu hoạt động tài chính

Theo điều 58 Thông tư 133/2016/TT-BTC:

Doanh thu hoạt động tài chính dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp, gồm:

- Tiền lãi: Lãi cho vay, lãi tiền gửi Ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hóa, dịch vụ;...
- Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư.

- Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn; Lãi chuyển nhượng vốn khi thanh lý các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.
- Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác.
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ và đánh giá lại khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ; lãi do bán ngoại tệ.
- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác.

1.2.4.2. Tài khoản sử dụng

Theo thông tư 133/2016/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán cho Doanh nghiệp vừa và nhỏ tài khoản sử dụng để hạch toán doanh thu hoạt động tài chính, kế toán sử dụng Tài khoản 515 "Doanh thu hoạt động tài chính"

Kết cấu tài khoản

Nợ	TK 515	Có
- Số thuế giá trị gia tăng phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp - Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang tài khoản 911 (Xác định kết quả kinh doanh)		- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ

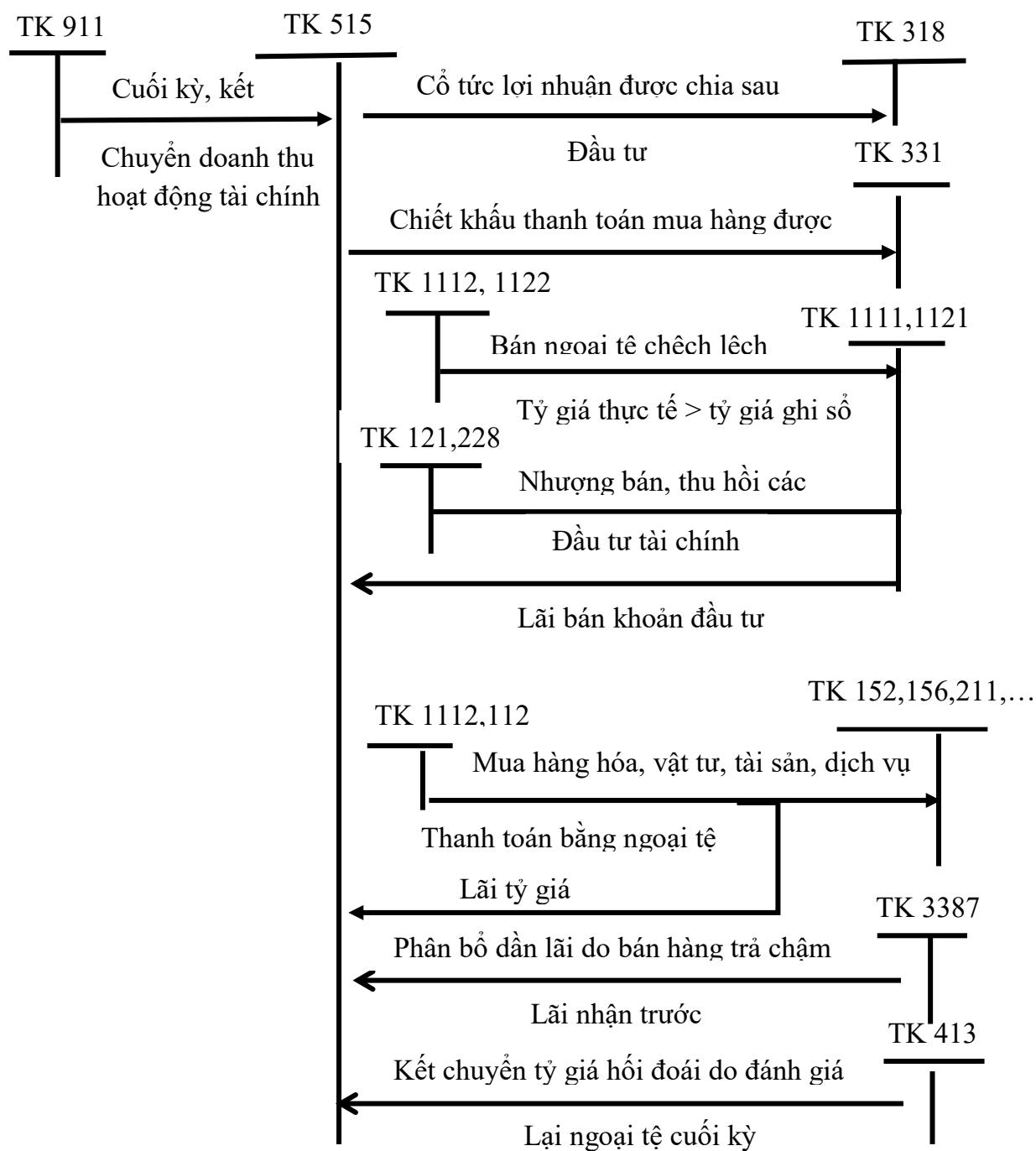
TK 515 : không có số dư cuối kỳ

1.2.4.3. Chứng từ và sổ sách sử dụng

❖ Chứng từ sử dụng

- Giấy báo Có
- Phiếu thu
- Sổ phụ ngân hàng
- Hợp đồng cho vay, hợp đồng đầu tư
- Bảng kê tính lãi tiền gửi, tiền vay
- Chứng từ về chênh lệch tỷ giá
- Sao kê ngân hàng

1.2.4.4. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.9: Sơ đồ hạch toán kế toán doanh thu hoạt động tài chính

1.2.5. Kế toán chi phí tài chính

1.2.5.1. Khái niệm chi phí tài chính

Chi phí tài chính này phản ánh những khoản chi phí liên quan đến hoạt động tài chính bao gồm:

- Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính;
- Chiết khấu thanh toán cho người mua;

- Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư; chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ; Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối kỳ các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ; Lỗ bán ngoại tệ;
- Số trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất tính đầu tư vào đơn vị khác;
- Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác
- Các khoản chi phí tài chính khác

1.2.5.2. Tài khoản sử dụng

Theo thông tư 133/2016/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán cho Doanh nghiệp vừa và nhỏ tài khoản sử dụng để hạch toán chi phí tài chính, kế toán sử dụng Tài khoản 635 "Chi phí tài chính"

- TK 635 – “ Chi phí tài chính “: Tài khoản này phản ánh những khoản chi phí như chi phí đi vay, chi phí góp vốn liên doanh.

Kết cấu tài khoản

Nợ	TK 635	Có
- Các khoản chi phí tài chính phát sinh trong kỳ - Trích lập bổ sung dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước).		- Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập kỳ trước chưa sử dụng hết); - Các khoản được ghi giảm chi phí tài chính; - Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

TK 635: không có số dư cuối kì

1.2.5.3. Chứng từ và sổ sách sử dụng

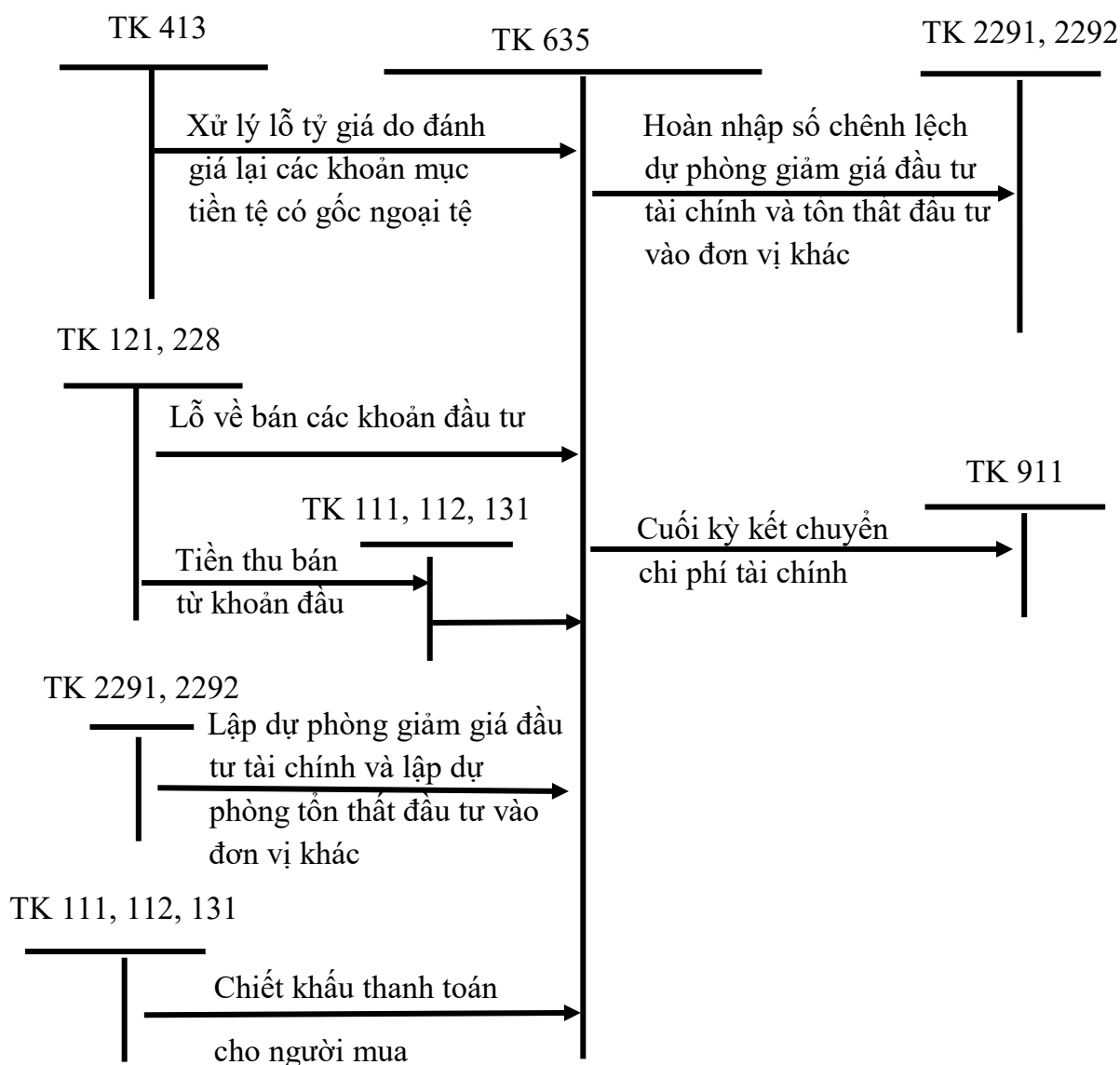
❖ Chứng từ sử dụng

- Giấy báo Nợ
- Phiếu chi
- Hợp đồng vay vốn
- Bảng tính lãi vay phải trả
- Sổ phụ

❖ Sổ sách sử dụng

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái TK 635
- Sổ chi tiết TK 635

1.2.5.4. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.10: Sơ đồ trình tự kế toán chi phí tài chính

1.2.6. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

1.2.6.1. Khái niệm chi phí quản lý kinh doanh

Theo điều 64 Thông tư 133/2016/TT-BTC:

- Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản chi phí quản lý kinh doanh bao gồm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp:

+ Chi phí bán hàng bao gồm các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển, lương nhân viên bộ phận bán hàng (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...), bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động của nhân viên bán hàng; chi phí vật liệu, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho bộ phận bán hàng; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax,...); chi phí bằng tiền khác.

+ Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

1.2.6.2. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 642 – “ Chi phí quản lý kinh doanh “ có 2 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 6421 - Chi phí bán hàng: Phản ánh chi phí bán hàng thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ trong kỳ của doanh nghiệp

- Tài khoản 6422 - Chi phí quản lý doanh nghiệp: Phản ánh chi phí quản lý chung của doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

Kết cấu tài khoản

- Các chi phí quản lý kinh doanh phát sinh trong kỳ;
- Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết);

- Các khoản được ghi giảm chi phí quản lý kinh doanh;
- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết);
- Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh vào tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh"

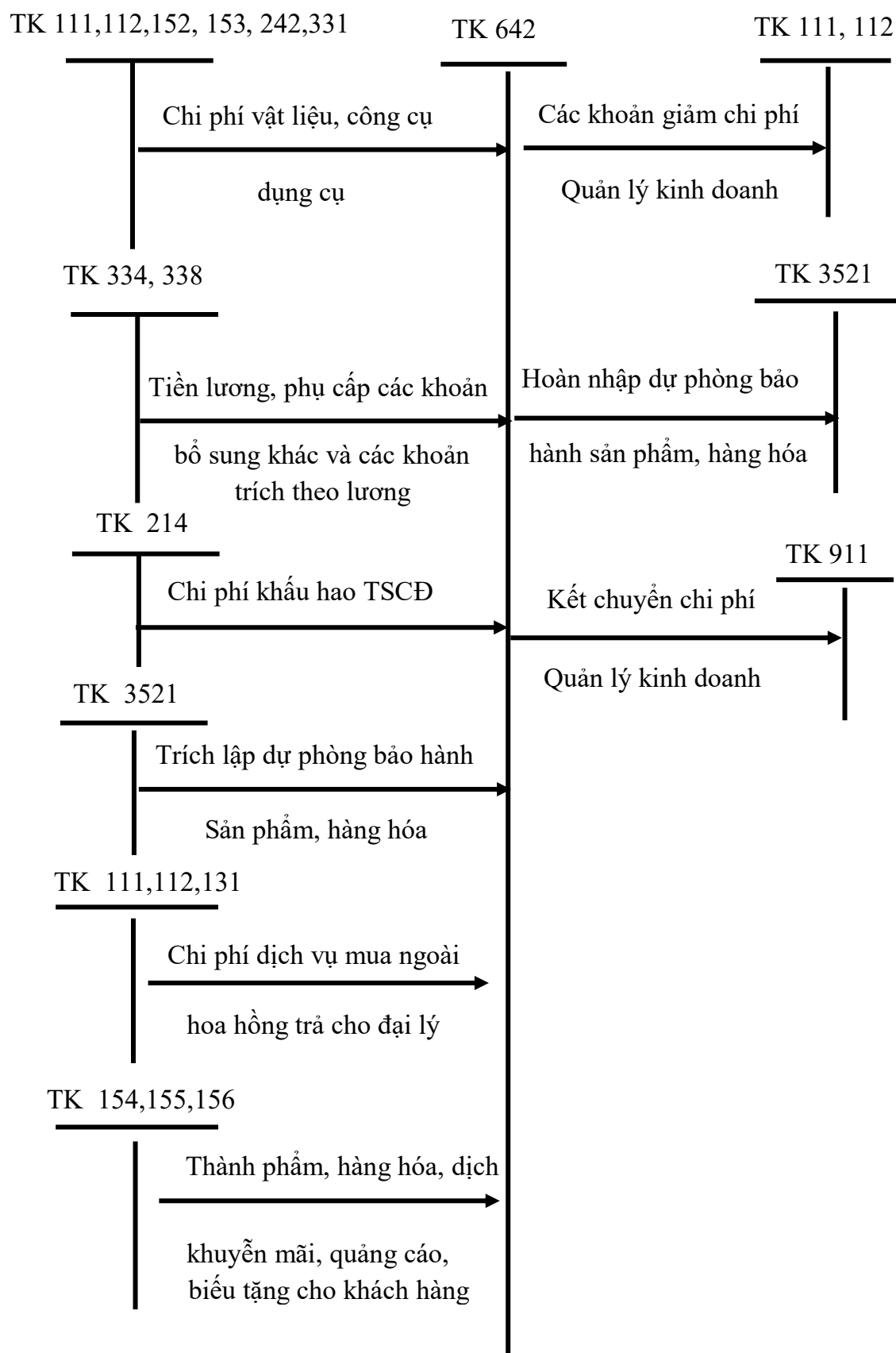
TK 642: không có số dư cuối kỳ

1.2.6.3. Chứng từ và sổ sách sử dụng

❖ Chứng từ sử dụng

- Phiếu chi, ủy nhiệm chi
- Hóa đơn GTGT, hóa đơn bán hàng
- Bảng lương, bảng thanh toán tiền lương
- Bảng phân bổ tiền lương và BHXH
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ
- Hóa đơn điện, nước, internet, điện thoại
- Hợp đồng dịch vụ
- Chứng từ nộp thuế, phí, lệ phí

1.2.6.4. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.11: Sơ đồ trình tự kế toán chi phí quản lý kinh doanh

1.2.7. Kế toán thu nhập khác

1.2.7.1. Khái niệm thu nhập khác

Theo quy định tại điều 65 của thông tư 133/2016/TT-BTC

Theo qui định tài khoản này dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ;
- Chênh lệch giữa giá trị hợp lý tài sản được chia từ BCC cao hơn chi phí đầu tư xây dựng tài sản đồng kiểm soát;
- Chênh lệch lãi do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, tài sản cố định đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư khác;
- Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng;
- Thu tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất
- Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ;
- Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ;
- Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ không tính trong doanh thu
- Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp;
- Giá trị số hàng khuyến mại không phải trả lại nhà sản xuất;

1.2.7.2. Tài khoản sử dụng

Theo thông tư 133/2016/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán cho Doanh nghiệp vừa và nhỏ tài khoản sử dụng, để hạch toán thu nhập khác là Tài khoản 711.

Kết cấu tài khoản

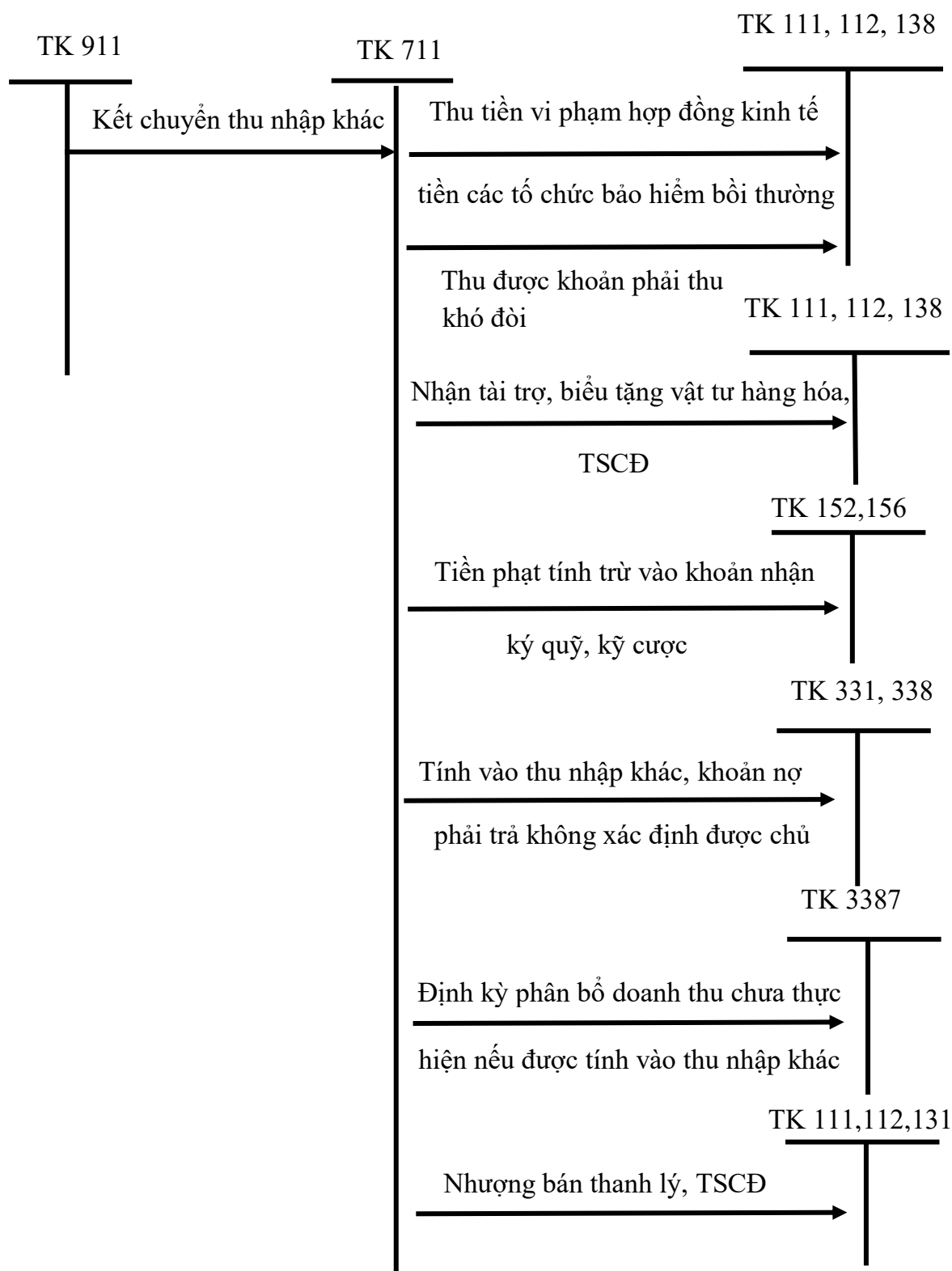
Nợ	TK 711	Có
- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp. - Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.		- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ
TK 711: Không có số dư cuối kì		

1.2.7.3. Chứng từ và sổ sách sử dụng

❖ Tài khoản sử dụng

- Phiếu thu, giấy báo Có
- Biên bản thanh lý, nhượng bán TSCĐ
- Hóa đơn bán tài sản thanh lý
- Biên bản thu hồi nợ đã xóa sổ
- Chứng từ nhận tài trợ, biếu tặng

1.2.7.4. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.12: Sơ đồ hạch toán tài khoản thu nhập khác

1.2.8. Kế toán chi phí khác

1.2.8.1. Khái niệm chi phí khác

Tại khoản 1 Điều 66 Thông tư 133/2016/TT-BTC quy định về chi phí khác như sau:

- Tài khoản này phản ánh những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp. Chi phí khác của doanh nghiệp có thể gồm:

- + Chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản cố định (gồm cả chi phí đấu thầu hoạt động thanh lý). Số tiền thu từ bán hồ sơ thầu hoạt động thanh lý, nhượng bán tài sản cố định được ghi giảm chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản cố định.
- + Giá trị còn lại của tài sản cố định bị phá dỡ;
- + Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán tài sản cố định (nếu có).
- + Tiền phạt phải trả do vi phạm hợp đồng kinh tế, phạt vi phạm hành chính.
- + Các khoản chi phí khác.

1.2.8.2. Tài khoản sử dụng

Căn cứ tại *khoản 2 Điều 66 Thông tư 133/2016/TT-BTC*, để hạch toán TK 811 “chi phí khác” không có tài khoản cấp 2

Kết cấu tài khoản

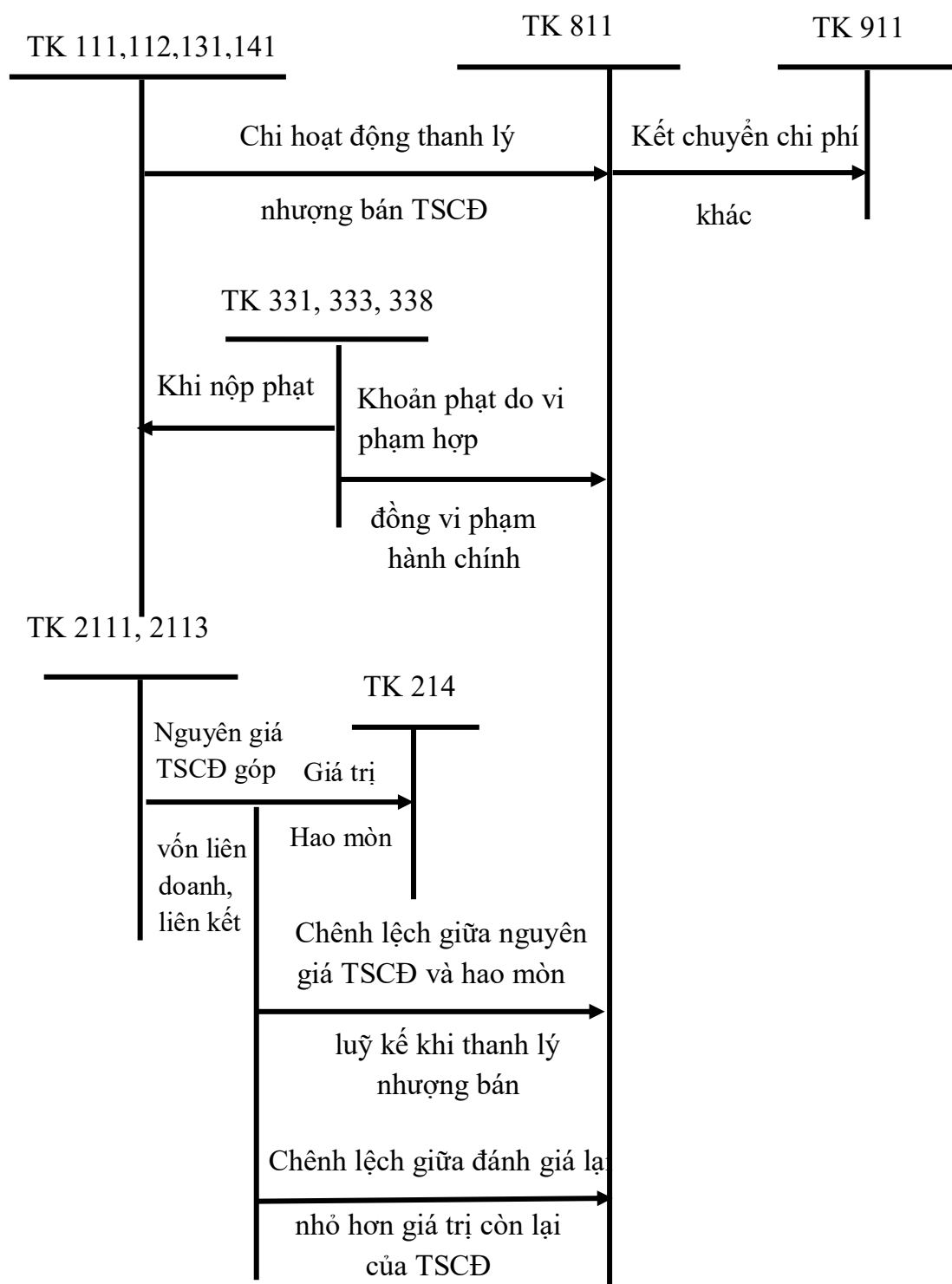
Nợ	TK 811	Có
Các khoản chi phí khác phát sinh		Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”
TK 811: Không có số dư cuối kỳ		

1.2.8.3. Chứng từ và sổ sách sử dụng

❖ Chứng từ sử dụng

- Biên bản vi phạm hợp đồng
- Biên bản thanh lý TSCĐ
- Hóa đơn GTGT
- Biên lai nộp thuế, nộp phạt
- Phiếu chi
- Giấy báo nợ
- Ủy nhiệm chi

1.2.8.4. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.13: Sơ đồ hạch toán tài khoản chi phí khác

1.2.9. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

1.2.9.1. Khái niệm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

- Tài khoản này dùng để phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận vào tài khoản này là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

$$\text{Thuế TNDN phải nộp} = \text{Thu nhập tính thuế} \times \text{thuế suất thuế TNDN}$$

$$\text{Thu nhập chịu thuế} = (\text{Doanh thu} - \text{Chi phí được trừ} + \text{các khoản thu nhập khác})$$

$$\text{Thu nhập tính thuế} = \text{Thu nhập chịu thuế} - (\text{Thu nhập được miễn thuế} + \text{các khoản lỗ được kết chuyển theo quy định})$$

1.2.9.2. Tài khoản sử dụng

Theo quy định của **thông tư 133/2016/TT-BTC**, để hạch toán chi phí thuế TNDN, kế toán sử dụng Tài khoản 821 " Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp".

Kết cấu tài khoản

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh trong năm;
- Thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi tăng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện tại.

- Số thuế thu nhập doanh nghiệp thực tế phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm phải nộp được giảm trừ vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp đã ghi nhận trong năm;
- Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện tại;
- Kết chuyển số chênh lệch giữa chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh trong năm lớn hơn khoản được ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm vào tài khoản 911 - “Xác định kết quả kinh doanh”.

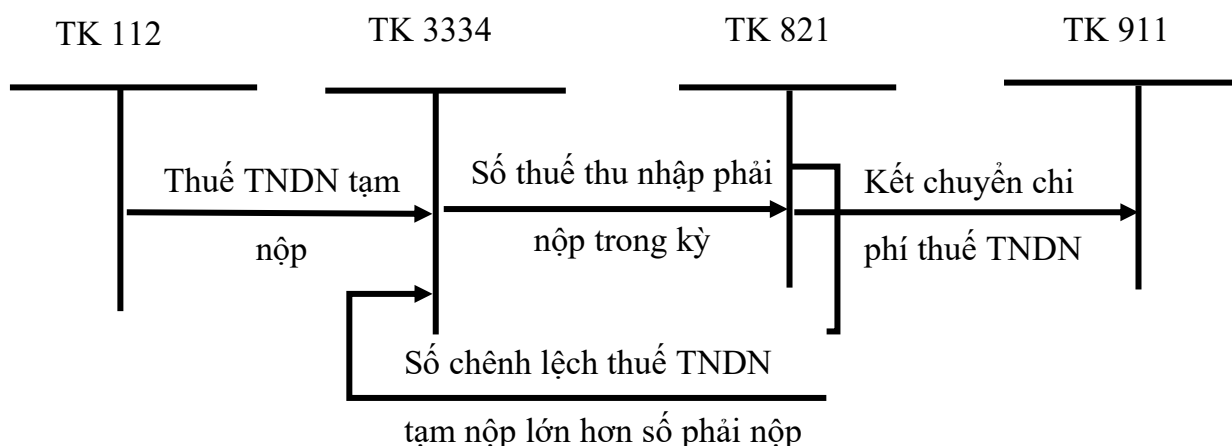
TK 821: Không có số dư cuối kì

1.2.9.3. Chứng từ và sổ sách sử dụng

❖ Chứng từ sử dụng

- Tờ khai quyết toán thuế TNDN (03/TNDN) (TT80/2021)
- Thông báo nộp thuế TNDN
- Giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước
- Biên lai nộp thuế
- Bảng tính thuế TNDN phải nộp

1.2.9.4. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.14: Sơ đồ hạch toán kế toán chi phí thuế TNDN

1.2.10. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

1.2.10.1. Khái niệm xác định kết quả kinh doanh

Theo điều 68 Thông tư 133/2016/TT-BTC:

- ❖ Tài khoản này dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

+ Công thức

Tổng LNKT sau thuế	=	Tổng LNKT trước thuế - Chi phí thuế TNDN
-------------------------------	---	--

Tổng LNKT trước thuế	=	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh + Lợi nhuận khác
-------------------------	---	---

Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	=	Lợi nhuận gộp + Doanh thu từ hoạt động tài chính - Chi phí tài chính - Chi phí quản lý kinh doanh
---	---	--

Lợi nhuận khác = Thu nhập khác - Chi phí khác.

Lợi nhuận
gộp về BH và CCDV = Doanh thu thuần về BH và CCDV - Giá vốn hàng bán

Doanh thu
thuần về BH và CCDV = Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ - Các khoản giảm trừ doanh thu

1.2.10.2. Chứng từ và sổ sách sử dụng

- Phiếu kế toán
- Phiếu kết chuyển

1.2.10.3. Tài khoản sử dụng

Theo thông tư 133/2016/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán cho Doanh nghiệp vừa và nhỏ tài khoản sử dụng để hạch toán xác định kết quả kinh doanh là Tài khoản 911:

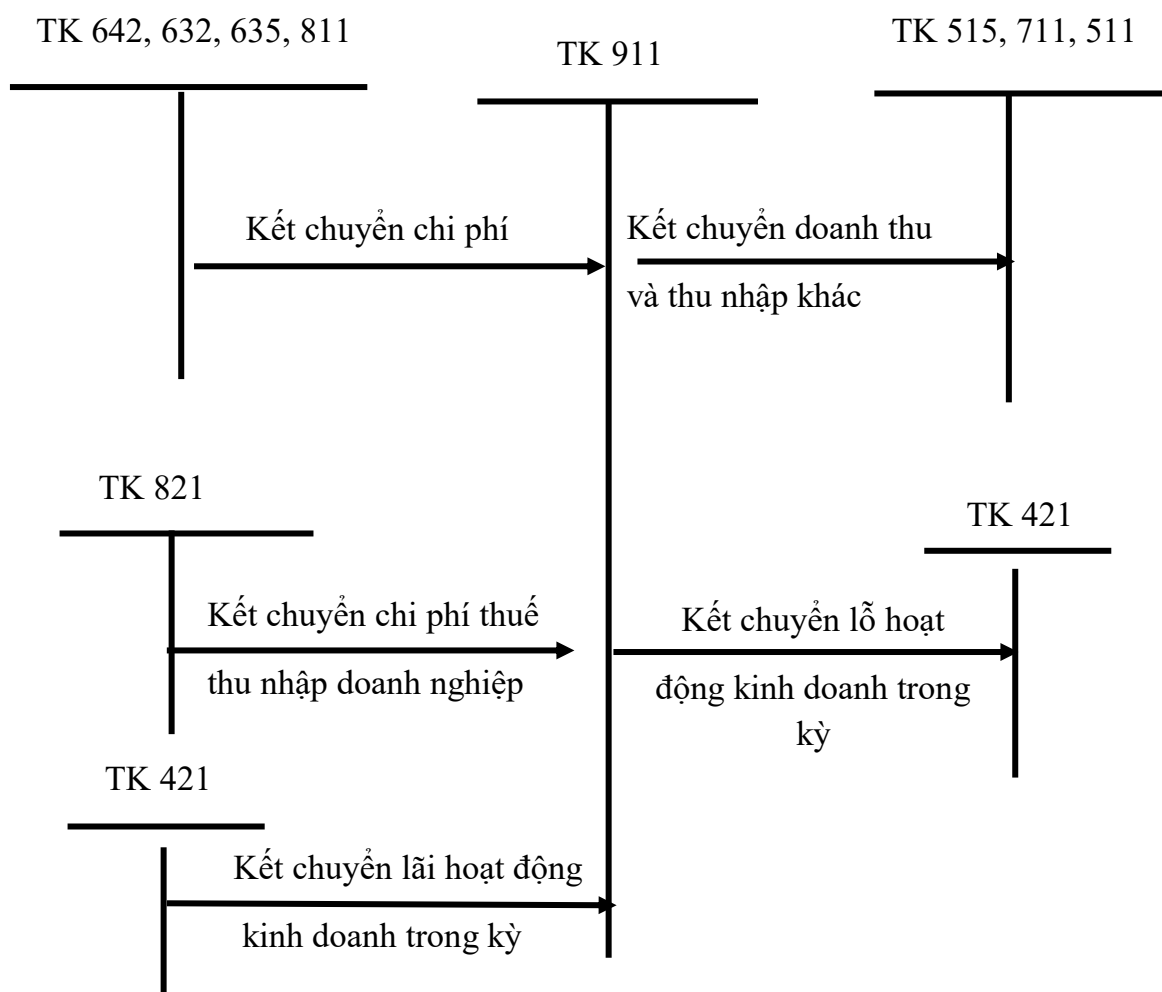
“Xác định kết quả kinh doanh”

Kết cấu tài khoản

Nợ	TK 911	Có
- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán; - Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác; - Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp - Kết chuyển lãi.		- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ; - Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản kết chuyển giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp; - Kết chuyển lỗ.

TK 911: Không có số dư cuối kỳ

❖ Phương pháp kế toán



Sơ đồ 1.15: Sơ đồ trình tự kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH NAM THÀNH

2.1. Thông tin khái quát về công ty TNHH Nam Thành

2.1.1. Giới thiệu chung về Công ty TNHH Nam Thành

Công ty TNHH Nam thành được đăng ký thành lập vào ngày 17/09/1998 theo giấy phép kinh doanh số 0400127593. Tính đến thời điểm hiện tại công ty đã đi vào hoạt động được 27 năm

Mã số thuế: 0400127593

Địa chỉ Thuế: 217 Điện Biên Phủ, Phường Thanh Khê, TP Đà Nẵng, Việt Nam

Địa chỉ: 217 Điện Biên Phủ, Phường Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Tình trạng: Đang hoạt động

Người đại diện: LƯU THỊ THU HƯƠNG

Điện thoại: 02363723184

Ngày hoạt động: 1998-09-17

Quản lý bởi: Thuế cơ sở 1 thành phố Đà Nẵng

Loại hình doanh nghiệp: Công ty trách nhiệm hữu hạn 2 thành viên trở lên ngoài Nhà nước

Ngành nghề chính: Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu

2.1.2. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty TNHH Nam Thành

Công ty TNHH Nam Thành được ra đời từ năm 1998 do bà Lưu Thị Thu Hương thành lập. Nhận thấy được vai trò quan trọng của ắc quy trong các phương tiện đi lại, bà Lưu Thị Thu Hương đã ra quyết định ra đời công ty. Sau hơn 10 năm thành lập, bằng những nỗ lực và chiến lược kinh doanh vững chắc, sáng tạo, công ty đã có nhiều thay đổi về chủng loại sản phẩm cũng như chất lượng phục vụ. Công ty TNHH Nam Thành đã có nhiều uy tín trong ngành ắc quy công nghệ ở Đà Nẵng cũng như miền Trung. Các sản phẩm của công ty được đánh giá cao về chất lượng cũng như cách phục vụ chu đáo, nhiệt tình và đáp ứng được các yêu cầu của khách hàng.

Với sự phát triển ngày càng vượt bậc của khoa học kỹ thuật, công ty đã áp dụng một cách tốt nhất và phát huy sự nỗ lực để duy trì, mở rộng và từng bước tạo vị trí của mình trên thị trường. Hiện nay, công ty có trụ sở chính tại số 217 Điện Biên Phủ, Phường Thanh Khê, TP Đà Nẵng, Việt Nam

2.1.3. Đặc điểm và lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH Nam Thành

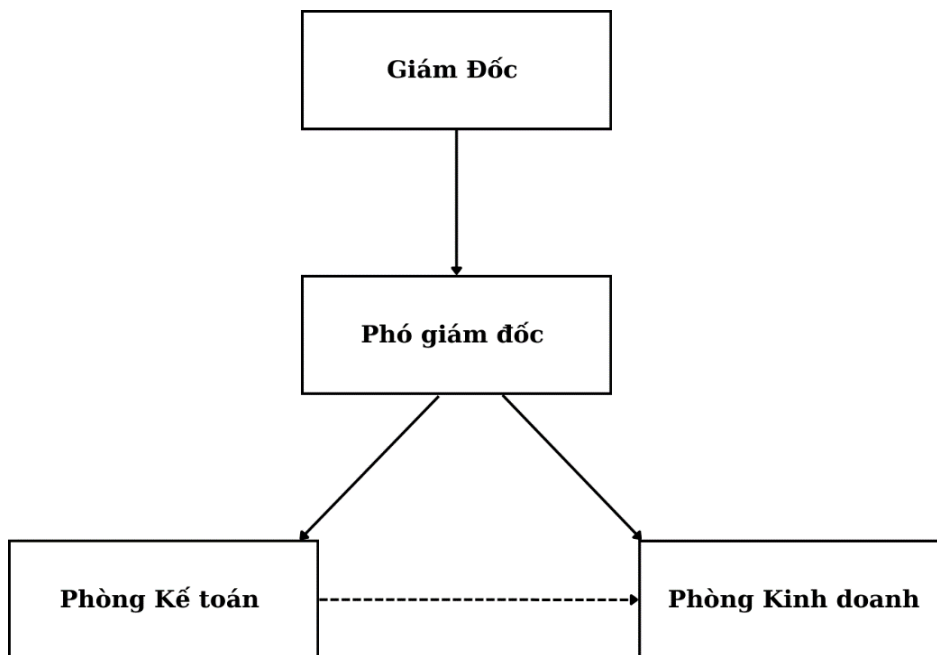
Công ty TNHH Nam Thành là đơn vị kinh tế hoạt động trong lĩnh vực thương mại, vừa có vai trò là người mua, vừa có vai trò là người bán. Các mặt hàng của công ty

được nhập về từ các đối tác lớn chuyên sản xuất và phân phối các mặt hàng ắc quy, axit, ... đều là các nhà cung cấp lớn, có truyền thống và uy tín trong lĩnh vực cung cấp các mặt hàng ắc quy nên chất lượng hàng hóa công ty nhập về luôn được đảm bảo. Doanh thu của doanh nghiệp tất cả đều phát sinh từ hoạt động thương mại.

2.1.4. Tổ chức bộ máy quản lý

2.1.4.1. Sơ đồ tổ chức

Bộ máy quản lý doanh nghiệp được minh họa theo sơ đồ dưới đây. Mỗi bộ phận đều có chức năng và nhiệm vụ khác nhau nhưng lại có quan hệ liên kết và hỗ trợ nhau



Sơ đồ 2.1: Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý

2.1.4.2. Chức năng các phòng ban

- Giám đốc: Có trách nhiệm kiểm tra, giám sát các hoạt động của công ty. Là người có quyền lực cao nhất và có trách nhiệm chỉ đạo chung về mọi hoạt động của công ty. Đưa ra mục tiêu, hướng phát triển và chiến lược của công ty. Về mặt pháp luật, giám đốc sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về các hoạt động của doanh nghiệp.

- Phó giám đốc: là "cánh tay phải" hỗ trợ Giám đốc, quản lý một bộ phận hoặc lĩnh vực cụ thể, có quyền đại diện thay mặt Giám đốc khi vắng mặt, đảm bảo công việc vận hành trơn tru, chiến lược được triển khai hiệu quả. Vị trí Phó Giám đốc có thể chuyên môn hóa (Phó GĐ Tài chính, Kinh doanh) hoặc bao quát và đề xuất giải pháp xử lý vấn đề phát sinh. Còn là người Đại diện công ty làm việc với đối tác, cơ quan chức năng.

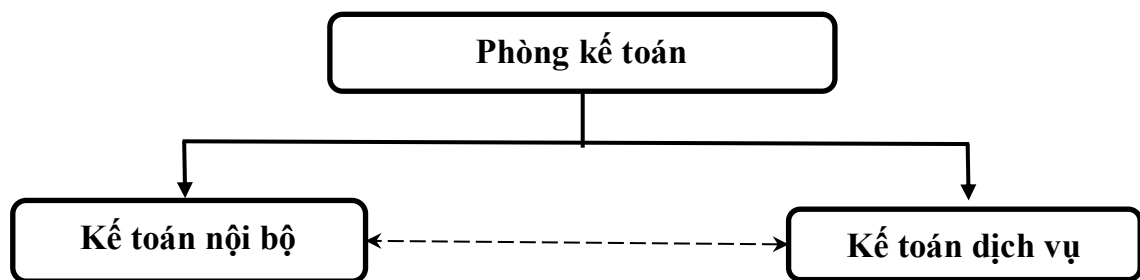
- Phòng kế toán: Là bộ phận nắm chắc số liệu phản ánh kịp thời. Nhiệm vụ chủ yếu của kế toán là cập nhật số liệu, sổ sách chứng từ, lập báo cáo tháng, quý, năm đồng thời đảm bảo thu chi tiền mặt chặt chẽ, đúng chế độ do nhà nước quy định, đúng thời gian quy định lưu giữ chứng từ.

- Phòng kinh doanh: Có trách nhiệm tư vấn cho khách hàng về chất lượng, giá cả của từng loại hàng hóa, tạo được mối quan hệ với bạn hàng để đảm bảo cho quá trình bán hàng của công ty. Nắm bắt nhu cầu thị trường hàng hóa tiêu thụ, tâm lý tiêu dùng của người dân trên địa bàn nhằm tổ chức thu mua, cung cấp nguồn hàng trong công ty để tiêu thụ hàng hóa. Lập chiến lược kinh doanh theo từng thời điểm kinh doanh. Bán hàng và mua hàng hóa, tạo được mối quan hệ với bạn hàng để đảm bảo cho quá trình bán hàng của công ty.

2.1.5. Tổ chức bộ máy kế toán tại công ty

2.1.5.1. Sơ đồ tổ chức

Phòng kế toán được minh họa theo sơ đồ dưới đây.



Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán

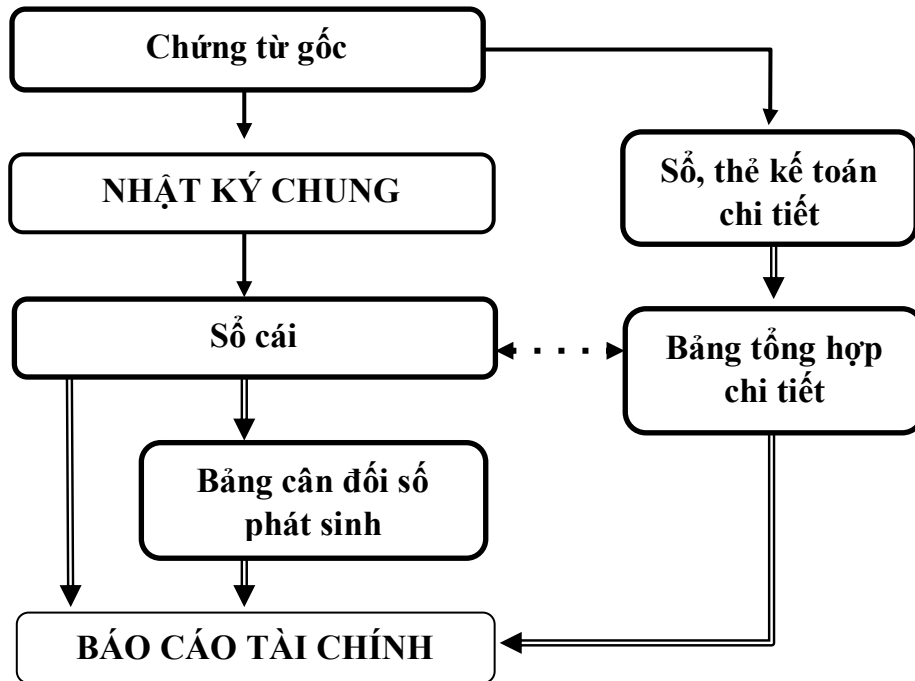
2.1.5.2. Chức năng các phòng ban

- Kế toán nội bộ: Kế toán nội bộ là bộ phận thực hiện các hoạt động liên quan đến thu thập, kiểm soát, lưu trữ, phân tích, thống kê các chứng từ và phân tích báo cáo thông tin tài chính nội bộ của doanh nghiệp. Mục đích chính của kế toán nội bộ là cung cấp thông tin tài chính chính xác và kịp thời đến bộ phận quản lý để hỗ trợ quá trình ra quyết định kinh doanh. Bộ phận này là một phần quan trọng trong hệ thống kế toán của doanh nghiệp.

- Kế toán dịch vụ: Là hình thức các công ty, đơn vị chuyên nghiệp cung cấp từng phần các nghiệp vụ kế toán như hạch toán, lập sổ sách, kê khai thuế, báo cáo tài chính, thuế, tài chính toàn diện cho doanh nghiệp, giúp doanh nghiệp nhỏ và vừa tiết kiệm chi phí, đảm bảo tuân thủ pháp luật, và tập trung vào kinh doanh cốt lõi, bao gồm hạch toán, lập sổ sách, kê khai thuế, lập báo cáo tài chính, và tư vấn chuyên môn.

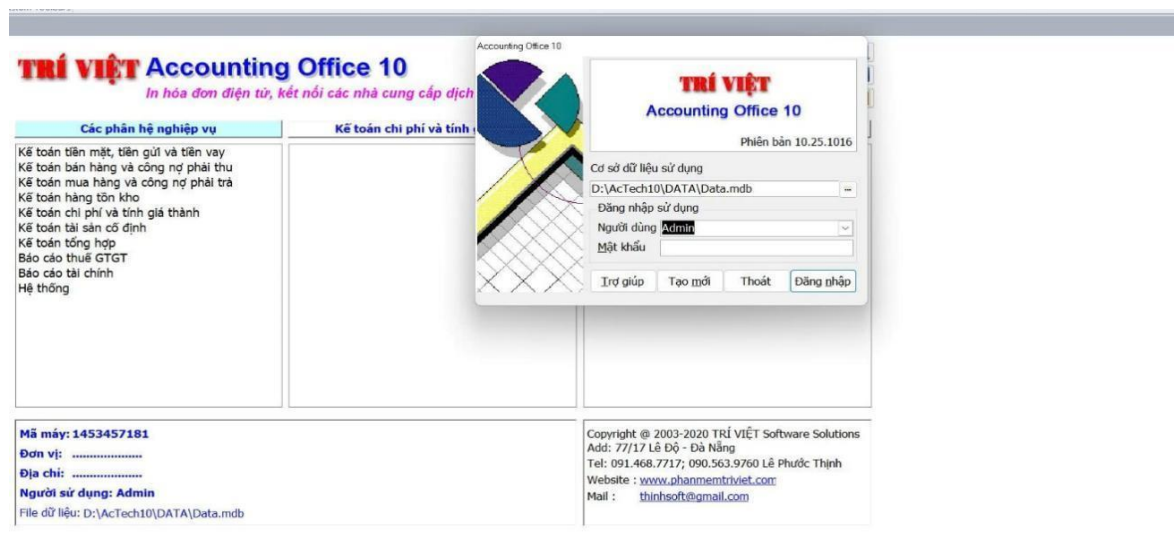
2.1.6. Hình thức ghi sổ kế toán của Công ty

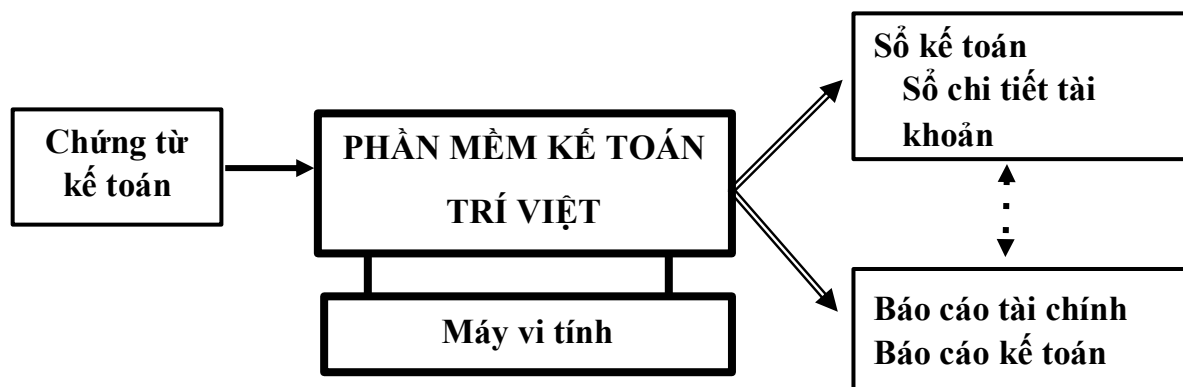
- Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung trên phần mềm Trí Việt



Sơ đồ 2.3: Sơ đồ hình thức ghi sổ nhật ký chung

Đối với công ty TNHH Nam Thành thì hình thức nhật ký chung trên phần mềm Trí Việt như sau:





Ghi chú

-  Ghi hàng ngày
-  Ghi cuối kỳ
-  Đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 2.4: Trình tự ghi sổ kế toán trên phần mềm Trí Việt

Hàng ngày, dựa vào các chứng từ gốc, kế toán thực hiện nhập số liệu vào phần mềm Trí Việt. Theo quy trình tự động của phần mềm, thông tin sẽ được tự động cập nhật lên sổ nhật ký chung, sổ cái, sổ chi tiết của từng tài khoản. Từ đó lên bảng cân đối số phát sinh và lên các báo cáo tài chính liên quan. Cuối kỳ kế toán hoặc khi có yêu cầu đặc biệt, kế toán sẽ thực hiện các nghiệp vụ phân bổ và kết chuyển, từ đó lập báo cáo tài chính và đưa trình lên các cấp có liên quan.

Hình thức kế toán áp dụng là kế toán theo hình thức Nhật ký chung nên các loại sổ sách in ra đều dựa theo hình thức Nhật ký chung.

2.1.7. Chế độ và chính sách kế toán

- Chế độ kế toán áp dụng: Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa ban hành Theo thông tư số TT133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính.
- Niên độ kế toán: Được tính theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 của năm.
- Phương pháp kế toán hàng tồn kho: Theo phương pháp kê khai thường xuyên.
- Phương pháp tính giá xuất kho: theo phương pháp bình quân gia quyền
- Phương pháp tính thuế GTGT: Theo phương pháp khấu trừ.
- Phương pháp tính khấu hao: Theo phương pháp khấu hao đường thẳng.
- Đơn vị tiền tệ: Việt Nam Đồng (VNĐ)

- Kỳ báo cáo tài chính: Theo năm.
- Công ty sử dụng phần mềm kế toán Trí Việt

2.2. Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Nam Thành

2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ Công ty TNHH Nam Thành

2.2.1.1. Đặc điểm doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty

Với nhu cầu và xu hướng hiện nay thì ô tô là một dòng xe chạy khá là phổ biến, bên cạnh đó thì ắc quy cũng là nguồn sản phẩm thiết yếu để cung cấp cho nó về nguồn điện dự phòng, khởi động động cơ nên có nhu cầu ổn định, thị trường đa dạng như ô tô, xe máy điện, năng lượng mặt trời, UPS, cạnh tranh về chất lượng hoặc giá (ắc quy nước, ắc quy khô), cần dịch vụ đi kèm (tư vấn, bảo hành, sạc lại) và có vòng đời sản phẩm thay thế định kỳ, có chiến lược bán hàng linh hoạt, nhấn mạnh vào lợi ích lâu dài, thân thiện môi trường. Các mặt hàng tiêu thụ của công ty là:

- Ắc Quy 12V: 70AH Rocket, 24AH, 19AH, N135, N150, N200, N25, N30, N70Z
- Ắc quy 46B24L CMF
- Ắc quy axit chì: GN ROCKET SMF 1000RA, GN Rocket SMF 105D31L, GN Rocket SMF 55D23R, GN Rocket SMF 58014
- Ắc quy CMF: 105D31, 105D31R/L, 55D23, 90D26R/L, Din110, Din65
- Ắc quy GS: 100D31R, 105D31R, 44B19L, 80D26, 95D31L, Din60L, N200Z
- Ắc quy OUTDO: OT5-12, 12V-5AH OT7-12, 12V-7AH
- Ắc quy ROCKET - L-875_RS -PCT20829, 12M5-3B - MCB00003, AGM L4, 12V-80AH, EFB Q85L
- Ắc quy Rocket SMF: 31-1000LA, 12V - 100AH, 50D20L, 12V-50AH, 55066, 12V-50AH
- Ắc Quy SEBANG EFB: N55L - PCC08496, 55D23L
- Ắc quy WP15-12SE
- Bình ắc quy 6FM100E-X, 6FM150MV-X
- Bình ắc quy ENIMAC CMF: 100, 46B24, 105D31L, 55D23R
- Dung dịch Axit
- ...

❖ Tất cả các nhóm hàng hóa, dịch vụ hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng 10% được giảm xuống còn 8% theo Nghị định 174/2025/NĐ-CP 01/07/2025 đến hết 31/12/2026

Thị trường tiêu thụ chủ yếu là bán cho khách hàng ở Thành phố Đà Nẵng, vừa là khách lẻ và vừa là doanh nghiệp. Tại công ty, việc bán hàng diễn ra chủ yếu dưới dạng bán hàng trực tiếp tại cửa hàng

Doanh thu ghi nhận tại thời điểm hàng hóa được chuyển giao cho khách hàng. Khách hàng thực hiện thanh toán ngay hoặc chấp nhận thanh toán sau.

- Trường hợp khách hàng thanh toán ngay: dựa vào phiếu thu, hóa đơn GTGT, kế toán tiến hành nhập dữ liệu vào phần mềm, ghi tăng doanh thu và tăng khoản tiền mặt và chuyển khoản.

- Thanh toán trả sau: Thời hạn thanh toán được quy định rõ trong hợp đồng. Khách hàng có thể thanh toán sau khi hoàn thành dịch vụ trong vòng 15 ngày,... tùy vào thỏa thuận khi ký kết hợp đồng. Khi thanh toán kế toán dựa vào hóa đơn GTGT và nhập dữ liệu vào phần mềm, ghi tăng doanh thu bên cạnh đó còn ghi nhập khoản phải thu. Khi khách hàng thanh toán công nợ và tiến hành tất toán khoản phải thu tùy vào tiền mặt hay chuyển khoản.

2.2.1.2. Chứng từ và sổ sách sử dụng

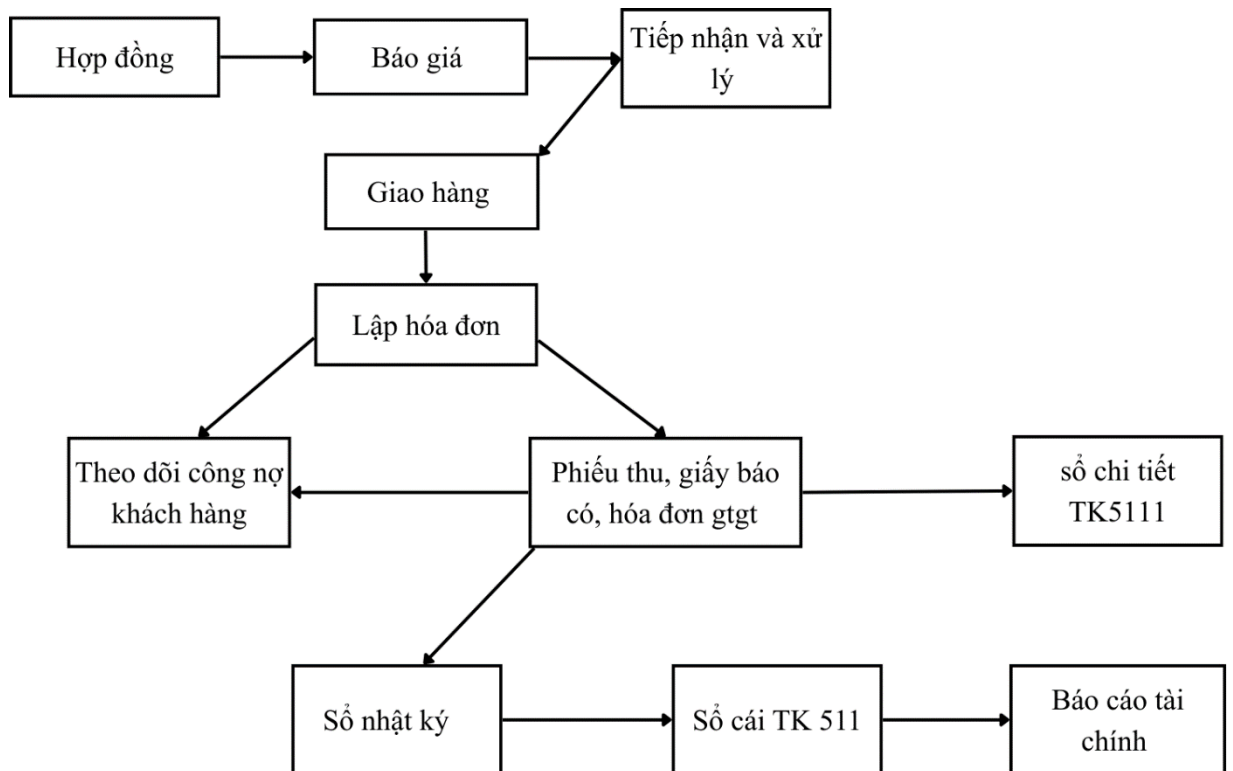
- Các loại chứng từ, hóa đơn mà công ty sử dụng dùng làm căn cứ ghi nhận doanh thu: Khách hàng thanh toán (hóa đơn GTGT, phiếu thu)
- Các loại sổ sách: Sổ nhật ký chung, sổ cái TK 511, sổ chi tiết TK 5111

2.2.1.3. Tài khoản sử dụng

- Để hạch toán doanh thu tại công ty, công ty sử dụng tài khoản sau:
- TK 511-“ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”
- TK 5111:” Doanh thu bán hàng hóa”. Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu và doanh thu thuần của các loại ắc quy, được xác định đã bán trong kỳ kế toán doanh nghiệp.

Tài khoản liên quan : TK 1111, TK 1121, TK 131, TK 331, TK 33311

2.2.1.4. Quy trình luân chuyển chứng từ



Sơ đồ 2.5: Sơ đồ luân chuyển chứng từ

- Đầu tiên khi có khách hàng có nhu cầu mua, khách hàng sẽ liên hệ trực tiếp với công ty thông qua số điện thoại hoặc đến trực tiếp công ty để đặt hàng. Khi đó giám đốc cùng với nhân viên bán hàng trực tiếp làm việc với khách hàng để thống nhất ký kết hợp đồng.
- Khi đó khách hàng đưa ra yêu cầu báo giá hàng hóa, nhân viên bán hàng sẽ căn cứ vào bảng báo giá thông qua giám đốc để lập báo giá. Khi lập xong phải đưa qua cho Giám đốc ký xét duyệt rồi gửi tới khách hàng.
- Hàng hóa được xét duyệt, nhân viên bán hàng sẽ thông báo với khách hàng về việc tiếp nhận đơn hàng
- Khi đơn hàng được duyệt, nhân viên sẽ gửi đơn hàng cho kế toán lập phiếu xuất kho và đồng thời lập 2 biên bản giao nhận hàng hóa, một bên là khách hàng nắm giữ để khi khách hàng ký và hoàn tất việc chuyển giao quyền sở hữu và bên còn lại của công ty trực tiếp nắm giữ và 2 bản có giá trị pháp lý như nhau.
- Hoàn tất việc giao hàng, kế toán lập hóa đơn GTGT gửi cho khách hàng dựa vào biên bản giao nhận
- Khi khách hàng thanh toán bằng tiền mặt ta sẽ có phiếu thu, và tương tự khi chuyển khoản sẽ có được giấy báo có. Nếu trường hợp khách hàng chưa thanh toán ta sẽ treo công nợ khách hàng, theo dõi công nợ khách hàng và khi đến hạn phải gửi thông báo về việc thanh toán đúng hạn.

- Khi hoàn thành công tác bán hàng, khi đó kế toán căn cứ vào các chứng từ gốc như phiếu Thu, giấy báo có và hóa đơn GTGT, có chứa các thông tin chi tiết về sản phẩm, giá trị, thuế và các điều kiện thanh toán, khi đó sẽ xác định Tài khoản nợ, có rồi nhập dữ liệu vào phần mềm Trí Việt. Sau đó phần mềm sẽ tự động cập nhật số liệu đã được nhập vào sổ nhật ký chung, sổ cái TK 511 và sổ chi tiết TK 5111.
- Cuối năm khi đã đủ dữ liệu thì phần mềm tự động lập báo cáo tài chính. Cuối tháng hoặc cuối quý sẽ thực hiện việc kết chuyển và lập báo cáo

2.2.1.5. Nghiệp vụ minh họa

Để minh họa thực trạng công tác kinh doanh doanh thu tại công ty TNHH Nam Thành sau

*** Nghiệp vụ 1: Bán hàng cho doanh nghiệp hóa đơn 1225**

*** Nghiệp vụ 2: Bán hàng cho doanh nghiệp hóa đơn 1245**

*** Nghiệp vụ 1: Bán hàng hàng cho doanh nghiệp hóa đơn 1225**

Ngày 09 tháng 12 năm 2025, công ty TNHH Nam Thành bán hàng cho Công Ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ Vận Tải Rin Rin giá trị hóa đơn là 4.212.000 VNĐ (đã bao gồm thuế GTGT 8%) với hoá đơn GTGT số 1225. Khách hàng đã thanh toán bằng tiền mặt

- Ngày 06 tháng 12 năm 2025, sau khi 2 bên ký hợp đồng kinh doanh. Công Ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ Vận Tải Rin Rin thông báo muốn mua hàng. Ngày 07 tháng 09 năm 2025 nhân viên lập đơn báo giá cho giám đốc xét duyệt rồi gửi tới cho khách hàng

- Sau khi công ty TNHH Nam Thành gửi thư chào hàng tới khách hàng (*Thư chào hàng xem phụ lục 2*) kế toán kiểm tra hàng tồn kho và thông báo lên giám đốc, kế toán lập phiếu xuất kho đồng thời lập biên bản giao nhận hàng hoá và tiến hành giao hàng cho Công Ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ Vận Tải Rin Rin (*Biên bản giao nhận hàng hoá xem phụ lục 3*)

- Quy trình lập hóa đơn GTGT (*xem phụ lục 4*)

Quá trình ghi sổ doanh thu bán hàng phát sinh đối với nghiệp vụ được hạch toán như sau: Căn cứ vào hoá đơn GTGT, kế toán tiến hành nhập số liệu vào mục “kế toán bán hàng và công nợ phải thu “chọn loại chứng từ “ hoá đơn bán hàng kèm phiếu xuất kho ” trên phần mềm kế toán Trí Việt. Nhập các thông tin khách hàng như họ và tên, số hoá đơn, ngày hoá đơn, diễn giải nội dung và hạch toán

- Khách hàng đã thanh toán bằng tiền mặt

Mã cơ quan thuế: 003E55B37F7302487A93A45230DAD4B9C0

Ấc Quy
Nam Thành

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (date) 09 tháng (month) 12 năm (year) 2025

Ký hiệu (Serial No): **1C25TNT**
Số (No.): **1225**

Đơn vị bán hàng (Seller): **CÔNG TY TNHH NAM THÀNH**

Mã số thuế (Tax code): **0400127593**

Địa chỉ (Address): 217 Điện Biên Phủ, Phường Thanh Khê, Thành Phố Đà Nẵng, Việt Nam

Số tài khoản (A/C No):



Họ tên người mua hàng (Buyer's fullname):

Tên đơn vị (Company's name): **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ VẬN TÀI RIN RIN**

Địa chỉ (Address): Thửa Đất Số 46, Tờ Bản Đồ Số 244, Đường Mai Đăng Chơn, Phường Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mã số thuế (Tax code): 0401957413

Mã đơn vị quan hệ ngân sách (Budget unit code):

Hình thức thanh toán (Payment method): Tiền mặt/Chuyển khoản

Số tài khoản (A/C No):

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (4) x (5)
1	Ấc quy CMF Din65	Bình	3	1.300.000	3.900.000
Cộng tiền hàng (Total amount):					3.900.000
Thuế suất GTGT (VAT Rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 312.000
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):					4.212.000
Số tiền viết bằng chữ (In words): Bốn triệu hai trăm mười hai nghìn đồng					

Người mua hàng (Buyer)
(Ký, ghi rõ họ tên)
(Sign & Fullname)

Người bán hàng (Seller)
(Ký, ghi rõ họ tên)
(Sign & Fullname)

Signature valid

Được ký bởi: **CÔNG TY TNHH NAM THÀNH**

Ngày ký: 09 / 12 / 2025

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Tra cứu hóa đơn điện tử tại trang web: <http://tracuu.vin-hoadon.com> Mã số tra cứu: 2F22L08C4F0C

Đơn vị cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VISNAM, MST: 0401486901

Hình 2.1: Hoá đơn Giá trị gia tăng số 1225

Mã cơ quan thuế: 00296343B0A78F4F179C802EF126185E98

Ấc Quy
Nam Thành

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ký hiệu (Serial No.): **1C25TNT**
Số (No.): **1245**

Ngày (date) 11 tháng (month) 12 năm (year) 2025

Đơn vị bán hàng (Seller): **CÔNG TY TNHH NAM THÀNH**

Mã số thuế (Tax code): **0400127593**

Địa chỉ (Address): 217 Điện Biên Phủ, Phường Thanh Khê, Thành Phố Đà Nẵng, Việt Nam

Số tài khoản (A/C No):



Họ tên người mua hàng (Buyer's fullname):

Tên đơn vị (Company's name): **CÔNG TY CỔ PHẦN TIN HỌC VÀ VIỄN THÔNG T & H**

Địa chỉ (Address): 02 Hưng Hóa 6, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mã số thuế (Tax code): 0400353916

Mã đơn vị quan hệ ngân sách (Budget unit code):

Hình thức thanh toán (Payment method): Tiền mặt/Chuyển khoản

Số tài khoản (A/C No):

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (4) x (5)
1	Bình ắc quy M42/60B20L ENIMAC	Bình	2	941.204	1.882.408
2	Bình ắc quy ENIMAC Din 60L	Bình	3	1.234.259	3.702.777
3	Bình ắc quy ENIMAC CMF 75D23L	Bình	3	1.310.185	3.930.555
4	Bình ắc quy ENIMAC CMF 95D31	Bình	2	1.493.519	2.987.038
5	Bình ắc quy ENIMAC CMF 31-800	Bình	2	1.858.334	3.716.668
Cộng tiền hàng (Total amount):					16.219.446
Thuế suất GTGT (VAT Rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 1.297.554
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):					17.517.000
Số tiền viết bằng chữ (In words): Mười bảy triệu năm trăm mười bảy nghìn đồng					

Người mua hàng (Buyer)
(Ký, ghi rõ họ tên)
(Sign & Fullname)

Người bán hàng (Seller)
(Ký, ghi rõ họ tên)
(Sign & Fullname)

Signature valid

Được ký bởi: **CÔNG TY TNHH NAM THÀNH**

Ngày ký: 11 / 12 / 2025

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Trà cứu hóa đơn điện tử tại trang web: <http://tracuu.vin-hoadon.com> Mã số tra cứu: 1FC9R728KYFJ

Đơn vị cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VISNAM, MST: 0401486901

Hình 2.3: Hoá đơn Giá trị gia tăng số 1245

Hoà Đơn Bán Hàng Kiểm Phiếu Xuất Kho

Khách hàng: 131-TH916 Công Ty CP Tin Học Và Viễn Thông T & H Ngày CJ: 11/12/2025 Số CT: 1245 Hạn t. toán: 0

Họ tên n. mua: Công Ty CP Tin Học Và Viễn Thông T & H PT giao hàng: PT giao hàng

Lý do chứng từ: Bán hàng HD 1245 Mã NV quản lý: Chọn giá bán: 1. Giá chung

Địa chỉ: 02 Hùng Hóa 6, Phường Hoà Cường Nam, Quận Hải Nhân viên Order: D. chỉ giao hàng

Mã HH	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Giá chưa VAT	Tiền chưa VAT	Kmãi	Giá vốn	Tiền vốn	TK Nợ	TK Có	TK
VT_1	Bình ắc quy M42/60B20L ENIMAC	Bình	2	941.204	1.882.408		888.201	1.776.401	131	5111	632
VT_104	Bình ắc quy ENIMAC Din 60L	Bình	3	1.234.259	3.702.777		1.107.038	3.321.113	131	5111	632
VT_282	Bình ắc quy ENIMAC CMF 75D231	Bình	3	1.310.185	3.930.555		1.284.270	3.852.810	131	5111	632
VT_102	Bình ắc quy ENIMAC CMF 95D31	Bình	2	1.493.519	2.987.038		1.430.228	2.860.456	131	5111	632
VT_93	Bình ắc quy ENIMAC CMF 31-800	Bình	2	1.858.334	3.716.668		1.786.992	3.573.985	131	5111	632

Tổng tiền vốn: 15.384.765

Tiền CK: 0

Tiền hàng: 16.219.446

Tiền hàng sau CK: 16.219.446

Tiền thuế: 1.297.554

Tổng hoá đơn: 17.517.000

Tổng hoá toán: 17.517.000

Hình 2.4: Nhập hoá đơn trên phần mềm Trí Việt

(Phiếu thu xem phụ lục 6)

Sau đó hệ thống sẽ tự động cập nhật lên sổ chi tiết, sổ nhật ký chung, sổ cái tài khoản 511

Đơn vị: CÔNG TY TNHH NAM THÀNH					Mẫu số: S19-DNN				
Địa chỉ: 217 Điện Biên Phủ, Thanh Khê, TP Đà Nẵng					(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của BTC)				
SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN									
Năm 2025									
Tài khoản 5111 - Doanh thu bán hàng hóa									
CHỨNG TỪ		MÃ KH	KHÁCH HÀNG	DIỄN GIẢI	TKĐƯ	SỐ TIỀN			
NGÀY	SỐ CT					NỢ	CÓ		
02/01	0001	131-DN004	Công Ty TNHH Đại Học Rmit Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng	Bán hàng HD 0001	131	0	537.036		
03/07	0540	131-HQ387	Công Ty TNHH Thương Mại & Dịch Vụ Hưng Quyền	Bán hàng HD 0540	131	0	7.034.814		
09/12	1225	131-RR413	Công Ty TNHH Thương Mại & Dịch Vụ Vận Tải Rắn Rắn	Bán hàng HD 1225	131	0	3.900.000		
11/12	1244	131-VL727	Nguyễn Văn Lộc	Bán hàng HD 1244	131	0	3.888.148		
11/12	1244	131-VL727	Nguyễn Văn Lộc	Bán hàng HD 1244	131	0	19.260.000		
11/12	1245	131-TH916	Công Ty CP Tin Học Và Viễn Thông T & H	Bán hàng HD 1245	131	0	1.882.408		
11/12	1245	131-TH916	Công Ty CP Tin Học Và Viễn Thông T & H	Bán hàng HD 1245	131	0	2.987.038		
11/12	1245	131-TH916	Công Ty CP Tin Học Và Viễn Thông T & H	Bán hàng HD 1245	131	0	3.702.777		
11/12	1245	131-TH916	Công Ty CP Tin Học Và Viễn Thông T & H	Bán hàng HD 1245	131	0	3.716.668		
11/12	1245	131-TH916	Công Ty CP Tin Học Và Viễn Thông T & H	Bán hàng HD 1245	131	0	3.930.555		
31/12	KC-000003			KC Doanh Thu bán hàng sang KQ SXKD	911	1.773.434.117	0		
				Tổng cộng phát sinh		14.068.769.748	14.068.769.748		
				Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12		14.068.769.748	14.068.769.748		
				Số dư cuối kỳ		0	0		
Người ghi sổ					Đà Nẵng, Ngày 31 tháng 12 năm 2025				
(Ký, họ tên)					Giám đốc				
					(Ký, họ tên)				

Hình 2.5: Trích sổ chi tiết TK 5111

Trích sổ nhật ký chung (được trình bày ở phụ 1)

CÔNG TY TNHH NAM THÀNH					
217 Điện Biên Phủ, Thanh Khê, TP Đà Nẵng					
SỔ CÁI					
Năm 2025					
Tài khoản 511 - Doanh thu bán hàng hóa					
CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	TKĐƯ	SỐ TIỀN	
NGÀY	SỐ CT			NỢ	CÓ
		Tồn đầu kỳ		0	0
02/01	0001	Bán hàng HD 0001	131	0	537.036
09/12	1225	Bán hàng HD 1225	131	0	3.900.000
11/12	1244	Bán hàng HD 1244	131	0	3.888.148
11/12	1244	Bán hàng HD 1244	131	0	19.260.000
11/12	1245	Bán hàng HD 1245	131	0	1.882.408
11/12	1245	Bán hàng HD 1245	131	0	2.987.038
11/12	1245	Bán hàng HD 1245	131	0	3.702.777
11/12	1245	Bán hàng HD 1245	131	0	3.716.668
11/12	1245	Bán hàng HD 1245	131	0	3.930.555
31/12	KC-000003	KC Doanh Thu bán hàng sang KQ SXKD	911	1.773.434.117	0
Tổng cộng phát sinh				14.068.769.748	14.068.769.748
Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12				14.068.769.748	14.068.769.748
Số dư cuối kỳ				0	0
				Ngày.....tháng.....năm.....	
				kế toán trưởng	

Hình 2.6: Trích sổ cái 511

2.3.1. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu tại công ty TNHH Nam Thành

(Công ty không phát sinh nghiệp vụ)

2.4.1. Kế toán giá vốn hàng bán tại công ty TNHH Nam Thành

2.4.1.1. Đặc điểm giá vốn hàng bán

Công ty được áp dụng theo phương pháp bình quân gia quyền cuối kỳ, giá trị hàng xuất kho được xác định dựa trên đơn giá bình quân của hàng tồn kho cuối kỳ, được tính bằng tổng giá trị hàng tồn đầu kỳ và hàng nhập trong kỳ chia cho tổng số lượng tương ứng. Phương pháp này giúp đơn giản hóa công tác kế toán và làm giảm biến động giá vốn giữa các kỳ

2.4.1.2. Chứng từ và sổ sách sử dụng

Chứng từ sử dụng

- Phiếu xuất kho

Sổ sách sử dụng

- + Sổ nhật ký chung
- + Sổ chi tiết tài khoản 632
- + Sổ cái tài khoản 632

2.4.1.3. Tài khoản sử dụng

- Để hạch toán doanh thu tại công ty, công ty sử dụng tài khoản sau:
- + TK 632 - “ Giá vốn hàng bán”

2.4.1.4. Nghiệp vụ minh họa

Phương pháp tính giá vốn:

Công ty sử dụng phương pháp bình quân cuối kỳ. Theo phương pháp này cuối kỳ mới tính giá vốn của hàng tồn kho trong kỳ. Kế toán căn cứ vào giá nhập, lượng hàng tồn kho đầu kỳ, số lượng hàng nhập trong kỳ để tính giá xuất kho bình quân

Đơn giá thực tế bình quân hàng tồn kho i	=	Trị giá thực tế hàng i tồn đầu kỳ	+	Trị giá thực tế hàng i nhập trong kỳ
		Số lượng hàng i tồn đầu kỳ	+	Số lượng hàng i nhập trong kỳ

Để minh họa thực trạng giá vốn tại công ty TNHH Nam Thành sau:

*** Nghiệp vụ 1: Giá vốn hàng bán theo hóa đơn số 1193**

*** Nghiệp vụ 2: Giá vốn hàng bán theo hóa đơn số 1245**

Nghiệp vụ 1: : Giá vốn hàng bán theo hóa đơn số 1193

Ngày 04 tháng 12 năm 2025 doanh nghiệp xuất bán theo hóa đơn số 1193 một lô hàng có giá trị là 4.506.694 VNĐ (chưa bao gồm thuế GTGT), người mua thanh toán bằng tiền mặt

- Doanh nghiệp áp dụng tính giá xuất kho theo phương pháp bình quân cuối kỳ (cụ thể là cuối mỗi tháng), nên tại thời điểm xuất kho thì chưa cập nhật đơn giá và thành tiền vào phiếu xuất mà chỉ cập nhật số lượng hàng xuất lên phiếu xuất kho

Sau khi nhập đầy đủ biểu mẫu “Hóa đơn bán hàng” và thực hiện các đường dẫn tính giá vốn thì giá vốn được tự động cập nhật vào biểu mẫu “Phiếu xuất kho” như sau

Hình 2.7: Màn hình nhập liệu giá vốn

Đơn vị: CÔNG TY TNHH NAM THÀNH

Địa chỉ: 217 Điện Biên Phủ, Thanh Khê, TP Đà Nẵng

Mẫu số 02 -VT
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 04 tháng 12 năm 2025 Số : 1193

Nợ: 632
Có: 156

Họ tên người nhận hàng: Công Ty Cổ Phần Comin An An Hòa

Địa chỉ (bộ phận): Khu CN, Hậu Cần Cảng Tam Hiệp, Xã Tam Hiệp, Huyện Núi Thành, Tỉnh Quảng Nam

Lý do xuất kho: Bán hàng HD 1193

Xuất tại kho: Kho chính

STT	Tên vật tư (sản phẩm, hàng hóa)	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Ác quy GS N150	Bình	2	2.253.347	4.506.694
Cộng tiền hàng					4.506.694

Tổng số tiền (viết bằng chữ) Bốn triệu năm trăm lẻ sáu ngàn sáu trăm chín mươi bốn đồng

Đà Nẵng, Ngày 04 tháng 12 năm 2025

Người lập phiếu Người nhận hàng Thủ kho Kế toán trưởng Giám đốc
(Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên)

Hình 2.8: Phiếu xuất kho

Đơn vị: CÔNG TY TNHH NAM THÀNH

Địa chỉ: 217 Điện Biên Phủ, Thanh Khê, TP Đà Nẵng

BÁO CÁO NHẬP XUẤT TỒN

Tháng 12 Năm 2025

TÊN HÀNG HÓA		ĐVT	ĐƠN GIÁ	ĐẦU KỲ		NHẬP		XUẤT		TỒN	
				SL	TT	SL	TT	SL	TT	SL	TT
VT_10	Ắc quy GS N150	Bình	2.253.347	28,0	63.093.709	0,0	0	6,0	13.520.081	22,0	49.573.628
Tổng cộng				28,0	63.093.709,0	0,0	0,0	6,0	13.520.081,0	22,0	49.573.628,0

Hình 2.9: Bảng báo cáo nhập xuất tồn

Ví dụ minh họa: Đối với ác quy GSN150 tồn kho đầu kỳ với số lượng 28 và số tiền 63.093.709 VND. Trong kỳ công ty xuất bán số lượng 22 với số tiền 13.520.081 VND. Theo phương pháp tính giá vốn bình quân cuối kỳ ta có:

$$\text{Đơn giá bình quân} = \frac{63.093.709+0}{28+0}$$

$$= 2.253.347$$

Nghiệp vụ 2: Giá vốn hàng bán theo hóa đơn số 1245

Ngày 11 tháng 12 năm 2025 doanh nghiệp xuất bán cho Công ty cổ phần tin học và viễn thông T & H theo hóa đơn số 1245 một lô hàng có giá trị là 17.517.000 VNĐ (đã bao gồm thuế GTGT), người mua thanh toán bằng tiền mặt.

Sau khi nhập đầy đủ biểu mẫu “Hóa đơn bán hàng” và thực hiện các đường dẫn tính giá vốn thì giá vốn được tự động cập nhật vào biểu mẫu “Phiếu xuất kho” như sau:

Đơn vị: CÔNG TY TNHH NAM THÀNH
Địa chỉ: 217 Điện Biên Phủ, Thanh Khê, TP Đà Nẵng

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 11 tháng 12 năm 2025 Số : **1245**

Mẫu số 02 -VT
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016 của BTC)

Nợ: 632
Có: 156

Họ tên người nhận hàng: Công Ty CP Tin Học Và Viễn Thông T & H
Địa chỉ (bộ phận): 02 Hưng Hóa 6, Phường Hoà Cường Nam, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng
Lý do xuất kho: Bán hàng HD 1245
Xuất tại kho: Kho chính

STT	Tên vật tư (sản phẩm, hàng hóa)	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Bình ắc quy M42/60B20L ENIMAC	Bình	2	888.201	1.776.401
2	Bình ắc quy ENIMAC Din 60L	Bình	3	1.107.038	3.321.113
3	Bình ắc quy ENIMAC CMF 75D23L	Bình	3	1.284.270	3.852.810
4	Bình ắc quy ENIMAC CMF 95D31	Bình	2	1.430.228	2.860.456
5	Bình ắc quy ENIMAC CMF 31-800	Bình	2	1.786.992	3.573.985
Cộng tiền hàng					15.384.765

Tổng số tiền (viết bằng chữ) Mười lăm triệu ba trăm tám mươi bốn ngàn bảy trăm sáu mươi lăm đồng

Đà Nẵng, Ngày 11 tháng 12 năm 2025

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Người nhận hàng
(Ký, họ tên)

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Nguyễn Đình Dũng

Hình 2.10: Phiếu xuất kho

He thong

Quay ra Copy Record Đăng đơn

Hoà Đơn Bán Hàng Kiểm Phiếu Xuất Kho

Khách hàng: 131-TH916 Công Ty CP Tin Học Và Viễn Thông T & H Ngày CJ: 11/12/2025 Số CT: 1245 Hạn t. toán: 0

Họ tên n. mua: Công Ty CP Tin Học Và Viễn Thông T & H Phương thức TT: PT giao hàng

Lý do chứng từ: Bán hàng HD 1245 Mã NV quản lý: Chọn giá bán: 1. Giá chung

Địa chỉ: 02 Hưng Hóa 6, Phường Hoà Cường Nam, Quận Hải Nhân viên Order: Địa chỉ giao hàng:

Chỉ tiết chứng từ: ☐ Hóa đơn có giá chiết khấu

Mã HH	Tên hàng hóa	DVT	Số lượng	Giá chưa VAT	Tiền chưa VAT	K.mãi	Giá vốn	Tiền vốn	TK Nợ	TK Có	TK
VT_1	Bình ác quy M42/60B20L ENIMAC	Bình	2	941.204	1.882.408		888.201	1.776.401	131	5111	632
VT_104	Bình ác quy ENIMAC Din 60L	Bình	3	1.234.259	3.702.777		1.107.038	3.321.113	131	5111	632
VT_282	Bình ác quy ENIMAC CMF 75D23	Bình	3	1.310.185	3.930.555		1.284.270	3.852.810	131	5111	632
VT_102	Bình ác quy ENIMAC CMF 95D31	Bình	2	1.493.519	2.987.038		1.430.228	2.860.456	131	5111	632
VT_93	Bình ác quy ENIMAC CMF 31-800	Bình	2	1.858.334	3.716.668		6992,41052632	3.573.985	131	5111	632

Record: 1 2 3 4 5 of 5

Tính VAT Xóa VAT Thêm ☐ Tính VAT với chiết khấu sau thuế ☒ Trạng thái hóa đơn: Chưa phát hành

Ký hiệu: 1C25TNT Phân bổ: 1. Hàng hóa, dịch vụ dùng riêng cho SXKD chịu thuế GTGT

Seri hoá đơn: 00001245 Tên cơ sở KD: Công Ty CP Tin Học Và Viễn Thông T & H

Ngày hoá đơn: 11/12/2025 Địa chỉ: 02 Hưng Hóa 6, Phường Hoà Cường Nam, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng

Loại VAT: 8% Mã số thuế: 0400353916 TK n.hàng: Tên k. toán: Ghi chú: ☐ Giảm thuế

Tiền hàng: 16.219.446 Tiền hàng hoá: Tên hàng hoá: Ghi chú: Thuế - Ghi Nợ: 131 Ghi Có: 33311 Vụ việc:

Tiền VAT: 1.297.554

Hàng hóa: VT_93 / tên (kho CHINH) : 95,00; Thanh toán đủ phiếu thu số: 000092 (17.517.000)

Khóa số / Mã số: Đã thu Thê kho: Khóa DL: Thêm: Xóa: In hoá đơn: Phiếu xuất: Phiếu B.hàng: Phiếu KT: Quay ra

Record: 1 2 3 4 5 of 5 (Filtered)

Form View

12/05/2026

Hình 2.11: Màn hình nhập liệu giá vốn

Sau khi nhập dữ liệu, phần mềm sẽ tự động ghi nhận vào sổ chi tiết, nhật kí chung rồi lên sổ cái.

Đơn vị: CÔNG TY TNHH NAM THÀNH					Mẫu số: S19-DNN		
Địa chỉ: 217 Điện Biên Phủ, Thanh Khê, TP Đà Nẵng					(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của BTC)		
SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN							
Năm 2025							
Tài khoản 632 - Giá vốn hàng bán							
CHỨNG TỪ		MÃ KH	KHÁCH HÀNG	DIỄN GIẢI	TKĐƯ	SỐ TIỀN	
NGÀY	SỐ CT					NỢ	CÓ
				Tồn đầu kỳ		0	0
03/12	1191	131-DD969	Lê Duy Diệp	Bán hàng HD 1191	156	7.134.027	0
03/12	1192	131-DH451	Trung Tâm Giáo Dục Quốc Phòng – An Ninh Và Thể Thao, Đại	Bán hàng HD 1192	156	878.048	0
04/12	0161	131-KL	Người Mua Không Lấy Hóa Đơn	Bán hàng HD 0161	156	19.351.017	0
04/12	1193	131-AH696	Công Ty Cổ Phần Comin An An Hòa	Bán hàng HD 1193	156	4.506.694	0
04/12	1194	131-TT846	Công Ty TNHH Thanh Tùng	Bán hàng HD 1194	156	4.227.543	0
04/12	1195	131-VH125	Nguyễn Văn Hàng	Bán hàng HD 1195	156	1.756.096	0
04/12	1195	131-VH125	Nguyễn Văn Hàng	Bán hàng HD 1195	156	5.217.298	0
04/12	1196	131-VL727	Nguyễn Văn Lộc	Bán hàng HD 1196	156	1.107.038	0
04/12	1196	131-VL727	Nguyễn Văn Lộc	Bán hàng HD 1196	156	3.417.600	0
11/12	1243	131-BHV646	Bùi Hoàng Vũ	Bán hàng HD 1243	156	1.786.992	0
11/12	1244	131-VL727	Nguyễn Văn Lộc	Bán hàng HD 1244	156	3.783.974	0
11/12	1244	131-VL727	Nguyễn Văn Lộc	Bán hàng HD 1244	156	19.206.434	0
11/12	1245	131-TH916	Công Ty CP Tin Học Và Viễn Thông T & H	Bán hàng HD 1245	156	1.776.401	0
11/12	1245	131-TH916	Công Ty CP Tin Học Và Viễn Thông T & H	Bán hàng HD 1245	156	2.860.456	0
11/12	1245	131-TH916	Công Ty CP Tin Học Và Viễn Thông T & H	Bán hàng HD 1245	156	3.321.113	0
11/12	1245	131-TH916	Công Ty CP Tin Học Và Viễn Thông T & H	Bán hàng HD 1245	156	3.573.985	0
11/12	1245	131-TH916	Công Ty CP Tin Học Và Viễn Thông T & H	Bán hàng HD 1245	156	3.852.810	0
11/12	1246	131-KM824	Công Ty TNHH Một Thành Viên Sỷ Kiên Mạnh	Bán hàng HD 1246	156	4.227.543	0
12/12	0168	131-NTH	Nguyễn Thanh Hưng	Bán hàng HD 0168	156	1.801.484	0
12/12	0168	131-NTH	Nguyễn Thanh Hưng	Bán hàng HD 0168	156	7.386.727	0
12/12	0169	131-HVL	Huỳnh Văn Len	Bán hàng HD 0169	156	1.047.017	0
31/12	1333	131-HH135	Công Ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ Vận Tải Huy Hoàng	Bán hàng HD 1333	156	3.913.615	0
31/12	1334	131-NT139	Công Ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ Hưng Nguyễn Trần	Bán hàng HD 1334	156	1.280.647	0
31/12	1334	131-NT139	Công Ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ Hưng Nguyễn Trần	Bán hàng HD 1334	156	2.928.100	0
31/12	1334	131-NT139	Công Ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ Hưng Nguyễn Trần	Bán hàng HD 1334	156	3.255.000	0
31/12	1334	131-NT139	Công Ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ Hưng Nguyễn Trần	Bán hàng HD 1334	156	3.585.284	0
31/12	KC-000005			KC Giá vốn vào KQ SXKD	911	0	1.691.739.518
				Tổng cộng phát sinh		13.338.736.834	13.338.736.834
				Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12		13.338.736.834	13.338.736.834
				Số dư cuối kỳ		0	0
Người ghi sổ				Kế toán trưởng		Đà Nẵng, Ngày 31 tháng 12 năm 2025	
(Ký, họ tên)				(Ký, họ tên)		Giám đốc	
						(Ký, họ tên)	

Hình 2.12: Trích sổ chi tiết 632

Trích sổ nhật ký chung (được trình bày ở phụ lục 1)

CÔNG TY TNHH NAM THÀNH					
217 Điện Biên Phủ, Thanh Khê, TP Đà Nẵng					
SỔ CÁI					
Năm 2025					
Tài khoản 632 - Giá vốn hàng bán					
CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	TKĐƯ	SỐ TIỀN	
NGÀY	SỐ CT			NỢ	CÓ
		Tồn đầu kỳ		0	0
03/12	1191	Bán hàng HĐ 1191	156	7.134.027	0
03/12	1192	Bán hàng HĐ 1192	156	878.048	0
04/12	0161	Bán hàng HĐ 0161	156	19.351.017	0
04/12	1193	Bán hàng HĐ 1193	156	4.506.694	0
04/12	1194	Bán hàng HĐ 1194	156	4.227.543	0
04/12	1195	Bán hàng HĐ 1195	156	1.756.096	0
04/12	1195	Bán hàng HĐ 1195	156	5.217.298	0
11/12	1239	Bán hàng HĐ 1239	156	757.121	0
11/12	1240	Bán hàng HĐ 1240	156	7.663.331	0
11/12	1241	Bán hàng HĐ 1241	156	2.907.074	0
11/12	1242	Bán hàng HĐ 1242	156	693.200	0
11/12	1243	Bán hàng HĐ 1243	156	1.786.992	0
11/12	1244	Bán hàng HĐ 1244	156	3.783.974	0
11/12	1244	Bán hàng HĐ 1244	156	19.206.434	0
11/12	1245	Bán hàng HĐ 1245	156	1.776.401	0
11/12	1245	Bán hàng HĐ 1245	156	2.860.456	0
11/12	1245	Bán hàng HĐ 1245	156	3.321.113	0
11/12	1245	Bán hàng HĐ 1245	156	3.573.985	0
11/12	1245	Bán hàng HĐ 1245	156	3.852.810	0
11/12	1246	Bán hàng HĐ 1246	156	4.227.543	0
12/12	0168	Bán hàng HĐ 0168	156	1.801.484	0
12/12	0168	Bán hàng HĐ 0168	156	7.386.727	0
12/12	1247	Bán hàng HĐ 1247	156	1.891.987	0
31/12	1333	Bán hàng HĐ 1333	156	3.913.615	0
31/12	1334	Bán hàng HĐ 1334	156	1.280.647	0
31/12	1334	Bán hàng HĐ 1334	156	2.928.100	0
31/12	1334	Bán hàng HĐ 1334	156	3.255.000	0
31/12	1334	Bán hàng HĐ 1334	156	3.585.284	0
31/12	KC-000005	KC Giá vốn vào KQ SXKD	911	0	1.691.739.518
		Tổng cộng phát sinh		13.338.736.834	13.338.736.834
		Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12		13.338.736.834	13.338.736.834
		Số dư cuối kỳ		0	0
				Ngày.....tháng.....năm.....	
				kế toán trưởng	

Hình 2.13: Trích sổ cái 632

2.5.1. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính tại công ty TNHH Nam Thành

2.5.1.1. Đặc điểm doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu từ hoạt động tài chính của Công ty chủ yếu được hình thành từ khoản lãi phát sinh trên số dư tiền gửi tại ngân hàng.

2.5.1.2. Chứng từ và sổ sách sử dụng

- Chứng từ sử dụng
- + Phiếu thu
- + Giấy báo có
- + Sổ phụ ngân hàng
 - Sổ sách sử dụng
- + Sổ nhật ký chung
- + Sổ cái TK 515
- + Sổ chi tiết TK 515

2.5.1.3. Tài khoản sử dụng

Công ty sử dụng tài khoản 515 - Doanh thu hoạt động tài chính, để phản ánh doanh thu hoạt động của công ty

2.5.1.4. Nghiệp vụ minh họa

Nghiệp vụ 1: Ngày 31/12/2025, Công ty nhận được sổ phụ kèm giấy báo Có từ ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng (Vietcombank) trong đó có phát sinh khoản lãi tiền gửi tài khoản được ngân hàng chuyển khoản thanh toán với số tiền lãi Công ty nhận được là 148 đồng.

VIETCOMBANK			SAO KÊ TÀI KHOẢN	
CÔNG TY TNHH NAM THANH			Ngày thực hiện/ Date: 12/01/2026	
217 DIEN BIEN PHU, PHUONG HOA KHE			Chi nhánh thực hiện/ Branch: BẮC ĐÀ NẴNG	
			QUAN THANH KHE, TP DA NANG, VIET NAM	
Incount number: 1010251025				
0028174585				
VND				
12/2025			Đến/ To: 31/12/2025	
Ngày GD	Số tiền ghi nợ/ Debit	Số tiền ghi có/ Credit	Số dư/ balance	nội dung chi tiết
		1.000.000	1.776.514	MBVCB.12278966421.LUU THI DIEU THANH chuyen tien. CT tu 1063/78518 LUU THI DIEU THANH toi 1010251025 CÔNG TY TNHH NAM THANH
26/12/2025	1.286.574		489.940	THU NO TKV 001061665241THU NO TKV 001061665241
31/12/2025		148	490.088	INTEREST PAYMENT
	1.286.574	1.000.148		
THANH TOÁN VIÊN			KIỂM SOÁT	

Hình 2.14: Trích Sổ phụ ngân hàng

(Sổ phụ ngân hàng được trình bày phụ lục 7)

NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VN CHI NHÁNH BẮC ĐÀ NẴNG Số 249A đường Nguyễn Lương Bằng, phường		GIẤY BÁO NỢ/CÓ (không phải hóa đơn GTGT) Ngày (date): 31/12/2025 (Liên 1: lưu, Liên 2: KH) Số chứng từ - Doc No311225.9701.1010251025	
Lệnh		Người hưởng	
DU CHI LAI TIEN GUI KHH 12402270102994		Họ tên : CONG TY TNHH NAM THANH	
NH TMCP ngoại thương Việt Nam - CN VCB BAC DA NANG - TRU SO CN		Số tk : 1010251025	
148,00		Địa chỉ	
Một trăm bốn mươi tám đồng		Số tiền có 148,00	
Phí : 0,00		Một trăm bốn mươi tám đồng	
		loại tiền: VND	

Hình 2.15: Trích giấy báo có

(Giấy báo có được trình bày ở phụ lục 8)

Kế toán tiến hành nhập lên phần mềm Trí Việt

The screenshot shows the 'Phiếu Thu Tiền Gửi' (Deposit Slip) form in the Trí Việt accounting software. The form is divided into several sections:

- Header:** Includes the bank name 'Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam' and the branch 'Đà Nẵng'.
- Customer Information:** Fields for 'Khách hàng' (Customer), 'Địa chỉ' (Address), and 'Mã nhân viên' (Employee Code).
- Transaction Details:** A table with columns for 'TX Ng' (Transaction Date), 'TX Có' (Transaction Amount), 'Số tiền' (Amount), and 'Diễn giải bút toán' (Transaction Description). The table shows a list of transactions for the year 2025, with a total amount of 148,00 VND.
- Summary:** A section at the bottom showing the 'Tổng hợp' (Summary) of the transactions, with a total amount of 148,00 VND.

Hình 2.16: Nhập liệu lên phần mềm Trí Việt

Sau khi nhập dữ liệu vào phần mềm sẽ tự động cập nhật số liệu lên sổ chi tiết, sổ nhật ký chung, sổ cái TK 515. Cuối kỳ, kế toán tổng hợp, kết chuyển sang tài khoản 911 – “Xác định kết quả kinh doanh”

Đơn vị: CÔNG TY TNHH NAM THÀNH
Địa chỉ: 217 Điện Biên Phủ, Thanh Khê, TP Đà Nẵng

Mẫu số: S19-DNN
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016 của BTC)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Năm 2025

Tài khoản 515 - Doanh thu hoạt động tài chính

CHỨNG TỪ		MÃ KH	KHÁCH HÀNG	DIỄN GIẢI	TKĐƯ	SỐ TIỀN	
NGÀY	SỐ CT					NỢ	CÓ
				Tồn đầu kỳ		0	0
25/01	000018	VCB	Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Na	Lãi tiền gửi	11213	0	28
25/01	000019	ACB	Ngân Hàng TMCP Á Châu	Lãi tiền gửi	11212	0	3
31/01	000017	VTB	Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Na	Lãi tiền gửi	11211	0	4.191
...	...	...	...	...	...	...	...
31/08	KC-000004			KC Doanh Thu tài chính sang KQ SXKD	911	4.958	0
25/09	000035	VCB	Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Na	Lãi tiền gửi	11213	0	93
30/09	000032	VTB	Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Na	Lãi tiền gửi	11211	0	3.039
30/09	KC-000004			KC Doanh Thu tài chính sang KQ SXKD	911	3.132	0
25/10	000043	VCB	Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Na	Lãi tiền gửi	11213	0	38
31/10	000041	VTB	Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Na	Lãi tiền gửi	11211	0	5.829
31/10	KC-000004			KC Doanh Thu tài chính sang KQ SXKD	911	5.867	0
25/11	000044	ACB	Ngân Hàng TMCP Á Châu	Lãi tiền gửi	11212	0	1
25/11	000045	VCB	Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Na	Lãi tiền gửi	11213	0	12
30/11	000042	VTB	Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Na	Lãi tiền gửi	11211	0	4.244
30/11	KC-000004			KC Doanh Thu tài chính sang KQ SXKD	911	4.257	0
25/12	000001	ACB	Ngân Hàng TMCP Á Châu	Lãi tiền gửi	11212	0	9
31/12	000002	VCB	Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Na	Lãi tiền gửi	11213	0	148
31/12	000084	VTB	Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Na	Lãi tiền gửi	11211	0	3.978
31/12	KC-000004			KC Doanh Thu tài chính sang KQ SXKD	911	6.133	0
				Tổng cộng phát sinh		46.259	46.259
				Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12		46.259	46.259
				Số dư cuối kỳ		0	0

Đà Nẵng, Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Hình 2.17: Trích sổ chi tiết TK 515

Trích sổ nhật ký chung (được trình bày ở phụ lục 1)

CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	TKĐƯ	SỐ TIỀN	
NGÀY	SỐ CT			NỢ	CÓ
25/07	000035	Lãi tiền gửi	11213	0	31
25/07	000036	Lãi tiền gửi	11212	0	17
31/07	000031	Lãi tiền gửi	11211	0	2.729
31/07	KC-000004	KC Doanh Thu tài chính sang KQ SXKD	911	2.777	0
25/08	000060	Lãi tiền gửi	11213	0	29
25/08	000062	Lãi tiền gửi	11212	0	14
31/08	000059	Lãi tiền gửi	11211	0	4.915
31/08	KC-000004	KC Doanh Thu tài chính sang KQ SXKD	911	4.958	0
25/09	000035	Lãi tiền gửi	11213	0	93
30/09	000032	Lãi tiền gửi	11211	0	3.039
30/09	KC-000004	KC Doanh Thu tài chính sang KQ SXKD	911	3.132	0
25/10	000043	Lãi tiền gửi	11213	0	38
31/10	000041	Lãi tiền gửi	11211	0	5.829
31/10	KC-000004	KC Doanh Thu tài chính sang KQ SXKD	911	5.867	0
25/11	000044	Lãi tiền gửi	11212	0	1
25/11	000045	Lãi tiền gửi	11213	0	12
30/11	000042	Lãi tiền gửi	11211	0	4.244
30/11	KC-000004	KC Doanh Thu tài chính sang KQ SXKD	911	4.257	0
25/12	000001	Lãi tiền gửi	11212	0	9
31/12	000002	Lãi tiền gửi	11213	0	148
31/12	000084	Lãi tiền gửi	11211	0	3.978
31/12	KC-000004	KC Doanh Thu tài chính sang KQ SXKD	911	6.133	0
		Tổng cộng phát sinh		46.259	46.259
		Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12		46.259	46.259
		Số dư cuối kỳ		0	0

.....Ngày.....tháng.....năm.....

kế toán trưởng

Hình 2.18: Trích sổ cái TK 515

2.6.1. Kế toán chi phí tài chính

2.6.1.1. Đặc điểm chi phí tài chính

Chi phí tài chính là khoản chi phí phát sinh trong quá trình doanh nghiệp huy động và sử dụng các nguồn vốn, đặc biệt là vốn vay, bao gồm chủ yếu là chi phí lãi vay và các chi phí liên quan đến hoạt động tài chính.

2.6.1.2. Chứng từ và sổ sách sử dụng

- Chứng từ sử dụng
- + Giấy báo nợ
- + Phiếu chi
- Sổ sách sử dụng
- + Sổ nhật ký chung
- + Sổ cái TK 635
- + Sổ chi tiết TK 635

2.6.1.3. Tài khoản sử dụng

Doanh nghiệp sử dụng TK 635 – “ Chi phí hoạt động tài chính “ để phản ánh chi phí tài chính của công ty

2.6.1.4. Nghiệp vụ minh họa

Hàng tháng kế toán sẽ nhận được các chứng từ kế toán như: Giấy báo nợ,... kế toán sẽ ghi nhận các khoản chi phí liên quan đến hoạt động tài chính vào sổ chi tiết 635, sổ nhật ký chung và sổ cái TK635.

Nghiệp vụ 1: Ngày 26/12/2025 ngân hàng gửi giấy báo nợ tiền lãi vay định kỳ của Công ty số tiền 1.286.574 đồng

VIETCOMBANK			SAO KÊ TÀI KHOẢN	
CÔNG TY TNHH NAM THANH			Ngày thực hiện/ Date: 12/01/2026	
217 DIEN BIEN PHU, PHUONG HOA KHE			Chi nhánh thực hiện/ Branch: BẮC ĐÁ NẮNG	
			QUAN THANH KHE, TP DA NANG, VIET NAM	
Incount number: 1010251025				
0028174585				
VND				
12/2025			Đến/ To: 31/12/2025	
Ngày GD	Số tiền ghi nợ/ Debit	Số tiền ghi có/ Credit	Số dư/ balance	nội dung chi tiết
		1.000.000	1.776.514	MBVCB.12278966421.LUU THI DIEU THANH chuyen tien. CT tu 1063/78518 LUU THI DIEU THANH toi 1010251025 CÔNG TY TNHH NAM THANH
26/12/2025	1.286.574		489.940	THU NO TKV 001061665241THU NO TKV 001061665241
31/12/2025		148	490.088	INTEREST PAYMENT
	1.286.574	1.000.148		
THANH TOÁN VIÊN			KIỂM SOÁT	

Hình 2.19: Trích sổ phụ ngân hàng
(sổ phụ ngân hàng được trình bày ở phụ lục 7)

Phiếu Chi Tiền Gửi Copy

Kiểu giao dịch: Phiếu chi cho một đối tượng

Khách hàng: VCB Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam Người nhận tiền: Ngân Hàng TMCP Ngoại Thut Ngày CT: 26/12/2025

Địa chỉ: Đà Nẵng Mã nhân viên: Số CT: 899757

Lý do chứng từ: Thanh toán lãi vay CT gốc:

1. Chi tiết hạch toán 2. Thanh toán cho các phiếu

TK Nợ	TK Có	Số tiền	Diễn giải bút toán	Mã vụ việc	Khoản mục phí
635	11213	1.286.574	Thanh toán lãi vay		

Record: 1 of 1

Hóa đơn GTGT

Ký hiệu	Seri HD	Ngày HD	VAT	Tiền chưa VAT	Tiền VAT	MaKH	Tên cơ sở KD	Địa chỉ	Mã số thuế
---------	---------	---------	-----	---------------	----------	------	--------------	---------	------------

Record: 1 of 1

Thuế - Ghi Nợ: 1331 Ghi Có: 11213 Vụ việc:

Tổng chưa thuế: #Error Tổng hoá đơn: #Error

Tổng thuế VAT: #Error Tổng hạch toán: 1.286.574

[Khóa sổ / Mở sổ](#) [Khoá DL](#) [Thêm phiếu](#) [Xóa phiếu](#) [In phiếu](#) [Ủy nhiệm chi](#) [Bảng kê](#) [Phiếu KT](#) [Quay ra](#)

Record: 1 of 1 (Filtered)

Hình 2.20: Màn hình nhập liệu

Sau khi nhập dữ liệu vào phần mềm sẽ tự động cập nhật số liệu lên sổ chi tiết, sổ nhật ký chung, sổ cái TK 635.

Đơn vị: CÔNG TY TNHH NAM THÀNH						Mẫu số: S19-DNN	
Địa chỉ: 217 Điện Biên Phủ, Thanh Khê, TP Đà Nẵng						(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của BTC)	
SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN							
Năm 2025							
Tài khoản 635 - Chi phí tài chính							
CHUNG TỪ		MÃ KH	KHÁCH HÀNG	DIỄN GIẢI	TKĐƯ	SỐ TIỀN	
NGÀY	SỐ CT					NỢ	CÓ
Tồn đầu kỳ						0	0
...			...				...
27/05	988273	VCB	Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Na	Thanh toán lãi vay	11213	543.332	0
31/05	KC-000001			KC chi phí tài chính	911	0	1.232.876
26/06	104827	VCB	Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Na	Thanh toán lãi vay	11213	456.744	0
27/06	104828	VCB	Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Na	Thanh toán lãi vay	11213	817.229	0
30/06	KC-000001			KC chi phí tài chính	911	0	1.273.973
28/07	126457	VCB	Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Na	Thanh toán lãi vay	11213	1.315.068	0
31/07	KC-000001			KC chi phí tài chính	911	0	1.315.068
26/08	000029	VCB	Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Na	Thanh toán lãi vay	11213	1.191.781	0
31/08	KC-000001			KC chi phí tài chính	911	0	1.191.781
26/09	569865	VCB	Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Na	Thanh toán lãi vay	11213	1.273.973	0
30/09	KC-000001			KC chi phí tài chính	911	0	1.273.973
14/10	821359	VCB	Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Na	Thanh toán lãi vay	11213	651.682	0
...							...
26/12	899757	VCB	Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Na	Thanh toán lãi vay	11213	1.286.574	0
31/12	KC-000001			KC chi phí tài chính	911	0	1.286.574
				Tổng cộng phát sinh		19.081.668	19.081.668
				Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12		19.081.668	19.081.668
				Số dư cuối kỳ		0	0
Người ghi sổ (Ký, họ tên)						Đà Nẵng, Ngày 31 tháng 12 năm 2025	
Kế toán trưởng (Ký, họ tên)						Giám đốc (Ký, họ tên)	

Hình 2.21: Trích sổ chi tiết TK 635

Trích sổ nhật ký chung (được trình bày ở phụ lục 1)

CÔNG TY TNHH NAM THÀNH					
217 Điện Biên Phủ, Thanh Khê, TP Đà Nẵng					
SỔ CÁI					
Năm 2025					
Tài khoản 635 - Chi phí tài chính					
CHUNG TỪ		DIỄN GIẢI	TKĐƯ	SỐ TIỀN	
NGÀY	SỐ CT			NỢ	CÓ
		Tồn đầu kỳ		0	0
03/02	350741	Thanh toán lãi vay	11213	1.950.400	0
	---			----	
31/08	KC-000001	KC chi phí tài chính	911	0	1.191.781
26/09	569865	Thanh toán lãi vay	11213	1.273.973	0
30/09	KC-000001	KC chi phí tài chính	911	0	1.273.973
14/10	821359	Thanh toán lãi vay	11213	651.682	0
31/10	KC-000001	KC chi phí tài chính	911	0	651.682
26/11	215012	Thanh toán lãi vay	11213	63.087	0
27/11	215013	Thanh toán lãi vay	11213	1.223.486	0
30/11	KC-000001	KC chi phí tài chính	911	0	1.286.574
26/12	899757	Thanh toán lãi vay	11213	1.286.574	0
31/12	KC-000001	KC chi phí tài chính	911	0	1.286.574
		Tổng cộng phát sinh		19.081.668	19.081.668
		Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12		19.081.668	19.081.668
		Số dư cuối kỳ		0	0
			Ngày.....tháng.....năm.....		
			kế toán trưởng		

Hình 2.22: Trích sổ cái TK 635

2.7.1. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

2.7.1.1. Đặc điểm chi phí quản lý kinh doanh

Chi phí quản lý kinh doanh của đơn vị bao gồm chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí bán hàng. Chi phí bán hàng bao gồm lương của bộ phận kinh doanh và chi phí xăng xe. Còn chi phí quản lý doanh nghiệp là các khoản chi phí liên quan đến hoạt động quản lý và điều hành chung của doanh nghiệp, bao gồm chi phí hành chính, nhân sự quản lý, văn phòng phẩm, thuế môn bài, lương bộ phận quản lý, phí quản lý tài khoản và các chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ bộ máy quản lý. Khoản chi phí này mang tính chất gián tiếp, không gắn trực tiếp với quá trình sản xuất hay cung ứng sản phẩm nhưng đóng vai trò quan trọng trong việc duy trì và tổ chức hoạt động của doanh nghiệp. Chi phí quản lý kinh doanh thường có tính tương đối ổn định trong ngắn hạn, ít biến động theo sản lượng, tuy nhiên có thể thay đổi theo quy mô và cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp.

2.7.1.2. Chứng từ và sổ sách sử dụng

- Chứng từ sử dụng
 - + Hóa đơn GTGT
 - + Phiếu chi, giấy báo có
 - + sổ phụ ngân hàng
 - + Bảng tính lương và các khoản trích theo lương
 - + Phiếu kế toán
 - + Bảng khấu hao tài sản cố định
- Sổ sách sử dụng
 - + Sổ nhật ký chung
 - + Sổ cái TK 642
 - + Sổ chi tiết TK 6421
 - + Sổ chi tiết TK 6422

2.7.1.3. Tài khoản sử dụng

Công ty sử dụng tài khoản 642 để hạch toán chi phí quản lý kinh doanh. Trong đó công ty sử dụng chi tiết

- TK 6421 – “ Chi phí bán hàng”
- TK 6422 – “ Chi phí quản lý doanh nghiệp “
 - + TK 64222: Chi phí văn phòng phẩm
 - + TK 64223: Chi phí điện, nước, điện thoại
 - + TK 64224: Phí, lệ phí
 - + TK 64225: Chi phí ngân hàng
 - + TK 64225: Chi phí phân bổ, khấu hao

+ TK 64227: Chi phí khác

2.7.1.4. Nghiệp vụ minh họa

Để minh họa thực trạng chi phí quản lý kinh doanh tại công ty sau:

a) TK 6421: Chi phí bán hàng

- Nghệp vụ 1:** Công ty thanh toán lương cho nhân viên

Nghệp vụ 2: Công ty chi tiền xăng phục vụ quản lý

b) TK 6422: Chi phí quản lý doanh nghiệp

Nghệp vụ 3: Công ty chi tiền điện phục vụ quản lý doanh nghiệp (TK64223)

Nghệp vụ 4: Ngân hàng thu phí quản lý tài khoản (TK 64225)

Nghệp vụ 5: Công ty phân bổ, khấu hao tài sản cố định (TK 64226)

Nghệp vụ 6: Công ty mua phần mềm máy tính (TK 64227)

Ví dụ:

Nghệp vụ minh họa 1: Công ty thanh toán lương cho nhân viên

Kế toán tiến hành tính lương dựa vào bảng chấm công sau đó ghi nhận lên phần mềm kế toán.

Ngày 31/11/2025 Công ty TNHH Nam Thành tiến hành tính lương tháng 11 cho bộ phận bán hàng với tổng số tiền tính lương là 25.253.736 VND và trích bảo hiểm cho bộ phận bán hàng.

Đơn vị : Công Ty TNHH Nam Thành

Địa chỉ: 217 Điện Biên Phủ, P Thanh Khê Đông, Q. Thanh Khê, Đà Nẵng

MST: 0400127593

BẢNG THANH TOÁN LƯƠNG

Tháng 11 năm 2025

STT	Mã NV	Họ và tên	Chức vụ	MST	Lương Cơ bản	Ngày công	Tiền lương	Phụ cấp			Tổng phụ cấp	Tổng thu nhập	Thu nhập chịu thuế TNCN
	1	2	3	4	5	6	7=(5/26)*6	Thưởng DT	Ăn ca	Chuyên cần	17 = sum(8:16)	18 = 17 + 7	19= 18 - 11 - 12
I		Bộ phận quản lý			26.500.000		26.500.000	11.597.997	2.340.000	900.000	14.837.997	41.337.997	38.997.997
01	NV001	Lưu Thị Thu Hương	Giám đốc	8076312388	9.000.000	26	9.000.000	3.865.999	780.000	300.000	4.945.999	13.945.999	13.165.999
02	NV002	Lưu Thị Diệu Hiền	P Giám đốc	8076312412	9.000.000	26	9.000.000	3.865.999	780.000	300.000	4.945.999	13.945.999	13.165.999
03	NV003	Nguyễn Thị Khánh Ry	Kế toán	8437615827	8.500.000	26	8.500.000	3.865.999	780.000	300.000	4.945.999	13.445.999	12.665.999
II		Bộ phận kinh doanh			16.000.000		16.000.000	7.731.998	1.560.000	600.000	9.891.998	25.891.998	24.331.998
01	NV004	Hà Đình Thọ	NV bán hàng	8588943964	8.000.000	26	8.000.000	3.865.999	780.000	300.000	4.945.999	12.945.999	12.165.999
02	NV005	Nguyễn Ngọc Thành Trung	NV bán hàng	8433540987	8.000.000	26	8.000.000	3.865.999	780.000	300.000	4.945.999	12.945.999	12.165.999
		TỔNG			42.500.000		42.500.000	19.329.995	3.900.000	1.500.000	24.729.995	67.229.995	63.329.995

Mã NV	Họ và tên	Lương đóng BHXH	Các khoản trích vào chi phí của DN					Các khoản trích trừ vào lương của NV				Giảm trừ Bản thân	Thu nhập tính thuế TNCN	Thuế TNCN phải nộp	Thực lĩnh
			BHXH (17%)	BHYT (3%)	BHTN (1%)	BHTN (0.5%)	Cộng	BHXH (8%)	BHYT (1,5%)	BHTN (1%)	Cộng				
1	2	20	21=20*17%	22=20*3%	23=20*1%	24=20*0,5%	25=21+22+23+24	26=20*17%	27=20*1,5%	28=20*1%	29=20*17%	30	32=20-30-31-32	33	34=19-30-34
	Bộ phận quản lý	22.410.000	3.809.700	672.300	224.100	112.050	4.818.150	1.792.800	336.150	224.100	2.353.050	33.000.000	3.644.947	182.247	38.802.700
NV001	Lưu Thị Thu Hương	9.000.000	1.530.000	270.000	90.000	45.000	1.935.000	720.000	135.000	90.000	945.000	11.000.000	1.220.999	61.050	12.939.949
NV002	Lưu Thị Diệu Hiền	9.000.000	1.530.000	270.000	90.000	45.000	1.935.000	720.000	135.000	90.000	945.000	11.000.000	1.220.999	61.050	12.939.949
NV003	Nguyễn Thị Khánh Ry	4.410.000	749.700	132.300	44.100	22.050	948.150	352.800	66.150	44.100	463.050	11.000.000	1.202.949	60.147	12.922.802
	Bộ phận kinh doanh	8.820.000	1.499.400	264.600	88.200	44.100	1.896.300	705.600	132.300	88.200	926.100	22.000.000	1.405.898	70.295	24.895.603
NV004	Hà Đình Thọ	4.410.000	749.700	132.300	44.100	22.050	948.150	352.800	66.150	44.100	463.050	11.000.000	702.949	35.147	12.447.802
NV005	Nguyễn Ngọc Thành Trung	4.410.000	749.700	132.300	44.100	22.050	948.150	352.800	66.150	44.100	463.050	11.000.000	702.949	35.147	12.447.802
	TỔNG	31.230.000	5.309.100	936.900	312.300	156.150	6.714.450	2.498.400	468.450	312.300	3.279.150	55.000.000	5.050.845	252.542	63.698.303

Hình 2.23: Bảng lương Nam Thành

- ❖ Ngoài nhân viên bán hàng (bộ phận kinh doanh) thì còn có nhân viên kế toán, Giám đốc và P.Giám đốc (bộ phận quản lý) sẽ được hạch toán vào lần lượt **tài khoản là 6421 và 64221**

Đơn vị: CÔNG TY TNHH NAM THÀNH

Địa chỉ: 217 Điện Biên Phủ, Thanh Khê, TP Đà Nẵng

PHIẾU KẾ TOÁN

Số CT: LUONG

Ngày 30 tháng 11 năm 2025

CT gốc:

Lý do: Trích lương, ăn ca vào phí

Ghi nợ	ĐT ghi nợ	Ghi có	ĐT ghi có	Diễn giải	Số tiền
6421		334		Trích lương, ăn ca vào phí	25.891.998
64221		334		Trích lương, ăn ca vào phí	41.337.997
				Tổng cộng	67.229.995

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Hình 2.24: Phiếu kế toán trích lương, ăn ca và phí

The screenshot displays the 'Phiếu kế toán' (Accounting Voucher) interface. The main window is titled 'Chứng Từ Bút Toán Tổng Hợp'. It features a left sidebar with a list of transactions, a central area for detailed transaction entry, and a right sidebar for summary and totals. The central area shows a transaction with account numbers 6421, 64221, and 334, and amounts 25,891,998.00 and 41,337,997.00. The right sidebar shows a total amount of 67,229,995.00. The interface includes various input fields, buttons, and a search bar.

Hình 2.25: Giao diện phiếu kế toán tính lương tháng 11

(phiếu giao diện chi lương được trình bày ở phụ lục 9)

- Trích BHXH, BHYT, BHTN bộ phận bán hàng, bộ phận QLKD đưa vào chi phí của doanh nghiệp, Bộ phận bán hàng bao gồm 2 người trích bảo hiểm, mức lương để trích là 4.410.000 VND. Bộ phận QLKD 1 người với mức lương để trích là 4.410.000 VND và Giám đốc và P.Giám đốc 2 người với mức lương là 9.000.000 VND

Đơn vị: CÔNG TY TNHH NAM THÀNH
Địa chỉ: 217 Điện Biên Phủ, Thanh Khê, TP Đà Nẵng

PHIẾU KẾ TOÁN

Số CT: BHXH

Ngày 30 tháng 11 năm 2025 CT gốc:

Lý do: Trích BHXH, BHYT, KPCD vào phí

Ghi nợ	ĐT ghi nợ	Ghi có	ĐT ghi có	Diễn giải	Số tiền
64221		3383		Trích BHXH, BHYT, KPCD vào phí	4.818.150
6421		3383		Trích BHXH, BHYT, KPCD vào phí	1.896.300
334		3383		Trích BHXH, BHYT, KPCD vào phí	3.279.150
				Tổng cộng	9.993.600

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Hình 2.26: Phiếu kế toán chi phí BHXH, BHYT, BHTN bộ phận bán hàng, bộ phận quản lý doanh nghiệp

The screenshot shows a software interface for creating an accounting voucher. The main window is titled 'Phiếu kế toán chi phí BHXH, BHYT, BHTN'. It contains a table with the following data:

TK Nợ	Đt tương ghi nợ	TK Có	Đt tương ghi có	Số tiền	Diễn giải bút toán
64221		3383		4.818.150,00	Trích BHXH, BHYT, KPCD vào phí
6421		3383		1.896.300,00	Trích BHXH, BHYT, KPCD vào phí
334		3383		3.279.150,00	Trích BHXH, BHYT, KPCD vào phí
				9.993.600	Tổng cộng

Additional fields in the form include: Ngày CT: 30/11/2025, Số CT: BHXH, CT gốc, Lý do chứng từ: Trích BHXH, BHYT, KPCD vào phí, Mã nhân viên, and a list of accounts on the left side.

Hình 2.27: Phiếu giao diện chi phí BHXH, BHYT, BHTN bộ phận bán hàng, bộ phận quản lý doanh nghiệp

(Phiếu giao diện chi lương xem phụ lục 3.9)

Sau khi nhập xong và chỉ trả lương các thông tin sẽ được tự động nhập vào nhật ký chung, sổ cái, sổ chi tiết,...

Cuối năm, kế toán in sổ nhật ký chung, sổ cái, sổ chi tiết,... để lưu trữ

Nghệ vụ minh họa 2: Công ty chi tiền xăng phục vụ quản lý

Ngày 11/12/2025 công ty TNHH Nam Thành mua xăng để chi cho xe phục vụ quản lý, số tiền 500.000 (đã bao gồm VAT) đã thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng
Căn cứ vào hóa đơn GTGT là chứng từ gốc



Mẫu số 1
Ký hiệu: K25TTC
Số: 987388

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ngày 11 tháng 12 năm 2025

Tên người bán: CÔNG TY TNHH MTV PETROLIMEX ĐÀ NẴNG
Mã số thuế: 0400101683
Mã cửa hàng:
Tên cửa hàng:
Địa chỉ: 122 đường 2 tháng 9, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Điện thoại: 0236 3551350
Số tài khoản:

Tên người mua: Công Ty TNHH Nam Thành
Họ tên người mua hàng:
Mã số thuế: 0400127593
Mã ĐVCQHVNSSN:
CCCD người mua:
Số hộ chiếu:
Địa chỉ: 217 Điện Biên Phủ, Phường Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng Việt Nam
Số tài khoản:
Hình thức thanh toán: TM/CK
Đơn vị tiền tệ: VND
Số bảng kê: Ngày bảng kê:

STT	Tính chất	Loại hàng hoá đặc trưng	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Chiết khấu	Thuế suất	Thành tiền chưa có thuế GTGT
1	Hàng hóa, dịch vụ		Xăng RON 95 Mức 3	Lit	24,438	18.944,44		8%	462.963

Thuế suất	Tổng tiền chưa thuế	Tổng tiền thuế
8%	462.963	37.037

Tổng tiền chưa thuế (Tổng cộng thành tiền chưa có thuế)	462.963
Tổng tiền thuế (Tổng cộng tiền thuế)	37.037
Tổng tiền phi	
Tổng tiền chiết khấu thương mại	
Tổng tiền thanh toán bằng số	500.000
Tổng tiền thanh toán bằng chữ	Năm trăm nghìn đồng

NGƯỜI MUA HÀNG

(Chữ ký số (nếu có))

NGƯỜI BÁN HÀNG

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

Signature Valid

Ký bởi CÔNG TY TNHH MTV PETROLIMEX ĐÀ NẴNG

Ký ngày: 2025-12-11 09:18:42

Hình 2.28: Hóa đơn GTGT số 937388

Sau khi nhận được hóa đơn GTGT số 98738, kế toán nhập liệu lên phần mềm và được chi bằng tiền mặt

He thong: PHU CHU TAI KHOAN

Quay ra | Copy Record | Trang

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN
Tài khoản 642 - Chi phí quản lý kinh

STT	Ngày CT	Số CT	Nội dung
387	01/12/25	956786	Công
388	01/12/25	36693	Ngân
389	01/12/25	62758429	Ngân
390	02/12/25	152314	Viên
391	02/12/25	166474	Viên
392	02/12/25	166533	Viên
393	02/12/25	166583	Viên
394	02/12/25	19937442	Tập
395	02/12/25	4149368	Công
396	02/12/25	36933	Ngân
397	04/12/25	232251	Ngân
398	04/12/25	37262	Ngân
399	06/12/25	234605	Ngân
400	07/12/25	235333	Ngân
401	10/12/25	38097	Ngân
402	11/12/25	3471320	Công
403	11/12/25	69371	Công
404	11/12/25	987388	Công
405	11/12/25	38330	Ngân
406	12/12/25	38596	Ngân
407	13/12/25	64899756	Ngân
408	16/12/25	39047	Ngân
409	19/12/25	39587	Ngân
410	23/12/25	40076	Ngân
411	25/12/25	40537	Ngân
412	25/12/25	40551	Ngân
413	26/12/25	899771	Ngân
414	29/12/25	410544	Công
415	29/12/25	41071	Ngân
416	30/12/25	41431	Ngân
417	31/12/25	41707	Ngân
418	31/12/25	BH04	Ngân
419	31/12/25	BH04	Ngân
420	31/12/25	CDTT	Ngân

Phiếu Chi Tiền Mặt

Kiểu giao dịch: Phiếu chi cho một đối tượng

Khách hàng: 331-PT683 Công Ty TNHH Mtv Petrolimex Đà Nẵng Người nhận tiền: Công Ty TNHH Mtv Petrolimex Ngày CT: 11/12/2025

Địa chỉ: 122 Đường 2 Tháng 9, Phường Hòa Cường, TP Đà Nẵng Mã nhân viên: Số CT: 987388

Lý do chứng từ: Chi tiền xăng HD 987388 CT gốc:

1. Chi tiết hạch toán 2. Thanh toán cho các phiếu

TK Nợ	TK Có	Số tiền	Diễn giải hạch toán	Mã vụ việc	Khoản mục phí
6421	1111	462.963	Chi tiền xăng HD 987388		
1331	1111	37.037	Chi tiền xăng HD 987388		
6421	1111	0			

Hóa đơn GTGT

Ký hiệu	Seri HD	Ngày HD	VAT	Tiền chưa VAT	Tiền VAT	MaKH	Tên cơ sở KD	Địa chỉ	Mã số thuế
			8%						

Thuế - Ghi Nợ 1331 Ghi Có 1111 Vụ việc: Tổng chưa thuế: Tổng thuế VAT: Tổng hoá đơn: Tổng hạch toán: 500.000

Khóa sổ / Mở sổ: Thêm phiếu: Xóa phiếu: In phiếu: Ủy nhiệm chi: Bảng kê: Phiếu KT: Quay ra

Hình 2.29: Giao diện phần mềm chi tiền xăng

Đơn vị: CÔNG TY TNHH NAM THÀNH

Địa chỉ: 217 Điện Biên Phủ, Thanh Khê, TP Đà Nẵng

Mẫu số: S19-DNN
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của BTC)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN
Năm 2025
Tài khoản 6421 - Chi phí bán hàng

CHUNG TỬ	NGÀY	SỐ CT	MÃ KH	KHÁCH HÀNG	DIỄN GIẢI	TKĐƯ	SỐ TIỀN	
							NỢ	CÓ
	31/01	BHXX			Tồn đầu kỳ		0	0
	30/11	BHXX			Trích BHXX, BHYT, KPCD vào phí	3383	1.896.300	0
	30/11	LUONG			Trích lương ăn ca vào phí	334	25.891.998	0
	30/11	KC-000006			KC Chi phí QL nhân viên vào KQ SXK	911	0	27.788.298
	01/12	956786	331-PT683	Công Ty TNHH Mtv Petrolimex Đà Nẵng	Chi tiền xăng HD 956786	1111	462.963	0
	11/12	987388	331-PT683	Công Ty TNHH Mtv Petrolimex Đà Nẵng	Chi tiền xăng HD 987388	1111	462.963	0
	29/12	410544	331-TL076	Công Ty TNHH Thái Lộc	Chi tiền xăng HD 410544	1111	462.963	0
	31/12	BHXX			Trích BHXX, BHYT, KPCD vào phí	3383	1.896.300	0
	31/12	LUONG			Trích lương ăn ca vào phí	334	25.253.736	0
	31/12	KC-000006			KC Chi phí QL nhân viên vào KQ SXK	911	0	28.538.925
					Tổng cộng phát sinh		299.438.622	299.438.622
					Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12		299.438.622	299.438.622
					Số dư cuối kỳ		0	0
Người ghi sổ (Ký, họ tên)					Kế toán trưởng (Ký, họ tên)			Đà Nẵng, Ngày 31 tháng 12 năm 2025 Giám đốc (Ký, họ tên)

Hình 2.30: Sổ chi tiết tài khoản 6421 năm 2025

Nghị vụ minh họa 3: Công ty chi tiền điện phục vụ quản lý doanh nghiệp

Công ty Hạch toán chi phí điện (nước, cước viễn thông ...) tháng 2/12/2025 phục vụ hoạt động quản lý doanh nghiệp theo hóa đơn kèm theo là 4149368



Mẫu số 1
Ký hiệu: K25TAF
Số: 4149368

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ngày 02 tháng 12 năm 2025

MCCQT:

Tên người bán: CÔNG TY ĐIỆN LỰC ĐÀ NẴNG - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN TRUNG

Mã số thuế: 0400101394-039

Mã cửa hàng:

Tên cửa hàng:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Số tài khoản:

Tên người mua: Công ty TNHH Nam Thành

Họ tên người mua hàng:

Mã số thuế: 0400127593

Mã ĐVCCQHVNSSNN:

CCCD người mua:

Số hộ chiếu:

Địa chỉ:

Số tài khoản:

Hình thức thanh toán:

Đơn vị tiền tệ: VND

Số bảng kê:

Ngày bảng kê:

STT	Tính chất	Loại hàng hoá đặc trưng	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Chiết khấu	Thuế suất	Thành tiền chưa có thuế GTGT
1			Khác	kWh	468			8%	1.475.136

Thuế suất	Tổng tiền chưa thuế	Tổng tiền thuế
-----------	---------------------	----------------

Tổng tiền chưa thuế (Tổng cộng thành tiền chưa có thuế)	1.475.136
Tổng tiền thuế (Tổng cộng tiền thuế)	118.011
Tổng tiền phí	
Tổng tiền chiết khấu thương mại	
Tổng tiền thanh toán bằng số	1.593.147
Tổng tiền thanh toán bằng chữ	

Hình 2.31: Hóa đơn GTGT số 4149368

Sau khi nhận được hóa đơn GTGT số 4149368, kế toán nhập liệu lên phần mềm Trí Việt giống như các bước trên.

Phiếu Chi Tiền Mặt

Kiểu giao dịch: **Phiếu chi cho một đối tượng**

Khách hàng: 331-MT039 Công Ty Điện Lực Đà Nẵng - Chi Nhánh Tổng Người nhận tiền: Công Ty Điện Lực Đà Nẵng - Ngày CT: 02/12/2025

Địa chỉ: 35 Phan Đình Phùng, Phường Hải Châu, TPĐà Nẵng Mã nhân viên: Số CT: 4149368

Lý do chứng từ: Chi tiền điện HD 4149368 CT gốc:

1. Chi tiết hạch toán 2. Thanh toán cho các phiếu

TK Ndr	TK Có	Số tiền	Diễn giải bút toán	Mã vụ việc	Khoản mục phí
64223	1111	1.475.136	Chi tiền điện HD 4149368		
▶ 1331	1111	118.011	Chi tiền điện HD 4149368		
* 64223	1111	0			

Record: 2 of 2

Hóa đơn GTGT

Ký hiệu	Seri HD	Ngày HD	VAT	Tiền chưa VAT	Tiền VAT	MaKH	Tên cơ sở KD	Địa chỉ	Mã số thuế
▶			8%						

Record: 1 of 1

Thuế - Ghi Nợ 1331 Ghi Có 1111 Vụ việc Tổng chưa thuế Tổng hoá đơn Tổng thuế VAT Tổng hạch toán 1.593.147

Khóa sổ / Mở sổ Khoá DL Thêm phiếu Xóa phiếu In phiếu Ủy nhiệm chi Bảng kê Phiếu KT Quay ra

Record: 1 of 1 (Filtered)

Hình 2.32: Giao diện phần mềm

Đơn vị: CÔNG TY TNHH NAM THÀNH
Địa chỉ: 217 Điện Biên Phủ, Thanh Khê, TP Đà Nẵng
Điện thoại: 02363723184

Mẫu số 02 -TT
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016 của BTC)

PHIẾU CHI

Số: **4149368**
Nợ: 1331, 64223
Có: 1111

Ngày 02 tháng 12 năm 2025

Họ tên người nhận tiền: Công Ty Điện Lực Đà Nẵng - Chi Nhánh Tổng Công Ty Điện Lực Miền Trung
Địa chỉ: 35 Phan Đình Phùng, Phường Hải Châu, TPĐà Nẵng
Lý do chi: Chi tiền điện HD 4149368
Số tiền: **1.593.147** đồng

(Viết bằng chữ) **Một triệu năm trăm chín mươi ba ngàn một trăm bốn mươi bảy đồng**
Kèm theo: Chứng từ gốc

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Nguyễn Đình Dũng
Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ)

Đà Nẵng, Ngày 02 tháng 12 năm 2025

Thủ quỹ
(Ký, họ tên)

Người nhận tiền
(Ký, họ tên)

Hình 2.33: Phiếu chi tiền mặt

Nghiệp vụ minh họa 4: Ngân hàng thu phí quản lý tài khoản

Ngày 23/12, ngân hàng thu phí quản lý tài khoản bằng tiền gửi ngân hàng là 11.000 đồng, căn cứ vào sổ phụ như sau:

STT	Ngày GD	Mô tả giao dịch	Nợ	Có	SD	Nội dung
92	23/12/2025	Nam Thanh tra tien hang	11.000		6,160,409	THU PHI CHUYEN TIEN TRONG NUOC - CHIU THUE GTGT
93	23/12/2025	chuyen tien den tu NAPAS noi dung: NGUYEN THANH NAM chuyen tien FT2535746323545		1,850,000	8,010,409	VND_ NGUYEN THANH NAM

Hình 2.34: Trích sao kê ngân hàng

(sao kê ngân hàng được trình bày ở phụ lục 10)

Kế toán tiến hành nhập dữ liệu vào phần mềm Trí Việt giống như nghiệp vụ 1 và chọn chứng từ ngân hàng :

Hình 2.35: Giao diện phí ngân hàng

Nghiệp vụ minh họa 5: Công ty phân bổ, khấu hao tài sản cố định

Ngày 26/01/2019, Công ty TNHH Nam Thành mua xe ô tô 5 chỗ nhằm mục đích phục vụ hoạt động phân bổ quản lý, được kế toán đưa vào chi phí quản lý kinh doanh, thời gian phân bổ cho tài sản cố định này là 72 tháng. Đến năm 2025 thì tài sản cố định khoản giá trị còn lại được phân bổ hết quý 1

CÔNG TY TNHH NAM THÀNH														
Địa chỉ: 217 Điện Biên Phủ, Hòa Khê, Thanh Khê, Đà Nẵng														
MST: 0400127593														
BẢNG PHÂN BỐ KHẤU HAO TSCD														
Năm 2025														
CT	Ngày tháng	TRÍCH YẾU	Thời gian bắt đầu phân bổ	Nguyên giá	Số tháng	Giá trị còn lại	Giá trị phân bổ 1 tháng	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	Thanh lý	Giá trị còn lại chuyển năm sau	Ghi chú
1	26/01/2019	Xe ô tô con 5 chỗ	02/2019	304.618.182	72	4.230.814	4.230.808	4.230.814	-	-	-		-	hết khấu hao
Tổng Cộng Chi Phí Bộ Phận Sản Xuất			TK64226	304.618.182		4.230.814		4.230.814	0	0	0	0	0	
TỔNG CỘNG				304.618.182		4.230.814	0	4.230.814	0	0	0	0	0	

Hình 2.36: Bảng phân khấu hao tài sản cố định

Hình 2.37: Giao diện trích khấu hao tài sản cố định vào phí

Nghịệp vụ minh họa 6: Công ty mua phần mềm máy tính

Ngày 8/9/2025, công ty mua phần mềm khởi tạo máy tính tiền của Công Ty CP Thương Mại Visnam với hóa đơn số 4357 số tiền 250.000 đã thanh toán bằng tiền mặt



Mẫu số 1
Ký hiệu: C25TVS
Số: 4357

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ngày 08 tháng 09 năm 2025

MCCQT: 00B3B9E29159684725A2D9931FBB4D0343

Tên người bán: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VISNAM

Mã số thuế: 0401486901

Mã cửa hàng:

Tên cửa hàng:

Địa chỉ: Số 33 đường Hải Hồ, Phường Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Điện thoại: (0236) 730 7666

Số tài khoản: 0041000224725 Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Đà Nẵng

Tên người mua: CÔNG TY TNHH NAM THÀNH

Họ tên người mua hàng:

Mã số thuế: 0400127593

Mã ĐVCQHVNSSN:

CCCD người mua:

Số hộ chiếu:

Địa chỉ: 217 Điện Biên Phủ, Phường Thanh Khê, Thành Phố Đà Nẵng, Việt Nam

Số tài khoản:

Hình thức thanh toán: Tiền mặt/Chuyển khoản

Đơn vị tiền tệ: VND

Số bảng kê:

Ngày bảng kê:

STT	Tính chất	Loại hàng hoá đặc trưng	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Chiết khấu	Thuế suất	Thành tiền chưa có thuế GTGT
1	Hàng hóa, dịch vụ		Phần mềm hóa đơn khởi tạo từ máy tính tiền gói 300 số	Gói	1	250.000		KCT	250.000
STT	Tên loại phí		Tiền phí	Tổng tiền chưa thuế (Tổng cộng thành tiền chưa có thuế)		250.000			
1				Tổng tiền thuế (Tổng cộng tiền thuế)		0			
Thuế suất	Tổng tiền chưa thuế		Tổng tiền thuế	Tổng tiền phí					
KCT	250.000		0	Tổng tiền chiết khấu thương mại		0			
				Tổng tiền thanh toán bằng số		250.000			
				Tổng tiền thanh toán bằng chữ		Hai trăm năm mươi nghìn đồng			

NGƯỜI MUA HÀNG

(Chữ ký số (nếu có))

NGƯỜI BÁN HÀNG

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

Signature Valid
Ký bởi CÔNG TY CỔ PHẦN
THƯƠNG MẠI VISNAM
Ký ngày: 2025-09-08 15:46:51

Hình 2.38: Hóa đơn GTGT 4357

Sau khi nhận được hóa đơn GTGT số 4357, kế toán nhập liệu lên phần mềm Trí Việt giống như các bước trên.

Phiếu Chi Tiền Mặt

Kiểu giao dịch: Phiếu chi cho một đối tượng

Khách hàng: 331-VN901 Công Ty CP Thương Mại Visnam Người nhận tiền: Công Ty CP Thương Mại Visn Ngày CT: 08/09/2025
Địa chỉ: 33 Hải Hồ, Hải Châu, Đà Nẵng Mã nhân viên: Số CT: 000002
Lý do chứng từ: Chi tiền mua phần mềm khởi tạo CT gốc

1. Chi tiền hạch toán 2. Thanh toán cho các phiếu

TK Nợ	TK Có	Số tiền	Diễn giải nội dung	Mã vụ việc	Khoản mục phí
64227	1111	250.000	Chi tiền mua phần mềm khởi tạo từ máy tính		

Hóa đơn GTGT

Ký hiệu	Seri HD	Ngày HD	VAT	Tiền chưa VAT	Tiền VAT	MaKH	Tên cơ sở KD	Địa chỉ	Mã số thuế
331-VN90									

Thuế - Ghi Nợ 1331 Ghi Có 1111 Vụ việc Tổng chưa thuế #Error Tổng hoá đơn #Error
Tổng thuế VAT #Error Tổng hạch toán 250.000

Khóa sổ / Mở sổ Khóa DL Thêm phiếu Xóa phiếu In phiếu Ủy nhiệm chi Bảng kê Phiếu KT Quay ra

Tổng tiền 12.999.881.054

Ghi chú

Lọc DL Thống tin Quay ra

Hình 2.39: Giao diện nhập liệu

Sau khi nhập liệu vào phần mềm, phần mềm tự động cập nhật số liệu đến Sổ nhật ký chung, sổ chi tiết TK 6422, sổ cái tài khoản 642. Cuối kỳ kế chuyển doanh thu tài chính sang tài khoản 911 – “xác định kết quả kinh doanh”

Đơn vị: CÔNG TY TNHH NAM THANH					Mẫu số: S19-DNN		
Địa chỉ: 217 Điện Biên Phủ, Thanh Khê, TP Đà Nẵng					(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của BTC)		
SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN							
Năm 2025							
Tài khoản 6422 - Chi phí quản lý doanh nghiệp							
CHUNG TỬ		MÃ KH	KHÁCH HÀNG	DIỄN GIẢI	TKĐƯ	SỐ TIỀN	
NGÀY	SỐ CT					NỢ	CÓ
				Tồn đầu kỳ		0	0
01/01	129158	331-VT003	Trung Tâm Kinh Doanh Vnpt - Đà Nẵng	Chi tiền cước viễn thông HD 129158	1111	21.214	0
	...	...	...	...	...	...	...
31/03	TSCD			Trích KHTSCD vào phí	2141	4.230.814	NV5 0
	...	...	...	...	...	...	...
08/09	000002	331-VN901	Công Ty CP Thương Mại Visnam	Chi tiền mua phần mềm khởi tạo từ máy	1111	NV6 250.000	0
	...	...	...	...	...	...	...
30/11	BHXX			Trích BHXX, BHYT, KPCD vào phí	3383	4.818.150	NV1 0
30/11	LUONG			Trích lương, ăn ca vào phí	334	41.337.997	0
	...	...	...	...	...	...	...
02/12	4149368	331-MT039	Công Ty Điện Lực Đà Nẵng - Chi Nhánh	Chi tiền điện HD 4149368	1111	NV3 1.475.136	0
02/12	36933	VTB	Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt N	Phí ngân hàng	11211	20.000	0
	...	...	...	...	...	...	...
19/12	39587	VTB	Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt N	Phí ngân hàng	11211	10.000	0
23/12	40076	VTB	Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt N	Phí ngân hàng	11211	10.000	NV4 0
31/12	CPTT			Phân bổ chi phí trả trước Q4/25	242	2.131.770	0
31/12	LUONG			Trích lương, ăn ca vào phí	334	40.380.604	0
31/12	KC-000007			KC Chi phí nhân công vào KQ SXKD	911	0	45.198.754
31/12	KC-000008			KC Chi phí điện nước vào KQ SXKD	911	0	2.445.418
31/12	KC-000009			KC Chi phí ngân hàng vào KQ SXKD	911	0	20.252.279
31/12	KC-000010			KC Chi phí khấu hao vào KQ SXKD	911	0	2.131.770
				Tổng cộng phát sinh		573.399.291	573.399.291
				Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12		573.399.291	573.399.291
				Số dư cuối kỳ		0	0

Hình 2.40: Trích sổ chi tiết tài khoản 6422 năm 2025

Trích sổ nhật ký chung (được trình bày ở phụ lục 1)

SỔ CÁI							
Năm 2025							
Tài khoản 642 - Chi phí quản lý kinh doanh							
CHUNG TỬ		DIỄN GIẢI	TKĐƯ	SỐ TIỀN			
NGÀY	SỐ CT			NỢ	CÓ		
		Tồn đầu kỳ		0	0		
01/01	129158	Chi tiền cước viễn thông HD 129158	1111	21.214	0		
31/03	TSCD	Trích KHTSCD vào phí	2141	4.230.814	0		
07/09	172400	Phí ngân hàng	11211	25.000	0		
08/09	000002	Chi tiền mua phần mềm khởi tạo từ máy tính tiền	1111	250.000	0		
30/11	BHXX	Trích BHXX, BHYT, KPCD vào phí	3383	1.896.300	0		
30/11	BHXX	Trích BHXX, BHYT, KPCD vào phí	3383	4.818.150	0		
30/11	LUONG	Trích lương, ăn ca vào phí	334	25.891.998	0		
30/11	LUONG	Trích lương, ăn ca vào phí	334	41.337.997	0		
02/12	19937442	Chi tiền cước viễn thông HD 19937442	1111	242.854	0		
02/12	4149368	Chi tiền điện HD 4149368	1111	1.475.136	0		
11/12	987388	Chi tiền xăng HD 987388	1111	462.963	0		
11/12	38330	Phí ngân hàng	11211	10.000	0		
12/12	38596	Phí ngân hàng	11211	20.000	0		
13/12	64899756	Phí ngân hàng	11212	13.636	0		
16/12	39047	Phí ngân hàng	11211	10.000	0		
19/12	39587	Phí ngân hàng	11211	10.000	0		
23/12	40076	Phí ngân hàng	11211	10.000	0		
31/12	KC-000008	KC Chi phí điện nước vào KQ SXKD	911	0	2.445.418		
31/12	KC-000009	KC Chi phí ngân hàng vào KQ SXKD	911	0	20.252.279		
31/12	KC-000010	KC Chi phí khấu hao vào KQ SXKD	911	0	2.131.770		
		Tổng cộng phát sinh		872.837.913	872.837.913		
		Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12		872.837.913	872.837.913		
		Số dư cuối kỳ		0	0		
				Ngày.....tháng.....năm.....			
				Kế toán trưởng			

Hình 2.41: Trích sổ cái tài khoản 642 năm 2025

2.8.1. Kế toán thu nhập khác

2.8.1.1. Đặc điểm thu nhập khác

Trong quá trình hoạt động công ty có các khoản thu nhập phát sinh không thường xuyên trong quá trình hoạt động, không liên quan trực tiếp đến hoạt động sản xuất, kinh doanh chính. Các khoản thu nhập khác bao gồm: khoản chiết khấu thương mại được hưởng do mua hàng hóa với số lượng lớn, ...

2.8.1.2. Chứng từ và sổ sách sử dụng

* Chứng từ sử dụng

- Phiếu kế toán
- Hóa đơn GTGT

* Sổ sách sử dụng

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái 711
- Sổ chi tiết tài khoản 711

2.8.1.3. Tài khoản sử dụng

Đề hạch toán thu nhập khác, kế toán sử dụng Tài khoản 711 “Thu nhập khác”. Tài khoản này cuối kỳ kết chuyển hết sang TK 911 nên không có số dư cuối kỳ.

2.8.1.4. Nghiệp vụ minh họa

Nghiệp vụ 1: Khi nhận được hóa đơn chiết khấu thương mại từ nhà cung cấp, kế toán căn cứ vào hóa đơn GTGT lập phiếu nhập mua trên phần mềm kế toán. Khoản chiết khấu thương mại được Công ty hạch toán vào TK 711 – Thu nhập khác.



Mẫu số 1
Ký hiệu: C25TAC
Số: 2324

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ngày 28 tháng 11 năm 2025

MCCQT: 0027878D3E4A7E4400AA7152671CDEFC8B

Tên người bán: CÔNG TY CỔ PHẦN ÁC QUY ENI - FLORENCE

Mã số thuế: 2700952079

Mã cửa hàng:

Tên cửa hàng:

Địa chỉ: Lô C12, Khu công nghiệp Khánh Phú, Phường Đồng Hoa Lư, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

Điện thoại:

Số tài khoản:

Tên người mua: Công ty TNHH Nam Thành

Họ tên người mua hàng:

Mã số thuế: 0400127593

Mã ĐVCQHVNSSNN:

CCCD người mua:

Số hộ chiếu:

Địa chỉ: 217 Điện Biên Phủ, Phường Thanh Khê, Thành Phố Đà Nẵng, Việt Nam

Hình thức thanh toán: Chuyển khoản

Số tài khoản:

Đơn vị tiền tệ: VND

Số bảng kê:

Ngày bảng kê:

STT	Tính chất	Loại hàng hoá đặc trưng	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Chiết khấu	Thuế suất	Thành tiền chưa có thuế GTGT
1	Hàng hóa, dịch vụ		Bình ắc quy N5 0 ENIMAC	Bình	1	895.820	0	8%	895.820
2	Hàng hóa, dịch vụ		Bình ắc quy N1 20 ENIMAC	Bình	3	2.042.950	0	8%	6.128.850
3	Hàng hóa, dịch vụ		Bình ắc quy N5 5/65B24L ENI MAC	Bình	1	1.035.960	0	8%	1.035.960
4	Hàng hóa, dịch vụ		Bình ắc quy Q8 5/95D23L ENI MAC	Bình	1	1.762.200	0	8%	1.762.200
28	Chiết khấu thương mại		Chiết khấu thương mại tháng 11/2025	VND	0	0	0	8%	7.013.253

Thuế suất	Tổng tiền chưa thuế	Tổng tiền thuế	Tổng tiền chưa thuế (Tổng cộng thành tiền chưa có thuế)	257.416.327
8%	257.416.327	20.593.305	Tổng tiền thuế (Tổng cộng tiền thuế)	20.593.305
			Tổng tiền phi	
			Tổng tiền chiết khấu thương mại	7.013.253
			Tổng tiền thanh toán bằng số	278.009.632
			Tổng tiền thanh toán bằng chữ	Hai trăm bảy mươi tám triệu không trăm lẻ chín nghìn sáu trăm ba mươi hai đồng chẵn./.

NGƯỜI MUA HÀNG

(Chữ ký số (nếu có))

NGƯỜI BÁN HÀNG

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

Signature Valid
Ký bởi CÔNG TY CỔ PHẦN ÁC
QUY ENI - FLORENCE
Ký ngày: 2025-11-28 15:07:29

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, nhận hóa đơn)

Hình 2.42: Trích hóa đơn GTGT số 2324

(xem hóa đơn GTGT 2324 được trình bày ở phụ lục 11)

Phiếu Nhập Mua

Khách hàng: 331-EF079 - Công Ty Cổ Phần Ác Quy Eni - Florence
 Ngày CT: 28/11/2025 Số CT: 2324 Hạn t. toán: 0

Mã BH	Tên hàng hóa	DVT	Số lượng	Giá nhập	Thành tiền	TK Nợ	TK Có	Diễn giải
VT_292	Bình ắc quy ENIMAC Din 100L	Bình	3	1.888.580	5.665.740	156	331	Mua hàng HD 2324
VT_295	Bình ắc quy ENIMAC CMF100 E	Bình	20	1.708.800	34.176.000	156	331	Mua hàng HD 2324
VT_92	Bình ắc quy ENIMAC CMF 120	Bình	2	2.590.790	5.181.580	156	331	Mua hàng HD 2324
VT_110	Bình ắc quy ENIMAC CMF150	Bình	4	2.968.150	11.872.600	156	331	Mua hàng HD 2324
VT_269	Bình ắc quy ENIMAC CMF 175L	Bình	16	3.066.940	49.071.040	156	331	Mua hàng HD 2324
VT_300	Bình ắc quy ENIMAC CMF150R	Bình	5	2.714.500	13.572.500	156	331	Mua hàng HD 2324
CK	Chiết khấu mua hàng		0	0	7.013.253	331	711	Mua hàng HD 2324

Tổng VAT: 20.593.305
 Tổng hợp toán: 278.009.632

Hình 2.43: Màn hình hạch toán khoản chiết khấu thương mại

Đơn vị: CÔNG TY TNHH NAM THÀNH						Mẫu số: S19-DNN		
Địa chỉ: 217 Điện Biên Phủ, Thanh Khê, TP Đà Nẵng						(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của BTC)		
SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN								
Năm 2025								
Tài khoản 711 - Thu nhập khác								
CHỨNG TỪ		MÃ KH	KHÁCH HÀNG	DIỄN GIẢI	TKĐƯ	SỐ TIỀN		
NGÀY	SỐ CT					NỢ	CÓ	
26/02	358	331-EF079	Công Ty Cổ Phần Ác Quy Eni - Florence	Mua hàng HD 358	331	0	7.060.043	0
10/11	000014	131-XD597	Công Ty Cổ Phần Dân Tư Và Xây Dựng	Thu tiền bán hàng	11211	0	4.000	0
28/11	2324	331-EF079	Công Ty Cổ Phần Ác Quy Eni - Florence	Mua hàng HD 2324	331	0	7.013.253	0
30/11	KC-000002			KC Thu nhập hoạt động khác vào KQ S	911	7.017.253		
23/12	2572	331-EF079	Công Ty Cổ Phần Ác Quy Eni - Florence	Mua hàng HD 2572	331	0	50.173.410	0
23/12	2572	331-EF079	Công Ty Cổ Phần Ác Quy Eni - Florence	Mua hàng HD 2572	331	0	61.804.956	0
24/12	000069	131-DV206	Công Ty TNHH Thang Máy Tự Động Đa	Thu tiền bán hàng	11211	0	11.400	0
31/12	KC-000002			KC Thu nhập hoạt động khác vào KQ S	911	91.991.766		0
Tổng cộng phát sinh						204.529.955	204.529.955	
Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12						204.529.955	204.529.955	
Số dư cuối kỳ						0		0
Người ghi sổ						Đà Nẵng, Ngày 31 tháng 12 năm 2025		
(Ký, họ tên)						Giám đốc		
						(Ký, họ tên)		

Hình 2.44: Trích sổ chi tiết tài khoản 711

Trích sổ nhật ký chung (được trình bày ở phụ lục 1)

CÔNG TY TNHH NAM THÀNH					
217 Điện Biên Phủ, Thanh Khê, TP Đà Nẵng					
SỔ CÁI					
Năm 2025					
Tài khoản 711 - Thu nhập khác					
CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	TKĐƯ	SỐ TIỀN	
NGÀY	SỐ CT			NỢ	CÓ
		Tồn đầu kỳ		0	0
26/02	358	Mua hàng HĐ 358	331	0	7.060.043
28/02	KC-000002	KC Thu nhập hoạt động khác vào KQ SXKD	911	7.060.043	0
	...			...	
30/09	KC-000002	KC Thu nhập hoạt động khác vào KQ SXKD	911	28.602.196	0
17/10	000020	Thu tiền bán hàng	11211	0	90.000
31/10	KC-000002	KC Thu nhập hoạt động khác vào KQ SXKD	911	90.000	0
10/11	000014	Thu tiền bán hàng	11211	0	4.000
28/11	2324	Mua hàng HĐ 2324	331	0	7.013.253
30/11	KC-000002	KC Thu nhập hoạt động khác vào KQ SXKD	911	7.017.253	0
23/12	2572	Mua hàng HĐ 2572	331	0	50.175.410
23/12	2572	Mua hàng HĐ 2572	331	0	61.804.956
24/12	000069	Thu tiền bán hàng	11211	0	11.400
31/12	KC-000002	KC Thu nhập hoạt động khác vào KQ SXKD	911	91.991.766	0
		Tổng cộng phát sinh		204.529.955	204.529.955
		Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12		204.529.955	204.529.955
		Số dư cuối kỳ		0	0
				Ngày.....tháng.....năm.....	
				kế toán trưởng	

Hình 2.45: Sổ cái tài khoản 711

2.9.1. Kế toán chi phí khác

2.9.1.1. Đặc điểm chi phí khác

Trong quá trình hoạt động, doanh nghiệp có thể phát sinh một số khoản chi phí không liên quan trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường, nhưng vẫn ảnh hưởng đến kết quả tài chính. Một trong những khoản chi phí đó là tiền phạt vi phạm hành chính do nộp chậm bảo hiểm xã hội theo quy định của cơ quan bảo hiểm.

2.9.1.2. Chứng từ và sổ sách sử dụng

* Chứng từ sử dụng

- Sao kê ngân hàng
- Phiếu kế toán

* Sổ sách sử dụng

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái 811
- Sổ chi tiết tài khoản 8118

2.9.1.3. Tài khoản sử dụng

Để hạch toán chi phí khác, kế toán sử dụng Tài khoản 811 “Chi phí khác”. Tài khoản này cuối kỳ kết chuyển hết sang TK 911 nên không có số dư cuối kỳ.

2.9.1.4. Nghiệp vụ minh họa

Khi nộp thuế quá hạn quy định hệ thống thuedientu.gdt.gov.vn sẽ báo số tiền chậm nộp trên hệ thống, kế toán kiểm tra và nộp thuế, khoản thuế chậm nộp sẽ được đưa vào tài khoản 811. Các khoản thuế này sẽ nộp bằng tài khoản ngân hàng trên hệ thống thuế điện tử. Khi nộp tiền thành công hệ thống thuế điện tử sẽ có giấy nộp tiền
(Cách nộp tờ khai trên HDDT xem phụ lục 12)




HỆ THỐNG THÔNG TIN GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
Hành chính phục vụ
Cục Thuế - Bộ Tài chính


Công Ty TNHH Nam Thành

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
DỊCH VỤ KHÁC
TRA CỨU HỒ SƠ
ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ
TIN TỨC
GIỚI THIỆU
TRỢ GIÚP


TỔ CHỨC

Ngày lập GNT từ ngày: 01/01/2025
Ngày gửi GNT từ ngày: dd/MM/yyyy
Ngày nộp thuế từ ngày: dd/MM/yyyy
Ngân hàng: --Tất cả--
Loại tiền: --Tất cả--
Tổng tiền nộp thuế từ:
Trạng thái: --Tất cả--

Đến ngày: 31/12/2025
Đến ngày: dd/MM/yyyy
Đến ngày: dd/MM/yyyy
Số tài khoản:
Đến:

Tra cứu

1 2 Trang 1/2 Có 12 bản ghi. Đến trang

STT	Số tham chiếu/ Mã giao dịch	Mã giao dịch DS chi tiết	Lần nộp	Số giấy nộp tiền	Số tiền	Loại tiền	Trạng thái	Số chứng từ	N
1	11220250343436972			00000040012759310202532657484	7,000,000	VND	Nộp thuế thành công	0027210	16/
2	11220250343437414			00000040012759310202532657364	2,901,424	VND	Nộp thuế thành công	0027209	16/
3	11220250343435677			00000040012759310202532657194	40,297,560	VND	Nộp thuế thành công	0027205	16/

Hình 2.46: Màn hình thông báo khoản chậm nộp

Không ghi
vào khu vực
này

GIẤY NỘP TIỀN VÀO NGÂN SÁCH NHÀ
NƯỚC

Tiền mặt ☐ Chuyển khoản ☒

Loại tiền: VND ☒ USD ☐ Khác:....

(Đánh dấu X vào ô tương ứng)

Mẫu số C1- 02/NS

(ban hành kèm theo Thông tư
số 84/2016/TT-BTC
của Bộ Tài Chính)

Mã hiệu: 252011302A

Số: 0027209

Số tham chiếu:
11220250343437414

Người nộp thuế: CÔNG TY TNHH NAM THÀNH

Mã số thuế: 0400127593

Địa chỉ: 217 Điện Biên Phủ, Phường Thanh Khê

Quận/Huyện:

Tỉnh, TP: Thành phố Đà Nẵng

Người nộp thay:

Mã số thuế:

Địa chỉ:

Tỉnh, TP:

Quận/Huyện:

trích TK số: 118811881188

Đề nghị NH (KBNN): Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

hoặc thu tiền mặt để nộp NSNN theo:

Nộp vào cho NSNN ☒ TK tạm thu ☐ TK thu hồi hoàn thuế GTGT ☐

Vào tài Khoản của KBNN: KBNN Khu vực XIII - PGD số 2 Tỉnh, TP: Thành phố Đà Nẵng

Mở tại NHTM ủy nhiệm thu: VTB-NH TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Đà Nẵng

Nộp theo văn bản của cơ quan có thẩm quyền:

Kiểm toán nhà nước ☐ Thanh tra tài chính ☐

Thanh tra Chính phủ ☐ Cơ quan có thẩm quyền khác ☐

Tại cơ quan quản lý thu: Phường Thanh Khê - Thuế cơ sở 1 thành phố Đà Nẵng

Mã CQ thu: 1142577

Phần dành cho NNT ghi khi nộp tiền vào NSNN						Phần dành cho NH ủy nhiệm thu/ NH phối hợp thu/KBNN ghi	
STT	Số tờ khai/ Số quyết định / Số thông báo	Kỳ thuế/ Ngày quyết định/ Ngày thông báo	Nội dung các khoản nộp NSNN	Số nguyên tệ	Số tiền VND	Mã chương	Mã tiểu Mục
1		00/CN/2024	Tiền chậm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm tiền chậm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu khí);		2.901.424	854	4918
Tổng tiền					2.901.424		

Tổng số tiền ghi bằng chữ: Hai triệu chín trăm linh một nghìn bốn trăm hai mươi bốn đồng

Hình 2.47: Giấy Nộp tiền vào ngân sách nhà nước

Kế toán vào phần mềm Trí Việt → Chọn phân hệ phiếu chi tiền gửi. Sau đó điền đầy đủ thông tin vào phần mềm

75

Phiếu Chi Tiền Gửi Copy

Kiểu giao dịch: **Phiếu chi cho một đối tượng**

Khách hàng: **KBNN** **Kho Bạc Nhà Nước Quận Thanh Khê** Người nhận tiền: **Kho Bạc Nhà Nước Quận Thanh Khê** Ngày CT: **16/10/2025**

Địa chỉ: **Đà Nẵng** Mã nhân viên: Số CT: **000014**

Lý do chứng từ: **Nộp tiền chậm nộp thuế** CT gốc:

1. Chi tiết hạch toán 2. Thanh toán cho các phiếu

TK Nợ	TK Có	Số tiền	Diễn giải bút toán	Mã vụ việc	Khoản mục phí
8118	11211	2.901.424	Nộp tiền chậm nộp thuế		

Record: 1 of 1

Hóa đơn GTGT

Ký hiệu	Sêri HD	Ngày HD	VAT	Tiền chưa VAT	Tiền VAT	MaKH	Tên cơ sở KD	Địa chỉ	Mã số thuế
---------	---------	---------	-----	---------------	----------	------	--------------	---------	------------

Record: 1 of 1

Thuế - Ghi Nợ: **1331** Ghi Có: **11213** Vụ việc:

Tổng chưa thuế: **#Error** Tổng hoá đơn: **#Error**

Tổng thuế VAT: **#Error** Tổng hạch toán: **2.901.424**

Khóa sổ / Mở sổ **Khóa DL** **Thêm phiếu** **Xóa phiếu** **In phiếu** **Ủy nhiệm chi** **Bảng kê** **Phiếu KT** **Quay ra**

Record: 1 of 1 (Filtered)

Hình 2.48: Giao diện hạch toán tiền chậm nộp thuế TNCN

(ủy nhiệm chi xem phụ lục 13)

Sau khi nhập xong, các thông tin sẽ được tự động nhập vào sổ chi tiết, sổ nhật ký chung, sổ cái Tk 811...

Đơn vị: CÔNG TY TNHH NAM THÀNH						Mẫu số: S19-DNN	
Địa chỉ: 217 Điện Biên Phủ, Thanh Khê, TP Đà Nẵng						(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của BTC)	
SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN							
Năm 2025							
Tài khoản 8118 - Chi phí loại trừ							
CHỨNG TỪ		MÃ KH	KHÁCH HÀNG	DIỄN GIẢI	TKĐƯ	SỐ TIỀN	
NGÀY	SỐ CT					NỢ	CÓ
				Tồn đầu kỳ		0	0
08/05	988260	KBNN	Kho Bạc Nhà Nước Quận Thanh Khê	Nộp tiền thuế chậm nộp	11211	688.916	0
31/05	KC-000011			KC Chi phí hoạt động khác không hợp lý	911	0	688.916
17/08	DC			Điều chỉnh TNDN năm 2023+2024	3334	82.216.574	0
18/08	000009	KBNN	Kho Bạc Nhà Nước Quận Thanh Khê	Nộp tiền thuế chậm nộp	11211	465.163	0
18/08	000010	KBNN	Kho Bạc Nhà Nước Quận Thanh Khê	Nộp tiền thuế chậm nộp	11211	3.500.714	0
31/08	KC-000010			KC Chi phí hoạt động khác không hợp lý	911	0	86.182.451
15/09	569857	331-QG466	Công Ty TNHH Đầu Tư Và Phát Triển H	Thanh toán phí đấu thầu	11211	151.723	0
15/09	569864	331-QG466	Công Ty TNHH Đầu Tư Và Phát Triển H	Thanh toán phí hồ sơ đấu thầu	11211	220.000	0
30/09	KC-000012			KC Chi phí hoạt động khác không hợp lý	911	0	371.723
16/10	000014	KBNN	Kho Bạc Nhà Nước Quận Thanh Khê	Nộp tiền chậm nộp thuế	11211	2.901.424	0
31/10	KC-000010			KC Chi phí hoạt động khác không hợp lý	911	0	2.901.424
31/12	CN	131-TL002	Công Ty TNHH Điện Thủy Lực	Xử lý công nợ lẻ	131	800	0
31/12	KC-000011			KC Chi phí hoạt động khác không hợp lý	911	0	800
				Tổng cộng phát sinh		90.145.314	90.145.314
				Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12		90.145.314	90.145.314
				Số dư cuối kỳ		0	0
Đà Nẵng, Ngày 31 tháng 12 năm 2025							
Người ghi sổ		Kế toán trưởng		Giám đốc			
(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên)			

Hình 2.49: Trích sổ chi tiết tài khoản 8118

CÔNG TY TNHH NAM THÀNH					
217 Điện Biên Phủ, Thanh Khê, TP Đà Nẵng					
SỔ CÁI					
Năm 2025					
Tài khoản 811 - Chi phí khác					
CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	TKĐƯ	SỐ TIỀN	
NGÀY	SỐ CT			NỢ	CÓ
		Tồn đầu kỳ		0	0
08/05	988260	Nộp tiền thuế chậm nộp	11211	688.916	0
31/05	KC-000011	KC Chi phí hoạt động khác không hợp lý vào KQ	911	0	688.916
17/08	DC	Điều chỉnh TNDN năm 2023+2024	3334	82.216.574	0
18/08	000009	Nộp tiền thuế chậm nộp	11211	465.163	0
18/08	000010	Nộp tiền thuế chậm nộp	11211	3.500.714	0
31/08	KC-000010	KC Chi phí hoạt động khác không hợp lý vào KQ	911	0	86.182.451
	...		...		...
16/10	000014	Nộp tiền chậm nộp thuế	11211	2.901.424	0
31/10	KC-000010	KC Chi phí hoạt động khác không hợp lý vào KQ	911	0	2.901.424
31/12	CN	Xử lý công nợ lẹ	131	800	0
31/12	KC-000011	KC Chi phí hoạt động khác không hợp lý vào KQ	911	0	800
		Tổng cộng phát sinh		90.145.314	90.145.314
		Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12		90.145.314	90.145.314
		Số dư cuối kỳ		0	0
				Ngày.....tháng.....năm.....	
				kế toán trưởng	

Hình 2.50: Trích sổ cái tài khoản 811

Trích sổ nhật ký chung (được trình bày ở phụ lục 1)

2.10.1. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

2.10.1.1. Đặc điểm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Tài khoản 821 “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp” Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập hiện hành, làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

Cuối năm, căn cứ vào tổng kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, kế toán trưởng tiến hành lập tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp và nộp cho nhà nước, sau đó lưu lại các chứng từ liên quan.

Theo quy định của Luật Quản lý thuế, doanh nghiệp tạm nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp theo quý. Hạn chót nộp tiền thuế tạm tính là ngày 30 của tháng đầu quý sau

Thu nhập chịu thuế = Tổng LNK T trước thuế TNDN + Điều chỉnh tăng tổng lợi nhuận trước thuế TNDN - Điều chỉnh giảm tổng lợi nhuận trước thuế TNDN

$$= (47.455.767) - 123.896.892 + 0$$

$$= 76.441.215$$

Thu nhập tính thuế = Thu nhập chịu thuế - [Thu nhập được miễn thuế + các khoản lỗ được kết chuyển theo quy định]

$$= 76.441.215 - [0 + 0]$$

$$= 76.441.215$$

Thuế TNDN phải nộp = [Thu nhập tính thuế - Phần trích lập quỹ KH&CN (nếu có)] x Thuế suất thuế TNDN

$$= 76.441.215 \times 17\% = 12.995.007$$

2.10.1.2. Chứng từ và sổ sách sử dụng

- * Chứng từ sử dụng
- Tờ khai quyết toán thuế TNDN

- * Sổ sách sử dụng
- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái TK 821
- Sổ chi tiết các tài khoản 821

2.10.1.3. Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 821: Chi phí thuế TNDN

2.10.1.4. Nghiệp vụ minh họa

Sau khi hạch toán đúng và đủ trên phần mềm Trí Việt, kế toán tiến hành vào phần mềm Trí Việt - chọn “báo cáo” ◇ chọn “ báo cáo tài chính”



Hình 2.51: Giao diện lập báo cáo tài chính

Dựa vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong BCTC đã xuất trên phần mềm , tiến hành vào phần mềm HTKK để lập tờ khai. Đăng nhập MST công ty sau đó chọn “Thuế thu nhập doanh nghiệp”→ Chọn “Tờ khai quyết toán TNDN (03/TNDN) (TT80/2021)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (MẪU SỐ 03/TNDN)

(Áp dụng đối với phương pháp doanh thu - chi phí)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2025 Từ 01/01/2025 đến 31/12/2025)

[02] Lần đầu: [X] [03] Bổ sung lần thứ: []

Mẫu số:
03/TNDN
(Ban hành kèm theo
Thông tư số
80/2021/TT-BTC
ngày 29 tháng 9 năm
2021 của Bộ trưởng
Bộ Tài chính)

[04] Ngành nghề có tỷ lệ doanh thu cao nhất: G47 - Bán lẻ

[05] Tỷ lệ (%): 100,00 %

[06] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH NAM THÀNH

[07] Mã số thuế: 0400127593

[08] Tên đại lý thuế (nếu có):

[09] Mã số thuế:

[10] Hợp đồng đại lý thuế: Số

Ngày:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
A	Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính	A	
1	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	A1	(47.455.767)
B	Xác định thu nhập chịu thuế theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp	B	
1	Điều chỉnh tăng tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B1= B2+B3+B4+B5+B6+B7)	B1	123.896.982
1.1	Các khoản điều chỉnh tăng doanh thu	B2	0
1.2	Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh giảm	B3	0
1.3	Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế	B4	123.896.982
1.4	Thuế thu nhập đã nộp cho phần thu nhập nhận được ở nước ngoài	B5	0
1.5	Điều chỉnh tăng lợi nhuận do xác định giá thị trường đối với giao dịch liên kết	B6	0
1.6	Các khoản điều chỉnh làm tăng lợi nhuận trước thuế khác	B7	0
2	Điều chỉnh giảm tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B8=B9+B10+B11+B12)	B8	0
2.1	Giảm trừ các khoản doanh thu đã tính thuế năm trước	B9	0
2.2	Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh tăng	B10	0
2.3	Chi phí lãi vay không được trừ kỳ trước được chuyển sang kỳ này của doanh nghiệp có giao dịch liên kết	B11	0
2.4	Các khoản điều chỉnh làm giảm lợi nhuận trước thuế khác	B12	0
3	Tổng thu nhập chịu thuế (B13=A1+B1-B8)	B13	76.441.215
3.1	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh	B14	76.441.215
3.2	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động chuyển nhượng BĐS	B15	0
C	Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) phải nộp từ hoạt động sản xuất kinh doanh		
1	Thu nhập chịu thuế (C1 = B14)	C1	76.441.215
2	Thu nhập miễn thuế	C2	0

	Loại thu nhập miễn thuế		
3	Chuyển lỗ và bù trừ lãi, lỗ ($C3=C3a+C3b$)	C3	0
	Trong đó:		
3.1	+ Lỗ từ hoạt động SXKD được chuyển trong kỳ	C3a	0
3.2	+ Lỗ từ chuyển nhượng BĐS được bù trừ với lãi của hoạt động SXKD	C3b	0
4	Thu nhập tính thuế (TNTT) ($C4=C1-C2-C3$)	C4	76.441.215
5	Trích lập quỹ khoa học công nghệ (nếu có)	C5	0
6	TNTT sau khi đã trích lập quỹ khoa học công nghệ ($C6=C4-C5=C7+C8$)	C6	76.441.215
	Trong đó:		
6.1	+ Thu nhập tính thuế áp dụng thuế suất 17%	C7	76.441.215
6.2	+ Thu nhập tính thuế tính theo thuế suất không ưu đãi khác	C8	0
6.3	+ Thuế suất không ưu đãi khác (%)	C8a	0
7	Thuế TNDN từ hoạt động SXKD tính theo thuế suất không ưu đãi ($C9=(C7 \times 17\%) + (C8 \times C8a)$)	C9	12.995.007
8	Thuế TNDN được ưu đãi theo Luật thuế TNDN ($C10 = C11 + C12 + C13$)	C10	0
	Trong đó:		
8.1	+ Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng mức thuế suất ưu đãi	C11	0
8.2	+ Thuế TNDN được miễn trong kỳ	C12	0
8.3	+ Thuế TNDN được giảm trong kỳ	C13	0
9	Thuế TNDN được miễn, giảm theo Hiệp định thuế	C14	0
10	Thuế TNDN được miễn, giảm theo từng thời kỳ	C15	0
11	Thuế thu nhập đã nộp ở nước ngoài được trừ trong kỳ tính thuế	C16	0
12	Thuế TNDN phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh ($C17=C9-C10-C14-C15-C16$)	C17	12.995.007
D	Thuế TNDN phải nộp từ hoạt động chuyển nhượng BĐS	D	
1	Thu nhập chịu thuế ($D1 = B15$)	D1	0
2	Lỗ từ hoạt động chuyển nhượng BĐS được chuyển trong kỳ	D2	0
3	Thu nhập tính thuế ($D3=D1-D2$)	D3	0
4	Trích lập quỹ khoa học công nghệ (nếu có)	D4	0
5	TNTT sau khi đã trích lập quỹ khoa học công nghệ ($D5=D3-D4$)	D5	0
6	Thuế TNDN phải nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS trong kỳ	D6	0
7	Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng mức thuế suất ưu đãi đối với thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư - kinh doanh nhà ở xã hội để bán, cho thuê, cho thuê mua	D7	0
8	Thuế TNDN của hoạt động chuyển nhượng BĐS còn phải nộp kỳ này ($D8=D6-D7$)	D8	0
E	Số thuế TNDN phải nộp quyết toán trong kỳ ($E=E1+E2+E5$)	E	0
1	Thuế TNDN của hoạt động sản xuất kinh doanh	E1	0
2	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản ($E2=E3+E4$)	E2	0
2.1	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	E3	0

2	Thuế TNDN đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS		0
2.1	Thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này của hoạt động chuyển nhượng BĐS	G3	0
2.2	Thuế TNDN đã tạm nộp trong năm của hoạt động chuyển nhượng BĐS	G4	0
2.3	Thuế TNDN đã tạm nộp các kỳ trước và trong năm quyết toán của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ	G5	0
H	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp	H	
1	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm của hoạt động sản xuất kinh doanh ($H1=E1+E5-G2$)	H1	0
2	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm của hoạt động chuyển nhượng BĐS ($H2=E3-G4$)	H2	0
3	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ ($H3=E4-G5$)	H3	0
I	Số thuế TNDN còn phải nộp đến thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán thuế ($I=E-G=I1+I2$)	I	0
1	Thuế TNDN còn phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh	$I1=E1+E5-G1-G2$	0
2	Thuế TNDN còn phải nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS	$I2=E2-G3-G4-G5$	0

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./...

**NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ
THUẾ**

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

Ngày 08 tháng 03 năm 2026

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA
NGƯỜI NỘP THUẾ**

Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng
dấu (nếu có)

LƯU THỊ THU HƯƠNG

Hình 2.52: Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp

PHỤ LỤC
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Áp dụng đối với ngành sản xuất, thương mại, dịch vụ (trừ công ty an ninh, quốc phòng)

(Kèm theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp số 03/TNDN)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2025

[02] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH NAM THÀNH

[03] Mã số thuế: 0400127593

Mẫu số: 03-
1A/TNDN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
	Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính:		
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	[04]	14.068.769.748
	Trong đó: - Doanh thu bán hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu	[05]	0
2	Các khoản giảm trừ doanh thu ([06]=[07]+[08]+[09])	[06]	0
a	Chiết khấu thương mại	[07]	0
b	Giảm giá hàng bán	[08]	0
c	Giá trị hàng bán bị trả lại	[09]	0
3	Doanh thu hoạt động tài chính	[10]	46.259
	Trong đó: Doanh thu từ lãi tiền gửi	[11]	46.259
4	Chi phí sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ ([12]=[13]+[14]+[15])	[12]	14.211.574.747
a	Giá vốn hàng bán	[13]	13.338.736.834
b	Chi phí bán hàng	[14]	0
c	Chi phí quản lý doanh nghiệp	[15]	872.837.913
5	Chi phí tài chính	[16]	19.081.668
	Trong đó: Chi phí lãi tiền vay	[17]	19.081.668
6	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh([18]=[04]-[06]+[10]-[12]-[16])	[18]	(161.840.408)
7	Thu nhập khác	[19]	204.529.955
8	Chi phí khác	[20]	90.145.314
9	Lợi nhuận khác ([21]=[19]-[20])	[21]	114.384.641
10	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp ([22]=[18]+[21])	[22]	(47.455.767)

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./...

Ngày 08 tháng 03 năm 2026

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

LƯU THỊ THU HƯƠNG

Ghi chú: Số liệu chỉ tiêu [22] được tổng hợp vào chỉ tiêu A1 của Tờ khai 03/TNDN

 Ký điện tử bởi: CÔNG TY TNHH NAM THÀNH
Ngày ký: 10/03/2026 13:58:54.

Hình 2.53: Phụ lục kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025

Phụ lục chuyển lỗ (Mẫu số 03-2/TNDN) phản ánh tình hình phát sinh và sử dụng các khoản lỗ của doanh nghiệp trong các kỳ tính thuế. Tại công ty trong giai đoạn từ năm 2020 đến năm 2024 chỉ phát sinh khoản lỗ vào năm với giá trị là 49.255.013 đồng. Khoản lỗ này đã được doanh nghiệp thực hiện chuyển toàn bộ để bù trừ vào thu nhập chịu thuế của các kỳ tiếp theo, do đó đến kỳ tính thuế năm 2025 không còn số lỗ được chuyển tiếp. Các năm còn lại không phát sinh lỗ và cũng không có hoạt động chuyển nhượng bất động sản phát sinh lỗ. Đồng thời tại thời điểm quyết toán năm 2025, doanh nghiệp không còn khoản lỗ lũy kế để khấu trừ vào thu nhập chịu thuế, vì vậy nghĩa vụ thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được xác định trên toàn bộ phần thu nhập chịu thuế phát sinh trong năm.

PHỤ LỤC CHUYỂN LỖ					
(Kèm theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp số 03/TNDN)					
[01] Kỳ tính thuế: Năm 2025					
[02] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH NAM THÀNH					
[03] Mã số thuế: 0400127593					
Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam					
STT	Năm phát sinh lỗ	Số lỗ phát sinh	Số lỗ đã chuyển trong các kỳ tính thuế trước	Số lỗ được chuyển trong kỳ tính thuế này	Số lỗ còn được chuyển sang các kỳ tính thuế sau
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
I Lỗ của hoạt động sản xuất kinh doanh được chuyển trong kỳ					
1	2020	0	0	0	0
2	2021	0	0	0	0
3	2022	0	0	0	0
4	2023	49.255.013	49.255.013	0	0
5	2024	0	0	0	0
Tổng cộng				0	
II Lỗ của hoạt động chuyển nhượng bất động sản được chuyển trong kỳ					
1	2020	0	0	0	0
2	2021	0	0	0	0
3	2022	0	0	0	0
4	2023	0	0	0	0
5	2024	0	0	0	0
Tổng cộng				0	

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./...

Ngày 08 tháng 03 năm 2026

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ Họ và tên: Chứng chỉ hành nghề số:	NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ (Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)
---	---

LƯU THỊ THU HƯƠNG

Hình 2.54: Phụ lục chuyển lỗ năm 2025

Sau khi nhập đầy đủ các thông tin được yêu cầu tại 03 biểu mẫu: Phụ lục kết quả hoạt động kinh doanh, tờ khai quyết toán thuế TNDN, phụ lục chuyển lỗ. Khi đã hoàn tất, nhấn vào ô “Ghi” và đợi màn hình hiển thị thông báo “Đã ghi dữ liệu thành công!” → Tiến hành kết xuất dữ liệu file XML về máy và nộp tờ khai. Để nộp tờ khai, kế toán truy cập vào trang Thuế điện tử của Tổng cục thuế tại: thuedientu.gdt.gov.vn.

Hướng dẫn các bước nộp tờ khai quyết toán thuế TNDN (Phụ lục)

Đơn vị: CÔNG TY TNHH NAM THÀNH						Mẫu số: S19-DNN (Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của BTC)	
SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN							
Năm 2025							
Tài khoản 821 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp							
CHUNG TỪ		MÃ KH	KHÁCH HÀNG	DIỄN GIẢI	TKĐƯ	SỐ TIỀN	
NGÀY	SỐ CT					NỢ	CÓ
				Tồn đầu kỳ		0	0
31/12	XLCN			Bút toán xử lý cuối năm 2025	911	0	12.995.007
31/12	XLCN			Bút toán xử lý cuối năm 2025	3334	12.995.007	0
				Tổng cộng phát sinh		12.995.007	12.995.007
				Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12		12.995.007	12.995.007
				Số dư cuối kỳ		0	0
						Đà Nẵng, Ngày 31 tháng 12 năm 2025	
Người ghi sổ (Ký, họ tên)				Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	Giám đốc (Ký, họ tên)		

Hình 2.55: Trích sổ chi tiết tài khoản 821

Nhật ký chung (được trình bày ở phụ lục 1)

CÔNG TY TNHH NAM THÀNH								
217 Điện Biên Phủ, Thanh Khê, TP Đà Nẵng								
SỔ CÁI								
Năm 2025								
Tài khoản 821 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp								
CHUNG TỪ		DIỄN GIẢI		TKĐƯ	SỐ TIỀN			
NGÀY	SỐ CT				NỢ	CÓ		
		Tồn đầu kỳ			0	0		
31/12	XLCN	Bút toán xử lý cuối năm 2025		911	0	12.995.007		
31/12	XLCN	Bút toán xử lý cuối năm 2025		3334	12.995.007	0		
		Tổng cộng phát sinh			12.995.007	12.995.007		
		Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12			12.995.007	12.995.007		
		Số dư cuối kỳ			0	0		
					Ngày.....tháng.....năm.....			
					kế toán trưởng			

Hình 2.56: Trích sổ cái tài khoản 821

2.11.1 Kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh

2.11.1.1 Đặc điểm xác định kết quả hoạt động kinh doanh

- Cuối kỳ, kết chuyển tất cả các tài khoản từ TK 511, 515, 632, 6421, 6422, 711, 811 sang tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ của công ty TNHH Nam Thành.

- Công ty sử dụng phần mềm kế toán nên việc xác định kết quả kinh doanh được kế toán thực hiện vào cuối năm bằng bút toán khóa sổ trên phần mềm. Sau đó, các bút toán được kết chuyển tự động trên phần mềm, tiếp theo các dữ liệu được kết chuyển sang sổ cái TK 911

2.11.1.2. Chứng từ và sổ sách sử dụng

* Chứng từ sử dụng

Phiếu kế toán

* Sổ sách sử dụng

Sổ nhật ký chung

Sổ cái Tk 911

Sổ chi tiết 911

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

2.11.1.3. Tài khoản sử dụng

TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh

2.11.1.4. Nghiệp vụ minh họa

Cuối kỳ, sau khi kiểm tra các số liệu đã khớp, căn cứ vào sổ cái và sổ chi tiết tài khoản, Công ty tiến hành xác định kết quả kinh doanh. Kế toán thực hiện kết chuyển tài khoản doanh thu và chi phí trên phần mềm để xác định kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Tự động kết chuyển như trên phần mềm Trí Việt và cho sổ nhật ký chung (phụ lục 1), sổ cái và sổ chi tiết Tk 911:

TRÍ VIỆT Accounting Office 12
In hóa đơn điện tử, kết nối các nhà cung cấp dịch vụ Bkav, Viettel, VNPT, Vina, Mobifone ...

Hỗ trợ trực tuyến
Trial Version : 12.25.1212
Cảm ơn >>>
Log Off

Các phân hệ nghiệp vụ	Hệ thống	Kết chuyển sổ dư cuối kỳ
Kế toán tiền mặt, tiền gửi và tiền vay	Danh mục	Kết chuyển sổ dư và khóa sổ / Mở sổ
Kế toán bán hàng và công nợ phải thu	Số dư các danh mục	Khai báo tham số kết chuyển tự động
Kế toán mua hàng và công nợ phải trả	Kết chuyển sổ dư cuối kỳ	Tính lại giá vốn nhập trước xuất trước theo ngày
Kế toán hàng tồn kho	Quản lý người sử dụng	
Kế toán chi phí và tính giá thành	Quản lý dữ liệu	
Kế toán tài sản cố định	Danh mục tài khoản mẫu	
Kế toán tổng hợp	Trợ giúp sử dụng	
Báo cáo thuế GTGT	Tùy chọn hệ thống	
Báo cáo tài chính	Kết thúc	
Hệ thống		

Kết chuyển - khoa so

Chọn tháng kết chuyển sang tháng kế tiếp
Tháng 01 Năm 2025

☐ Tự động tính và cập nhập lại giá vốn

Số dư đầu kỳ sau cùng hiện thời là tháng 01 năm 2026

Kết chuyển
Mở sổ
Quay ra

Mã máy: 1453457181
Đơn vị: CÔNG TY TNHH NAM THÀNH
Địa chỉ: 217 Điện Biên Phủ, Thanh Khê, TP Đà Nẵng
Người sử dụng: Admin

Copyright © 2003-2020 TRÍ VIỆT Software Solutions
Add: 77/17 Lê Độ - Đà Nẵng
Tel: 091.468.7717; 090.563.9760 Lê Phước Thịnh
Website: www.phanmemtriviet.com
Mail: trinhsoft@gmail.com

Hình 2.57: Kế toán kết chuyển sổ dư cuối kỳ trên phần mềm Trí Việt

Đơn vị: CÔNG TY TNHH NAM THÀNH				Mẫu số: S19-DNN	
Địa chỉ: 217 Điện Biên Phủ, Thanh Khê, TP Đà Nẵng				(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của BTC)	
SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN					
Năm 2025					
Tài khoản 911 - Xác định kết quả kinh doanh					
CHUNG TỬ		DIỄN GIẢI	TKĐƯ	SỐ TIỀN	
NGÀY	SỐ CT			NỢ	CÓ
		Tồn đầu kỳ		0	0
	---	---		---	---
31/01	KC-000007	KC Phí, lệ phí vào KQ SXKD	64224	2.000.000	0
31/01	KC-000008	KC Chi phí ngân hàng vào KQ SXKD	64225	439.252	0
31/01	KC-000009	KC Lãi Lỗ KDXS (911)	4212	0	26.247.396
	---	---		---	---
30/09	KC-000006	KC Chi phí QL nhân viên vào KQ SXKD	6421	26.189.234	0
30/09	KC-000007	KC Chi phí nhân công vào KQ SXKD	64221	43.757.551	0
	---	---		---	---
31/10	KC-000010	KC Chi phí hoạt động khác không hợp lý vào KQ SXKD	8118	2.901.424	0
	---	---		---	---
30/11	KC-000002	KC Thu nhập hoạt động khác vào KQ SXKD	711	0	7.017.253
30/11	KC-000006	KC Chi phí QL nhân viên vào KQ SXKD	6421	27.788.298	0
30/11	KC-000007	KC Chi phí nhân công vào KQ SXKD	64221	46.156.147	0
	---	---		---	---
31/12	XLCN	Bút toán xử lý cuối năm 2025	821	12.995.007	0
31/12	KC-000001	KC chi phí tài chính	635	1.286.574	0
31/12	KC-000002	KC Thu nhập hoạt động khác vào KQ SXKD	711	0	91.991.766
31/12	KC-000003	KC Doanh Thu bán hàng sang KQ SXKD	5111	0	1.773.434.117
31/12	KC-000004	KC Doanh Thu tài chính sang KQ SXKD	515	0	6.133
31/12	KC-000005	KC Giá vốn vào KQ SXKD	632	1.691.739.518	0
31/12	KC-000006	KC Chi phí QL nhân viên vào KQ SXKD	6421	28.538.925	0
31/12	KC-000007	KC Chi phí nhân công vào KQ SXKD	64221	45.198.754	0
31/12	KC-000008	KC Chi phí điện nước vào KQ SXKD	64223	2.445.418	0
31/12	KC-000009	KC Chi phí ngân hàng vào KQ SXKD	64225	20.252.279	0
31/12	KC-000010	KC Chi phí khấu hao vào KQ SXKD	64226	2.131.770	0
31/12	KC-000011	KC Chi phí hoạt động khác không hợp lý vào KQ SXKD	8118	800	0
31/12	KC-000012	KC Lãi Lỗ KDXS (911)	4212	60.842.971	0
		Tổng cộng phát sinh		14.532.942.047	14.532.942.047
		Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12		14.532.942.047	14.532.942.047
		Số dư cuối kỳ		0	0
Đà Nẵng, Ngày 31 tháng 12 năm 2025					

Hình 2.58: Trích sổ chi tiết tài khoản 911

CÔNG TY TNHH NAM THÀNH					
217 Điện Biên Phủ, Thanh Khê, TP Đà Nẵng					
SỔ CÁI					
Năm 2025					
Tài khoản 911 - Xác định kết quả kinh doanh					
CHUNG TỪ		DIỄN GIẢI	TKĐƯ	SỐ TIỀN	
NGÀY	SỐ CT			NỢ	CÓ
		Tồn đầu kỳ		0	0
31/10	KC-000010	KC Chi phí hoạt động khác không hợp lý vào K	8118	2.901.424	0
31/10	KC-000011	KC Lãi Lỗ KDXS (911)	4212	0	38.381.158
30/11	KC-000001	KC chi phí tài chính	635	1.286.573	0
30/11	KC-000002	KC Thu nhập hoạt động khác vào KQ SXKD	711	0	7.017.253
30/11	KC-000003	KC Doanh Thu bán hàng sang KQ SXKD	5111	0	1.932.999.679
30/11	KC-000004	KC Doanh Thu tài chính sang KQ SXKD	515	0	4.257
30/11	KC-000005	KC Giá vốn vào KQ SXKD	632	1.857.802.715	0
30/11	KC-000006	KC Chi phí QL nhân viên vào KQ SXKD	6421	27.788.298	0
30/11	KC-000007	KC Chi phí nhân công vào KQ SXKD	64221	46.156.147	0
30/11	KC-000008	KC Chi phí điện nước vào KQ SXKD	64223	2.625.163	0
30/11	KC-000009	KC Chi phí ngân hàng vào KQ SXKD	64225	267.137	0
30/11	KC-000010	KC Lãi Lỗ KDXS (911)	4212	4.095.156	0
31/12	XLCN	Bút toán xử lý cuối năm 2025	821	12.995.007	0
31/12	KC-000001	KC chi phí tài chính	635	1.286.574	0
31/12	KC-000002	KC Thu nhập hoạt động khác vào KQ SXKD	711	0	91.991.766
31/12	KC-000003	KC Doanh Thu bán hàng sang KQ SXKD	5111	0	1.773.434.117
31/12	KC-000004	KC Doanh Thu tài chính sang KQ SXKD	515	0	6.133
31/12	KC-000005	KC Giá vốn vào KQ SXKD	632	1.691.739.518	0
31/12	KC-000006	KC Chi phí QL nhân viên vào KQ SXKD	6421	28.538.925	0
31/12	KC-000007	KC Chi phí nhân công vào KQ SXKD	64221	45.198.754	0
31/12	KC-000008	KC Chi phí điện nước vào KQ SXKD	64223	2.445.418	0
31/12	KC-000009	KC Chi phí ngân hàng vào KQ SXKD	64225	20.252.279	0
31/12	KC-000010	KC Chi phí khấu hao vào KQ SXKD	64226	2.131.770	0
31/12	KC-000011	KC Chi phí hoạt động khác không hợp lý vào K	8118	800	0
31/12	KC-000012	KC Lãi Lỗ KDXS (911)	4212	60.842.971	0
		Tổng cộng phát sinh		14.532.942.047	14.532.942.047
		Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12		14.532.942.047	14.532.942.047
		Số dư cuối kỳ		0	0

Hình 2.59: Trích sổ cái tài khoản 911

PHỤ LỤC
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2025

[02] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH NAM THÀNH

[03] Mã số thuế: 0400127593

Mẫu số: **B02 - DNN**
(Ban hành theo
Thông tư số
133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016
của Bộ Tài chính)

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		14.068.769.748	13.155.621.033
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10		14.068.769.748	13.155.621.033
4. Giá vốn hàng bán	11		13.338.736.834	12.079.166.405
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		730.032.914	1.076.454.628
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		46.259	21.771
7. Chi phí tài chính	22		19.081.668	97.449.459
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		19.081.668	97.449.459
8. Chi phí quản lý kinh doanh	24		872.837.913	1.135.430.172
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24)	30		(161.840.408)	(156.403.232)
10. Thu nhập khác	31		204.529.955	263.557.625
11. Chi phí khác	32		90.145.314	3.161
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		114.384.641	263.554.464
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(47.455.767)	107.151.232
14. Chi phí thuế TNDN	51		12.995.007	40.297.560
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51)	60		(60.450.774)	66.853.672

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, Ghi rõ họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Lập ngày 08 tháng 03 năm 2026
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO
PHÁP LUẬT
(Ký, Ghi rõ họ tên, Đóng dấu)
LƯU THỊ THU HƯƠNG

Hình 2.60: Phụ lục báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

CHƯƠNG 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH NAM THÀNH

3.1 Đánh giá thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Nam Thành

3.1.1. Ưu điểm

Công ty nằm ở Đà Nẵng thành phố chuyên về bán buôn ắc quy, thuận lợi để công ty có nhiều điều kiện tiếp cận khách hàng cũng như dễ dàng đưa sản phẩm mở rộng đi các vùng lân cận.

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty TNHH Nam Thành đã từng bước xây dựng và hoàn thiện bộ máy kế toán phù hợp với đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp thương mại. Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty nhìn chung được tổ chức tương đối hợp lý và đạt được một số ưu điểm như sau:

- Về tổ chức bộ máy kế toán

Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức tương đối gọn nhẹ, phù hợp với quy mô hoạt động của doanh nghiệp. Các nhân viên kế toán được phân công nhiệm vụ rõ ràng, đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ trong quá trình làm việc. Điều này giúp cho việc xử lý chứng từ, ghi chép sổ sách và lập báo cáo tài chính được thực hiện nhanh chóng và hiệu quả.

Đội ngũ kế toán có tinh thần trách nhiệm cao, thường xuyên cập nhật các quy định mới của Nhà nước về chế độ kế toán và chính sách thuế để áp dụng vào thực tế công việc.

- Về hệ thống chứng từ và sổ sách kế toán

Công ty sử dụng hệ thống chứng từ kế toán tương đối đầy đủ theo quy định của Thông tư 133/2016/TT-BTC. Các chứng từ như hóa đơn GTGT, phiếu thu, phiếu chi, phiếu nhập kho, phiếu xuất kho, giấy báo Có, giấy báo Nợ,... được lập và luân chuyển hợp lý.

Chứng từ kế toán được kiểm tra trước khi ghi sổ nên hạn chế được sai sót trong quá trình hạch toán. Việc lưu trữ chứng từ được thực hiện tương đối khoa học, thuận tiện cho công tác kiểm tra và đối chiếu khi cần thiết.

Hệ thống sổ sách kế toán được mở đầy đủ, phản ánh kịp thời các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ.

- Về công tác kế toán doanh thu

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận tương đối đầy đủ, đúng thời điểm phát sinh. Công ty đã theo dõi doanh thu dựa trên hóa đơn GTGT và các chứng từ liên quan, đảm bảo phản ánh đúng tình hình tiêu thụ hàng hóa.

Các khoản doanh thu được theo dõi chi tiết giúp ban lãnh đạo dễ dàng đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh trong từng thời kỳ.

- Về công tác kế toán chi phí

Các khoản chi phí phát sinh tại công ty được tập hợp tương đối đầy đủ và phản ánh đúng nội dung kinh tế. Giá vốn hàng bán được xác định phù hợp với đặc điểm hoạt động thương mại của doanh nghiệp.

Chi phí quản lý kinh doanh, chi phí tài chính và các khoản chi phí khác được hạch toán rõ ràng, góp phần xác định chính xác kết quả hoạt động kinh doanh của công ty.

- Về công tác xác định kết quả kinh doanh

Công tác xác định kết quả kinh doanh được thực hiện đầy đủ vào cuối kỳ kế toán. Việc kết chuyển doanh thu, chi phí sang tài khoản 911 được thực hiện đúng quy định, giúp xác định chính xác lợi nhuận của doanh nghiệp.

Thông tin về kết quả kinh doanh được cung cấp kịp thời cho ban lãnh đạo nhằm phục vụ cho việc đánh giá hiệu quả hoạt động và đưa ra các quyết định quản lý phù hợp.

3.1.2. Hạn chế

Bên cạnh những ưu điểm đạt được, công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Nam Thành vẫn còn tồn tại một số hạn chế cần khắc phục như sau:

- Hạn chế về công tác chung

- + Công ty chưa xây dựng được chính sách chăm sóc khách hàng và chương trình ưu đãi ổn định nhằm duy trì lượng khách hàng lâu năm và mở rộng thị trường tiêu thụ.
- + Công tác phân loại và quản lý mặt hàng chưa được thực hiện một cách chi tiết, dẫn đến khó khăn trong việc theo dõi hiệu quả kinh doanh của từng nhóm sản phẩm.
- + Hoạt động kiểm soát chi phí chưa được thực hiện chặt chẽ ở một số khoản mục, đặc biệt là các khoản chi phí phát sinh liên quan đến vận chuyển, xăng dầu và quản lý doanh nghiệp.
- + Công ty chưa áp dụng nhiều giải pháp công nghệ hiện đại trong quản lý hàng tồn kho và quản lý dữ liệu kinh doanh nên việc tổng hợp số liệu đôi lúc còn chậm.
- + Việc phân tích tình hình doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh chưa được thực hiện thường xuyên nên chưa hỗ trợ tối đa cho nhà quản trị trong việc đưa ra quyết định kinh doanh.

- Hạn chế về công tác kế toán

- + Công ty chưa mở chi tiết tài khoản doanh thu TK 511 theo từng nhóm mặt hàng chủ lực, mặt hàng phụ và các mặt hàng còn lại nên việc theo dõi doanh thu từng nhóm sản phẩm còn gặp khó khăn.
- + Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền cuối kỳ để tính giá xuất kho nên kế toán chỉ xác định được giá vốn vào cuối kỳ, gây hạn chế trong việc cung cấp thông tin kịp thời cho nhà quản lý.
- + Một số khoản chi phí như chi phí xăng dầu phục vụ quản lý doanh nghiệp vẫn đang được hạch toán vào TK 6421 – Chi phí bán hàng, chưa phản ánh đúng bản chất của khoản mục chi phí.
- + Đối với các khoản chiết khấu cho khách hàng, công ty đang ghi nhận vào TK 711 – Thu nhập khác, chưa phù hợp với nguyên tắc kế toán theo Thông tư 133/2016/TT-BTC. Điều này làm ảnh hưởng đến việc phản ánh doanh thu thuần.

3.2. Một số giải pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Nam Thành

a) Hoàn thiện công tác quản lý chung

- ❖ Xây dựng chính sách chăm sóc khách hàng và mở rộng thị trường

Công ty nên xây dựng các chương trình chăm sóc khách hàng thường xuyên như chính sách ưu đãi cho khách hàng thân thiết, hỗ trợ bảo hành, giảm giá theo doanh số hoặc chương trình khuyến mãi theo từng thời điểm. Việc này sẽ giúp công ty duy trì khách hàng cũ, thu hút thêm khách hàng mới và nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường.

Bên cạnh đó, công ty cần tăng cường quảng bá sản phẩm thông qua các kênh mạng xã hội, sàn thương mại điện tử và website nhằm mở rộng thị trường tiêu thụ.

- ❖ Hoàn thiện công tác phân loại và quản lý mặt hàng

Công ty nên tiến hành phân loại hàng hóa thành các nhóm cụ thể như:

- + Nhóm mặt hàng chủ lực
- + Nhóm mặt hàng phụ
- + Nhóm mặt hàng còn lại

Việc phân loại này giúp công ty dễ dàng theo dõi doanh thu, chi phí và lợi nhuận của từng nhóm sản phẩm, từ đó có chiến lược kinh doanh phù hợp.

- ❖ Tăng cường kiểm soát chi phí

Công ty cần xây dựng kế hoạch kiểm soát chi phí cụ thể đối với từng khoản mục nhằm hạn chế các khoản chi không cần thiết. Đặc biệt đối với các khoản chi phí vận chuyển, xăng dầu và chi phí quản lý doanh nghiệp cần có chứng từ đầy đủ, kiểm tra thường xuyên để đảm bảo tính hợp lý và tiết kiệm chi phí.

❖ Ứng dụng công nghệ trong quản lý

Công ty nên nâng cấp và sử dụng hiệu quả phần mềm kế toán kết hợp với phần mềm quản lý kho nhằm hỗ trợ việc theo dõi hàng tồn kho, doanh thu và công nợ một cách nhanh chóng, chính xác. Việc ứng dụng công nghệ sẽ giúp giảm bớt khối lượng công việc thủ công và nâng cao hiệu quả quản lý.

❖ Tăng cường công tác phân tích tài chính

Công ty cần thực hiện phân tích tình hình doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh định kỳ để đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Từ đó nhà quản lý có thể đưa ra các quyết định phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh và khả năng cạnh tranh của công ty.

a) Hoàn thiện công tác kế toán

❖ Giải pháp 511

- Đối với khách lẻ, kế toán cần đảm bảo việc lưu trữ hoá đơn một cách chi tiết và hệ thống. Nên lập bảng kê riêng cho “khách hàng không lấy hoá đơn” để thuận tiện việc theo dõi hàng xuất kho và hoá đơn phát hành

- Tại Công ty, kế toán đang hạch toán chung toàn bộ doanh thu bán hàng vào tài khoản 5111. Việc này gây khó khăn cho Ban giám đốc khi muốn phân tích xem lợi nhuận thực sự đến từ dòng sản phẩm chủ lực hay từ các sản phẩm khác.

Công ty nên phân tách TK 5111 thành các tài khoản chi tiết dựa trên danh mục hàng hóa đã mã hóa để theo dõi chuyên sâu:

- TK 51111 - Doanh thu nhóm sản phẩm chính: Hạch toán doanh thu từ các hãng ắc quy lớn
- TK 51112 - Doanh thu nhóm sản phẩm bổ trợ: Hạch toán doanh thu từ các sản phẩm bán kèm và doanh thu ít hơn
- TK 51118 - Doanh thu nhóm hàng còn lại

Giúp kế toán lập báo cáo doanh thu chi tiết theo nhóm hàng chỉ bằng một thao tác xuất dữ liệu trên phần mềm Trí Việt, từ đó giúp công ty điều chỉnh chính sách nhập hàng kịp thời.

Ví dụ:

Phân loại	TK chi tiết	Mã hàng	Tên hàng hóa
Nhóm hàng hóa chính	51111	HH_CHINH	Ắc quy 12V-N100
			Ắc quy WP7.5-12
			Ắc quy PTZ7A ĐN
			Ắc quy 12V-N100

			...
Nhóm hàng hóa bổ trợ	51112	HH_PHU	Bình ắc quy N150 ENIMAC
			Bình ắc quy N85 ENIMAC
			Dung dịch Axit
			...
Mặt hàng khác	51118	HH_KHAC	Máy nạp ắc quy 50A
			Bình sạc ắc quy
			Bình điện Motolite M 60038
			...

❖ Giải pháp 632

Công ty hiện đang áp dụng phương pháp bình quân gia quyền cuối kỳ nên chỉ xác định được giá vốn vào cuối kỳ. Để cung cấp thông tin kịp thời và chính xác hơn cho nhà quản lý, công ty nên xem xét áp dụng phương pháp bình quân gia quyền tức thời.

Theo phương pháp này, sau mỗi lần nhập hàng kế toán sẽ xác định lại đơn giá bình quân để tính giá xuất kho. Điều này giúp công ty xác định giá vốn nhanh chóng và phản ánh sát hơn với tình hình thực tế.

❖ Giải pháp 642:

Qua quá trình tìm hiểu thực tế tại Công ty TNHH Nam Thành, nhận thấy hiện nay khoản chi phí tiền xăng xe phục vụ cho hoạt động quản lý doanh nghiệp đang được công ty hạch toán vào Tài khoản 6421 – Chi phí nhân công. Tuy nhiên, việc hạch toán này chưa thực sự phù hợp với nội dung và mục đích sử dụng của khoản chi phí phát sinh.

Trong thực tế, khoản tiền xăng xe phát sinh chủ yếu phục vụ cho hoạt động quản lý, điều hành doanh nghiệp như đi giao dịch với khách hàng, làm việc với đối tác, cơ quan thuế, ngân hàng hoặc phục vụ công tác quản lý chung của công ty. Do đó, khoản chi phí này nên được hạch toán vào Tài khoản 6422 – Chi phí quản lý doanh nghiệp để phản ánh đúng bản chất kinh tế của nghiệp vụ phát sinh.

Việc chuyển khoản chi phí tiền xăng từ TK 6421 sang TK 6422 sẽ mang lại một số lợi ích như:

- + Giúp phản ánh chính xác nội dung kinh tế của khoản chi phí phát sinh.
- + Phân loại chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp rõ ràng hơn.

- + Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác theo dõi, phân tích và kiểm soát chi phí.
- + Giúp việc xác định hiệu quả hoạt động bán hàng và hiệu quả quản lý doanh nghiệp được chính xác hơn.
- + Hỗ trợ nhà quản lý đưa ra các quyết định phù hợp trong công tác quản trị chi phí.
- Đề xuất hạch toán

Khi phát sinh chi phí tiền xăng phục vụ hoạt động quản lý doanh nghiệp (ở nghiệp vụ 2 trang), kế toán nên hạch toán:

Thực tế hạch toán	Đề xuất hạch toán
Nợ 6421: 462.963	Nợ 6422: 462.963
Nợ 1331: 37.037	Nợ 1331: 37.037
Có 1111: 500.000	Có 1111: 500.000

Việc thực hiện hạch toán đúng tài khoản sẽ giúp công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Nam Thành ngày càng hoàn thiện và phù hợp hơn với quy định kế toán hiện hành.

❖ *Giải pháp 711:*

Các khoản chiết khấu thương mại mà công ty được hưởng từ nhà cung cấp hiện đang được hạch toán vào Tài khoản 711 – Thu nhập khác. Tuy nhiên, cách hạch toán này chưa thực sự phù hợp với bản chất kinh tế của nghiệp vụ theo quy định kế toán hiện hành và lý thuyết đã học.

Theo nguyên tắc kế toán, khoản chiết khấu thương mại được hưởng do mua hàng với số lượng lớn hoặc đạt doanh số theo thỏa thuận với nhà cung cấp phải được ghi giảm trực tiếp giá trị hàng mua hoặc giảm công nợ phải trả, không phản ánh vào thu nhập khác.

Việc hạch toán khoản chiết khấu thương mại vào TK 711 sẽ làm tăng thu nhập khác và có thể làm sai lệch kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Đồng thời chưa phản ánh đúng giá trị thực tế của hàng hóa mua vào.

Vì vậy, công ty nên thực hiện hạch toán khoản chiết khấu thương mại được hưởng theo hướng giảm trực tiếp tiền hàng hoặc giảm giá trị hàng hóa mua vào.

Đề xuất hạch toán

Khi nhận được khoản chiết khấu thương mại từ nhà cung cấp (ở nghiệp vụ 1 TK 711 trang), kế toán nên hạch toán:

Thực tế hạch toán	Đề xuất hạch toán
Nợ 331: 7.013.253	Nợ TK 111, 112, 331,...

Có 711: 7.013.253

Có TK 156

Có TK 1331

Trường hợp hàng hóa đã tiêu thụ thì khoản chiết khấu thương mại được hưởng có thể hạch toán giảm giá vốn hàng bán:

Nợ TK 111, 112, 331,...

Có TK 632 – Giá vốn hàng bán

Có TK 1331 – Thuế GTGT được khấu trừ

Do đó, công ty cần xem xét điều chỉnh phương pháp hạch toán khoản chiết khấu thương mại nhằm hoàn thiện hơn công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại đơn vị.

KẾT LUẬN

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh giữ vai trò rất quan trọng đối với sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp. Thông qua công tác kế toán, doanh nghiệp có thể phản ánh đầy đủ tình hình hoạt động kinh doanh, kiểm soát chi phí và xác định chính xác kết quả hoạt động trong từng kỳ kế toán.

Qua thời gian tìm hiểu thực tế tại Công ty TNHH Nam Thành, có thể thấy rằng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty đã được tổ chức tương đối hợp lý và phù hợp với quy mô hoạt động của doanh nghiệp. Bộ máy kế toán hoạt động hiệu quả, hệ thống chứng từ và sổ sách được thực hiện tương đối đầy đủ theo quy định hiện hành.

Tuy nhiên, bên cạnh những ưu điểm đạt được, công tác kế toán tại công ty vẫn còn một số hạn chế cần được khắc phục nhằm nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng thông tin kế toán.

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và tìm hiểu thực tế, khóa luận đã đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Nam Thành. Hy vọng rằng những giải pháp này sẽ góp phần nâng cao hiệu quả công tác kế toán cũng như hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty trong thời gian tới.

Tài liệu tham khảo

1. Tài liệu kế toán của Công ty TNHH MTV Thương Mại và Dịch Vụ Gia Vân Phát
2. Thông tư 133/2016/TT-BTC chế độ kế toán vừa và nhỏ
3. Thông tư 99/2025/TT-BTC chế độ kế toán doanh nghiệp mới
4. Các văn bản: Luật kế toán, các thông tư và nghị định
5. Một số khoá luận tốt nghiệp của các anh/chị sinh viên khoá trước

Phụ lục 1: Nhật ký chung

CÔNG TY TNHH NAM THẠNH

217 Điện Biên Phủ, Thanh Khê, TP Đà Nẵng

Mẫu số S03a-DNN

(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2025

NGÀY GHI SỐ	CHUNG TỬ		DIỄN GIẢI	Đã ghi số cái	Số hiệu TK đối ứng	PHÁT SINH	
	SỐ CT	NGÀY CT				NỢ	CÓ
31/03	TSCD	31/03	Trích KHTSCD vào phí				
			Hao mòn TSCĐ hữu hình	X	2141	0	4.230.814
			Chi phí phân bổ, khấu hao	X	64226	4.230.814	0
07/09	0764	07/09	Bán hàng HĐ 0764				
			Phải thu của khách hàng	X	131	7.900.000	0
			Hàng hóa	X	156	0	7.140.330
			Thuế GTGT đầu ra	X	33311	0	585.184
			Doanh thu bán hàng hóa	X	5111	0	7.314.816
			Giá vốn hàng bán	X	632	7.140.330	0
07/09	172400	07/09	Phí ngân hàng				
			Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	X	11211	0	27.500
			Thuế GTGT được khấu trừ của hàng	X	1331	2.500	0
			Chi phí ngân hàng	X	64225	25.000	0
08/09	000002	08/09	Chi tiền mua phần mềm khởi tạo từ máy tính tiền gói 300 số HĐ 4357				
			Tiền Việt Nam	X	1111	0	250.000
			Chi phí khác	X	64227	250.000	0
16/10	000012	16/10	Nộp thuế TNCN Q3/25				
			Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	X	11211	0	291.759
			Thuế thu nhập cá nhân	X	3335	291.759	0
16/10	000013	16/10	Nộp thuế TNDN năm 2024				
			Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	X	11211	0	40.297.560
			Thuế thu nhập doanh nghiệp	X	3334	40.297.560	0
16/10	000014	16/10	Nộp tiền chậm nộp thuế				
			Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	X	11211	0	2.901.424
			Chi phí loại trừ	X	8118	2.901.424	0
16/10	000015	16/10	Nộp tiền thuế GTGT Q4/25				
			Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	X	11211	0	7.000.000
			Thuế GTGT đầu ra	X	33311	7.000.000	0
28/11	2324	28/11	Mua hàng HĐ 2324				
			Thuế GTGT được khấu trừ của hàng	X	1331	20.593.305	0
			Hàng hóa	X	156	264.429.580	0
			Phải trả cho người bán	X	331	7.013.253	285.022.885
			Thu nhập khác	X	711	0	7.013.253
28/11	2325	28/11	Hàng khuyến mãi HĐ 2325				
			Hàng hóa	X	156	0	0

			Phải trả cho người bán	X	331	0	0
30/11	KC-000000	30/11	KC Chi phí QL nhân viên vào KQ SXKD				
			Chi phí bán hàng	X	6421	0	27.788.298
			Xác định kết quả kinh doanh	X	911	27.788.298	0
02/12	4149368	02/12	Chi tiền điện HD 4149368				
			Tiền Việt Nam	X	1111	0	1.593.147
			Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa	X	1331	118.011	0
			Chi phí điện nước, điện thoại	X	64223	1.475.136	0
04/12		04/12	Bán hàng HD 1193				
			Phải thu của khách hàng	X	131	5.900.000	0
			Hàng hóa	X	156	0	4.506.694
			Thuế GTGT đầu ra	X	33311	0	437.038
			Doanh thu bán hàng hóa	X	5111	0	5.462.962
			Giá vốn hàng bán	X	632	4.506.694	0
04/12	1194	04/12	Bán hàng HD 1194				
			Phải thu của khách hàng	X	131	4.800.000	0
			Hàng hóa	X	156	0	4.227.543
			Thuế GTGT đầu ra	X	33311	0	355.556
			Doanh thu bán hàng hóa	X	5111	0	4.444.444
			Giá vốn hàng bán	X	632	4.227.543	0
09/12	1224	09/12	Bán hàng HD 1224				
			Phải thu của khách hàng	X	131	2.350.000	0
			Hàng hóa	X	156	0	1.801.484
			Thuế GTGT đầu ra	X	33311	0	174.074
			Doanh thu bán hàng hóa	X	5111	0	2.175.926
			Giá vốn hàng bán	X	632	1.801.484	0
09/12	1225	09/12	Bán hàng HD 1225				
			Phải thu của khách hàng	X	131	4.212.000	0
			Hàng hóa	X	156	0	3.870.203
			Thuế GTGT đầu ra	X	33311	0	312.000
			Doanh thu bán hàng hóa	X	5111	0	3.900.000
			Giá vốn hàng bán	X	632	3.870.203	0
11/12	1245	11/12	Bán hàng HD 1245				
			Phải thu của khách hàng	X	131	17.517.000	0
			Hàng hóa	X	156	0	15.384.765
			Thuế GTGT đầu ra	X	33311	0	1.297.554
			Doanh thu bán hàng hóa	X	5111	0	16.219.446
			Giá vốn hàng bán	X	632	15.384.765	0
11/12	1246	11/12	Bán hàng HD 1246				
			Phải thu của khách hàng	X	131	4.800.000	0
			Hàng hóa	X	156	0	4.227.543
			Thuế GTGT đầu ra	X	33311	0	355.554
			Doanh thu bán hàng hóa	X	5111	0	4.444.446
			Giá vốn hàng bán	X	632	4.227.543	0

11/12	899762	11/12	Thanh toán tiền hàng				
			Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	X	11211	0	100.000.000
			Phải trả cho người bán	X	331	100.000.000	0
11/12	987388	11/12	Chi tiền xăng HD 987388				
			Tiền Việt Nam	X	1111	0	500.000
			Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa	X	1331	37.037	0
			Chi phí bán hàng	X	6421	462.963	0
11/12	987396	11/12	Chi tiền nộp vào TK ngân hàng				
			Tiền Việt Nam	X	1111	0	37.000.000
			Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	X	11211	37.000.000	0
23/12	2572	23/12	Mua hàng HD 2572				
			Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa	X	1331	57.108.636	0
			Hàng hóa	X	156	805.838.340	0
			Phải trả cho người bán	X	331	91.980.366	862.946.976
			Thu nhập khác	X	711	0	91.980.366
23/12	40076	23/12	Phi ngân hàng				
			Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	X	11211	0	11.000
			Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa	X	1331	1.000	0
			Chi phí ngân hàng	X	64225	10.000	0
23/12	650	23/12	Mua hàng HD 650				
			Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa	X	1331	232.519	0
			Hàng hóa	X	156	2.906.481	0
			Phải trả cho người bán	X	331	0	3.139.000
26/12	899757	26/12	Thanh toán lãi vay				
			Ngân hàng TMCP Ngoại Thương	X	11213	0	1.286.574
			Chi phí tài chính	X	635	1.286.574	0
30/12	899769	30/12	Thanh toán tiền hàng				
			Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	X	11211	0	7.230.924
			Phải trả cho người bán	X	331	7.230.924	0
31/12	000002	31/12	Lãi tiền gửi				
			Ngân hàng TMCP Ngoại Thương	X	11213	148	0
			Doanh thu hoạt động tài chính	X	515	0	148
31/12	000027	31/12	Thu tiền bán hàng theo hóa đơn số : 00001333				
			Tiền Việt Nam	X	1111	4.500.000	0
			Phải thu của khách hàng	X	131	0	4.500.000
31/12	000042	31/12	Thu tiền bán hàng theo hóa đơn số : 00001331				
			Tiền Việt Nam	X	1111	1.070.000	0
			Phải thu của khách hàng	X	131	0	1.070.000
31/12	000084	31/12	Lãi tiền gửi				
			Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	X	11211	5.976	0
			Doanh thu hoạt động tài chính	X	515	0	5.976
31/12	000085	31/12	Thu tiền bán hàng				
			Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	X	11211	6.200.000	0
			Phải thu của khách hàng	X	131	0	6.200.000
31/12	000086	31/12	Thu tiền bán hàng				
			Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	X	11211	15.360.000	0

31/12	1331	31/12	Phải thu của khách hàng	X	131	0	15.360.000
			Bán hàng HD 1331				
			Phải thu của khách hàng	X	131	1.070.000	0
			Hàng hóa	X	156	0	770.000
			Thuế GTGT đầu ra	X	33311	0	79.259
			Doanh thu bán hàng hóa	X	5111	0	990.741
			Giá vốn hàng bán	X	632	770.000	0
31/12	1332	31/12	Bán hàng HD 1332				
			Phải thu của khách hàng	X	131	26.222.400	0
			Hàng hóa	X	156	0	21.544.555
			Thuế GTGT đầu ra	X	33311	0	1.942.400
			Doanh thu bán hàng hóa	X	5111	0	24.280.000
			Giá vốn hàng bán	X	632	21.544.555	0
31/12	1333	31/12	Bán hàng HD 1333				
			Phải thu của khách hàng	X	131	4.500.000	0
			Hàng hóa	X	156	0	3.913.615
			Thuế GTGT đầu ra	X	33311	0	333.332
			Doanh thu bán hàng hóa	X	5111	0	4.166.668
			Giá vốn hàng bán	X	632	3.913.615	0
31/12	1334	31/12	Bán hàng HD 1334				
			Phải thu của khách hàng	X	131	14.390.000	0
			Hàng hóa	X	156	0	11.049.031
			Thuế GTGT đầu ra	X	33311	0	1.065.925
			Doanh thu bán hàng hóa	X	5111	0	13.324.075
			Giá vốn hàng bán	X	632	11.049.031	0
31/12	1509	31/12	Mua hàng HD 1509				
			Thuế GTGT được khấu trừ của hàng h	X	1331	644.320	0
			Hàng hóa	X	156	8.054.000	0
			Phải trả cho người bán	X	331	0	8.698.320
31/12	2537	31/12	Mua hàng HD 2537				
			Thuế GTGT được khấu trừ của hàng h	X	1331	583.200	0
			Hàng hóa	X	156	7.290.000	0
			Phải trả cho người bán	X	331	0	7.873.200
31/12	41707	31/12	Phi ngân hàng				
			Ngân hàng TMCP Công Thương Việt	X	11211	0	22.000
			Thuế GTGT được khấu trừ của hàng h	X	1331	2.000	0
			Chi phí ngân hàng	X	64225	20.000	0
31/12	899770	31/12	Thanh toán tiền hàng				
			Ngân hàng TMCP Công Thương Việt	X	11211	0	60.000.000
			Phải trả cho người bán	X	331	60.000.000	0
31/12	987401	31/12	Chi tiền nộp vào TK ngân hàng				
			Tiền Việt Nam	X	1111	0	33.000.000

[illegible]

Phụ lục 2: Thư chào hàng

CÔNG TY TNHH NAM THÀNH
ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI ẮC QUY CÁC LOẠI Đà Nẵng, ngày 07 tháng 12 năm 2025
217 Điện Biên Phủ - Đà Nẵng
Tel: 0236.3723184

THƯ CHÀO HÀNG

Kính gửi: **CHI CỤC ĐIỀU TRA CHỐNG BUÔN LẬU**
Chúng tôi xin trân trọng thông báo giá bán một số loại ắc quy nhãn hiệu như sau:

STT	TÊN HÀNG	QUY CÁCH	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Ắc quy CMF Din65	12V-120Ah	03	1.300.000	3.900.000
	Thuế VAT 8%				312.000
TỔNG CỘNG					4.212.000

**Chi tiết kỹ thuật hàng hoá sẽ được gửi kèm nếu quý khách có yêu cầu*
Ghi chú:
- Giá đã bao gồm tiền thuế GTGT: nước điện dịch và nạp bổ sung (nếu có). Được bảo hành theo quy chế của sản xuất.
- Đây là bảng giá chào bán theo phương thức thanh toán ngay, có giá trị trong 15 ngày kể từ ngày báo giá.
- Lượng thấp nhất một đơn hàng theo giá trên làđồng, giá có thể thay đổi tùy số lượng đơn hàng và phương thức thanh toán, giao nhận, vận tải.
- Quý khách có thể thanh toán bằng tiền mặt hoặc qua ngân hàng theo số tài khoản: **CÔNG TY TNHH NAM THÀNH – STK: 118811881188**
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (Viettin bank), chi nhánh Bắc Đà Nẵng
- Để tìm hiểu thêm chi tiết xin hãy liên hệ với chúng tôi qua số điện thoại: **0236.3723184** *gặp:*.....

Rất mong được sự quan tâm của Quý khách!

Ngày 07 tháng 12 năm 2025
TM. CÔNG TY

Phụ lục 3: Biên bản giao nhận hàng hoá

Biểu mẫu: 001-KD
Ban hành...../2013

**CÔNG TY TNHH
NAM THÀNH**
Số: /BBGN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Đà Nẵng, ngày 07 tháng 12 năm 2025

BIÊN BẢN GIAO NHẬN HÀNG HÓA

Hôm nay, ngày tháng năm Tại Công ty TNHH Nam Thành, Chúng tôi gồm:
BÊN A (Bên nhận hàng): Công Ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ Vận Tải Rìn Rìn
- Địa chỉ: Thửa Đất Số 46, Tờ Bản Đồ Số 244, Đường Mai Đăng Chơn, Phường Hoà Quý,
Quận Ngũ Hành Sơn, Thành Phố Đà Nẵng
- Mã số thuế: 0401957413
- Điện thoại: 0932156186
- Đại diện Ông/bà: HUỖNH CƯỜNG Chức vụ: Giám đốc

BÊN B (Bên giao hàng): CÔNG TY TNHH NAM THÀNH
- Địa chỉ: 217 Điện Biên Phủ, Phường Thanh Khê, Thành Phố Đà Nẵng
- Mã số thuế: 0400127593
- Đại diện Ông/bà: LƯU THỊ THU HƯƠNG Chức vụ: Giám đốc
Hai bên cùng nhau thống nhất số lượng giao hàng như sau:

STT	Tên hàng	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Ắc quy CMF Din65	Bình	3	

Bên A xác nhận Bên B đã giao cho Bên A đúng chủng loại và đủ số lượng hàng như trên.
Hai bên đồng ý, thống nhất ký tên. Biên bản được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A
(Bên nhận hàng)

ĐẠI DIỆN BÊN B
(Bên giao hàng)

Phụ lục 4: Quy trình lập hóa đơn GTGT

Giải pháp hóa đơn điện tử toàn diện

Đơn vị hàng đầu cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VISNAM

ĐƠN VỊ T-VAN

Được Tổng Cục Thuế cấp phép truyền nhận HĐĐT
Hotline: 1900 6134 - <https://www.visnam.com/>

Số tài khoản: 0041.000.224.725
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng

Đăng nhập

Mã số thuế *

 Tên đăng nhập *

 Mật khẩu *

☐ Ghi nhớ đăng nhập

TỔNG ĐÀI HỖ TRỢ 24/7

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VISNAM

Trụ sở: 33 Hải Hồ, Phường Thanh Bình, Quận Hải Châu, Đà Nẵng.

VĂN PHÒNG: Tiểu khu Tân Sơn, Lũy Bán Bích, Quận Hoàng Mai, Hà Nội.

VĂN PHÒNG: Tiểu khu Hòa Nghĩa, Phường 02, Quận Tân Bình, TP.Hồ Chí Minh.



VIỆT NAM PHÁP

Hóa đơn điện tử

Xác minh danh tính của bạn

VIN-HOADON

Hóa đơn

Xử lý hóa đơn

Danh mục

Báo cáo

Số HĐ cần tạo: 8426.300 | Ngày: 19/06/2024 | KTT

HÓA ĐƠN

Xuất Excel

Xuất Excel Hàng Cũ

Cấu hình hóa đơn

Tạo hóa đơn

Trang thái

Trạng thái CQ/T

Số hóa đơn

Ký hiệu

MST khách hàng

Tên doanh nghiệp mua

Tên người mua

Mô khách hàng

Loại hóa đơn

Ngày lập đơn

01/01/2026 00:00:00

STT	Ký hiệu	Số	Ngày lập	Tên công ty	MST người mua	Tên người mua	Tổng bên chưa thuế	Tổng bên có thuế	Loại hóa đơn	Trạng thái	Trang thái CQ/T	Thông tin bổ sung 01	Hành động
1	YC26MNT	7	08/01/2026			TRẦN VĂN HÙNG	787.037	850.000	Hóa đơn gốc	Đã ký	CÔNG NHẬN M1-26-FYBKCY- 00001548J07		
2	YC26MNT	6	08/01/2026			NGUYỄN VĂN TÂN	240.741	260.000	Hóa đơn gốc	Đã ký	CÔNG NHẬN M1-26-FYBKCY- 00001548J03		
3	YC26TNT	18	08/01/2026	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ VẬT TƯ PHƯỚC NAM DƯƠNG	0401550786		7.582.592	8.200.000	Hóa đơn gốc	Đã ký	CÔNG NHẬN 0960CZ189AF/E1 4E5A8EF3AACCC3 C3D0188		
4	YC26TNT	17	08/01/2026	HỢP TÁC XÃ DỊCH VỤ VẬT TƯ THANH NHUNG	0401739951		4.074.074	4.400.000	Hóa đơn gốc	Đã ký	CÔNG NHẬN 08F EDDSCZB8H17 49C0JA34J3B10E9 681676		
5	YC26TNT	16	08/01/2026	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI HƯNG	4000441192		13.240.741	14.300.000	Hóa đơn gốc	Đã ký	CÔNG NHẬN 00E671B5ETCB83 43AB4BCD217071G BBE244		
6	YC26MNT	5	08/01/2026			NGUYỄN THANH LONG	6.962.964	7.520.000	Hóa đơn gốc	Đã ký	CÔNG NHẬN M1-26-FYBKCY- 00001547096		
7	YC26MNT	4	08/01/2026			TRẦN VĂN THẮNG	1.389.889	1.500.000	Hóa đơn gốc	Đã ký	CÔNG NHẬN M1-26-FYBKCY- 00001547037		
8	YC26TNT	15	07/01/2026	NGÔ VĂN THỊNH	04809301677 3		4.667.592	5.041.000	Hóa đơn gốc	Đã ký	CÔNG NHẬN 03ACADA02ZCAC6 482N6184377BD0C0 AS276		

Hóa đơn điện tử

hddt.vin-hoadon.com/app/hddt/hoadon-hoadon-goc?loaiHoaDon=1&hdMauId=19351&id=&loaiDieuChinh=1

Mã số thuế: Mã số thuế Tên người mua * Tên người mua E-mail: Email

Tên đơn vị *: Tên đơn vị Số điện thoại: Số điện thoại

Địa chỉ: Địa chỉ CCCD/Hộ chiếu

Phương thức TT: Tiền mặt/Chuyển khoản TK người bán: 114002921232 Ngân hàng: Tại Ngân hàng TMCP Công Thương VN,

Tiền tệ: VND - Việt Nam Đồng TK người mua: Tài khoản người mua Ngân hàng

Ghi chú: Mã QHNS

F2: thêm dòng, Enter: xuống dòng, Alt + Enter: xuống dòng lên hàng hóa

STT	KM	Loại	Hàng hóa	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế suất	Tiền thuế
1	☐	Hàng hóa					0	10%	0
2	☐	Hàng hóa					0	10%	0
3	☐	Hàng hóa					0	10%	0
4	☐	Hàng hóa					0	10%	0
5	☐	Hàng hóa					0	10%	0

Tổng cộng: 5

Chiết khấu sau thuế

Tổng tiền hàng

Tổng tiền thuế

Tổng tiền thanh toán

Tổng tiền bằng chữ

• Cần nhập đủ thông tin người mua!
• Hóa đơn phải có ít nhất một thông tin hàng hóa hợp lệ

Zalo

Lưu tạm Ký Xem trước Trở lại

Hóa đơn điện tử

hddt.vin-hoadon.com/app/hddt/hoadon-hoadon-goc?loaiHoaDon=1&hdMauId=19351&id=&loaiDieuChinh=1

Mã số thuế: Mã số thuế Tên người mua * Tên người mua E-mail: Email

Tên đơn vị *: Tên đơn vị Số điện thoại: Số điện thoại

Địa chỉ: Địa chỉ CCCD/Hộ chiếu

Phương thức TT: Tiền mặt/Chuyển khoản TK người bán: 114002921232 Ngân hàng: Tại Ngân hàng TMCP Công Thương VN,

Tiền tệ: VND - Việt Nam Đồng TK người mua: Tài khoản người mua Ngân hàng

Ghi chú: Mã QHNS

F2: thêm dòng, Enter: xuống dòng, Alt + Enter: xuống dòng lên hàng hóa

STT	KM	Loại	Hàng hóa	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế suất	Tiền thuế
1	☐	Hàng hóa					0	10%	0
2	☐	Hàng hóa					0	10%	0
3	☐	Hàng hóa					0	10%	0
4	☐	Hàng hóa					0	10%	0
5	☐	Hàng hóa					0	10%	0

Tổng cộng: 5

Chiết khấu sau thuế

Tổng tiền hàng

Tổng tiền thuế

Tổng tiền thanh toán

Tổng tiền bằng chữ

• Cần nhập đủ thông tin người mua!
• Hóa đơn phải có ít nhất một thông tin hàng hóa hợp lệ

Zalo

Lưu tạm Ký Xem trước Trở lại

Phụ lục 5: Phiếu thu hóa đơn 1225

Đơn vị: CÔNG TY TNHH NAM THÀNH
Địa chỉ: 217 Điện Biên Phủ, Thanh Khê, TP Đà Nẵng
Điện thoại: 02363723184

Mẫu số 01 -TT
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016 của BTC)

PHIẾU THU
Ngày 09 tháng 12 năm 2025

Số: 000066
Nợ: 1111
Có: 131

Họ tên người nộp tiền Công Ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ Vận Tải Rin Rin
Địa chỉ Thửa Đất Số 46, Tờ Bản Đồ Số 244, Đường Mai Đăng Chơn, Phường Hoà Quý, Quận Ngũ Hành Sơn,
Lý do nộp Thu tiền bán hàng theo hóa đơn số : 00001225
Số tiền 4.212.000 đồng
(Viết bằng chữ) Bốn triệu hai trăm mười hai ngàn đồng

Kèm theo: 1225 Chứng từ gốc
Giám đốc Kế toán trưởng Người lập biểu
(Ký, họ tên, đóng dấu) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên)

Nguyễn Đình Dũng
Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ) Đà Nẵng, Ngày 09 tháng 12 năm 2025
Người nộp Thủ quỹ
(Ký, họ tên) (Ký, họ tên)

Phụ lục 6: Phiếu thu hóa đơn 1245

Đơn vị: CÔNG TY TNHH NAM THÀNH
Địa chỉ: 217 Điện Biên Phủ, Thanh Khê, TP Đà Nẵng
Điện thoại: 02363723184

Mẫu số 01 -TT
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016 của BTC)

PHIẾU THU
Ngày 11 tháng 12 năm 2025

Số: 000092
Nợ: 1111
Có: 131

Họ tên người nộp tiền Công Ty CP Tin Học Và Viễn Thông T & H
Địa chỉ 02 Hưng Hóa 6, Phường Hoà Cường Nam, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng
Lý do nộp Thu tiền bán hàng theo hóa đơn số : 00001245
Số tiền 17.517.000 đồng
(Viết bằng chữ) Mười bảy triệu năm trăm mười bảy ngàn đồng

Kèm theo: 1245 Chứng từ gốc
Giám đốc Kế toán trưởng Người lập biểu
(Ký, họ tên, đóng dấu) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên)

Nguyễn Đình Dũng
Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ) Đà Nẵng, Ngày 11 tháng 12 năm 2025
Người nộp Thủ quỹ
(Ký, họ tên) (Ký, họ tên)

Phụ lục 7: Sổ phụ ngân hàng Vietcombank



VIETCOMBANK

NGÂN HÀNG
XOẠI TƯƠNG
VIỆT NAM
PHÒNG GIAO DỊCH
CHUYÊN NGHIỆP
PHỐ ĐÀ NẴNG

CÔNG TY TNHH NAM THANH

217 DIEN BIEN PHU, PHUONG HOA KHE,
QUẬN THANH KHE, TP. ĐÀ NẴNG, VIỆT NAM

SAO KÊ TÀI KHOẢN
ACCOUNT STATEMENT

Ngày thực hiện/ Date: 12/01/2026

Chi nhánh thực hiện/ Branch: BẮC ĐÀ NẴNG

Account number: 1010251025

VND

Đến/ To: 31/12/2025

Carried balance: 776.514

GD Date Ngày	Số tiền ghi nợ/ Debit	Số tiền ghi có/ Credit	Số dư/ Balance	Nội dung chi tiết Transactions in detail
		1.000.000	1.776.514	MBVCB.12278966421.LUU THI DIEU THANH chuyen tien.CT tu 1063178518 LUU THI DIEU THANH toi 1010251025 CÔNG TY TNHH NAM THANH
12/01/2025	1.286.574		489.940	THU NO TKV 001061665241 THU NO TKV 001061665241
31/12/2025		148	490.088	INTEREST PAYMENT
	1.286.574	1.000.148		
			490.088	

THANH TOÁN VIÊN

KIỂM SOÁT

NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VN CHI NHÁNH BẮC ĐÀ NẴNG Số 249A đường Nguyễn Lương Bằng, phường Lê Chân, thành phố Đà Nẵng. Điện thoại: 0900712437-189		GIẤY BẢO NỢ/CÓ (Không phải hóa đơn GTGT) Ngày (Date): 31/12/2025 (Liên 1 lưu, Liên 2 KH) Số Chứng Từ - Doc No: 311225.9701.1010251025	
 VND12402270102994		Nơi cấp: NH TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN VCB BẮC ĐÀ NẴNG - TRƯ SỞ CN 148,00 Loại tiền: VND <i>Một trăm bốn mươi tám đồng</i>	
		Người hưởng Họ tên CONG TY TNHH NAM THANH Số TK 0001010251025 Địa chỉ MST/Số CMT Ngày cấp Nơi cấp: Tại ngân hàng NH TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN VCB BẮC ĐÀ NẴNG - TRƯ SỞ CN Số tiền có 148,00 Loại tiền: VND (bằng chữ) Một trăm bốn mươi tám đồng	
0,00 Loại tiền: 0,00 Loại tiền:			

Phieu Chi Tien Mat

Copy

Kiểu giao dịch: Phieu chi cho mot doi tuong

Khách hàngHUONGLưu Thị Thu HươngNgười nhận tiềnLưu Thị Thu HươngNgày CT30/11/2025Địa chỉGiảm ĐốCMã nhân viênSố CT464973Lý do chứng từChi lương nhân viên T11/25CT gốc

1.Chỉ trả hạn toán 2. Thanh toán cho các phiếu

TK Nợ	TK Có	Số tiền	Diễn giải bút toán	Mã vụ việc	Khoản mục phi
▶ 334	1111	63.698.303	Chi lương nhân viên T11/25		

Record: 1 < 1 > H > = of 1

Hóa đơn GTGT

Ký hiệu	Seri HD	Ngày HD	VAT	Tiền chưa VAT	Tiền VAT	MaKH	Tên cơ sở KD	Địa chỉ	Mã số thuế

Record: 1 < 1 > H > = of 1

Thuế - Ghi Nợ 1331Ghi Có 1111Vụ việcTổn chưa thuế#ErrorTổn hoá đơn#ErrorTổn thuế VAT#ErrorTổn hạch toán63.698.303

Khóa sổ / Mã sốKhóa DLThêm phiếuXóa phiếuIn phiếuLy nhệm chíBảng kêPhiếu KTQuay ra

Record: 1 < 1 > H > = of 1 (Filtered)

He thong

Phieu Chi Tien Mat

Quay ra Copy Record Lang dan

Phieu Chi Tien Mat

Ngày CT Số CT Tổng tiền PS
24/11/2025 464981 19.000.000
25/11/2025 464982 61.000.000
27/11/2025 464985 2.000.000
28/11/2025 464983 75.000.000
28/11/2025 464984 23.700.000
▶ 30/11/2025 464973 63.698.303
01/12/2025 956786 500.000
01/12/2025 987389 9.990.000
01/12/2025 987392 50.000.000
01/12/2025 987402 3.531.600
02/12/2025 152314 24.099
02/12/2025 166474 58.436
02/12/2025 166533 263.942
02/12/2025 166583 62.093
02/12/2025 19937442 267.139
02/12/2025 4149368 1.593.147
02/12/2025 987393 3.500.000
04/12/2025 987394 15.000.000

Record: 1 < 279 > H > = of 325

Mã KH Số tiền TK Nợ
▶ HUONG 63.698.303 334

Ký hiệu Số seri HD Ngày

Kiểm tra Khóa số / Mã Copy phiếu

(All) Tháng (All)

Mã nhân viên Số CTLH

Tổng tiền 12.999.881.054

Ghi chú

Lọc DL Thông tin Quay ra

Phụ lục 10: sao kê tài khoản

STT	Ngày GD	Mô tả giao dịch	Số tiền	Ngày GD	Mô tả giao dịch	Số tiền	Ngày GD	Mô tả giao dịch	Số tiền
80	22/12/2025 16:13:29	0041000165160 NGUYEN ANH TUAN số 118811881188 CT TNHH NAM THANH tại VIETINBANK 998025C1260470P/PH0260512598 62.88P5.CTQP TM HIEU CUONG. chuyen tien	5,940,000	56,171,409	CTQP TM HIEU CUONG - A/C: 0041001142620	NH TMCP Ngân Thương Việt Nam (Vietcombank) VIBANK_NH TMCP P.VN Thanh Vuong	998025C1260470P		
89	23/12/2025 08:37:25	Chuyen tien den tu NAPAS Noi dung: LE NGOC DONG chuyen tien	10,000,000	66,171,409	LE NGOC DONG - A/C: 0905074939	CH TAM DIEP - NOL SO	488525C12A7U271		
90	23/12/2025 09:26:13	NOP TK	40,000,000	106,171,409	TIEN MAT, WANG TIEN TE TAI DON VI - A/C: 101110100				
91	23/12/2025 09:47:39	NAM THANH TRA TIEN HANG	100,000,000	6,121,409	CONG TY CP AC QUY ENI (FOREX) - A/C: 111663066666	ON TAM DIEP - NOL SO			
92	23/12/2025 09:27:35	NAM THANH TRA TIEN HANG	11,000	6,160,409	THU PHU CHUYEN TIEN TRONG NUOC - CHIU THUE GTGT - A/C: 402150100	TCB_NH TMCP Ky Thuong VN	488525C12F4P7C7		
93	23/12/2025 10:45:16	Chuyen tien den tu NAPAS Noi dung: NGUYEN THANH NAM chuyen tien FT25357461239413	1,850,000	8,010,409	VND-TGTT-NGUYEN THANH NAM				
94	23/12/2025 16:25:53	thanh toán hóa đơn 1232 ba 1275	11,580,000	19,590,409	19035695373014 TRAN QUANG HUNG - A/C: 10800736152	CH HOI AN - PGD HUNG VUONG	3dEWO-85buBLXJ		
95	23/12/2025 21:58:10	CT nhánh 247 den: MBVCB. Linh O To chuyen khoa...CT tu 9905563286 NGUYEN VAN LOC toi 118811881188 CT TNHH NAM THANH tại VIETINBANK CT nhánh 247 den: VO THI PHUONG chuyen tien	20,000,000	39,590,409	NGUYEN VAN LOC - A/C: 9905563286	VCLB_NH TMCP Ngân Thương VN	488725C1378939U Z		
96	24/12/2025 09:51:56	Chuyen tien den tu NAPAS Noi dung: seo nam ck nam thanh theo hd 1306	1,000,000	40,590,409	VO THI PHUONG - A/C: 0935505019	MB_NH TMCP Quan doi	488725C141V1H 15		
97	24/12/2025 15:24:37	Chuyen tien den tu NAPAS Noi dung: seo nam ck nam thanh theo hd 1306	2,350,000	42,940,409	MBANK IBFT - A/C: 33111075808	MB_NH TMCP Quan doi	488525C14A9Q9N D9		
98	24/12/2025 16:14:35	Chuyen tien theo hoa don so 1274 ngay 17 12 2025	5,900,000	48,840,409	CITY CP ECO VILLAGE BAC TRA MY - A/C: 8610011325	BIDV_NHTMCP DT va PT VN	488525C14FXSMG UU		
99	24/12/2025 16:19:08	HUYNH SON TT TIEN HANG	43,513,200	92,353,609	CONG TY TNHH MTV SX TM VAN TAI HUYNH SON - A/C: 4420000003320	CH BAC DA NANG - PGD THANH KHE 1			
100	24/12/2025 16:20:20	HUYNH SON TT TIEN HANG	50,716,800	143,070,409	CONG TY TNHH MTV SX TM VAN TAI HUYNH SON - A/C: 4420000003320	CH BAC DA NANG - PGD THANH KHE 1			
101	24/12/2025 16:24:36	Chuyen tien den tu NAPAS Noi dung: Dai viet thanh toán ac quy 46 van don FT25358075832855	11,400	143,081,809	TRAN THI NU - A/C: 3796668885	TCB_NH TMCP Ky Thuong VN	488525C14G4DFE XR		
102	24/12/2025 16:39:54	Chuyen tien den tu NAPAS Noi dung: Dai viet thanh toán ac quy 46 van don FT25358970510380	1,130,000	144,211,809	TRAN THI NU - A/C: 3796668885	TCB_NH TMCP Ky Thuong VN	488525C14GWLJR 4F		
103	24/12/2025	Chuyen tien den tu NAPAS Noi dung:	10,000	144,221,809	TRAN THI NU - A/C:	TCB_NH TMCP	488525C14H4HNG		

Phụ lục 11: Hóa đơn GTGT số 2324



Mẫu số 1
Ký hiệu: C25TAC
Số: 2324

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ngày 28 tháng 11 năm 2025

MCCQT: 0027878D3E4A7E4400AA7152671CDEFC8B

Tên người bán: CÔNG TY CỔ PHẦN ÁC QUY ENI - FLORENCE
Mã số thuế: 2700952079
Mã cửa hàng:
Tên cửa hàng:
Địa chỉ: Lô C12, Khu công nghiệp Khánh Phú, Phường Đông Hoa Lư, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam
Điện thoại:
Số tài khoản:

Tên người mua: Công ty TNHH Nam Thành
Họ tên người mua hàng:
Mã số thuế: 0400127593
Mã ĐVCQHVSNN:
CCCD người mua:
Số hộ chiếu:
Địa chỉ: 217 Điện Biên Phủ, Phường Thanh Khê, Thành Phố Đà Nẵng, Việt Nam
Số tài khoản:
Hình thức thanh toán: Chuyển khoản
Đơn vị tiền tệ: VND
Số bảng kê: Ngày bảng kê:

STT	Tính chất	Loại hàng hoá đặc trưng	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Chiết khấu	Thuế suất	Thành tiền chưa có thuế GTGT
1	Hàng hóa, dịch vụ		Bình ắc quy N50 ENIMAC	Bình	1	895.820	0	8%	895.820
2	Hàng hóa, dịch vụ		Bình ắc quy N120 ENIMAC	Bình	3	2.042.950	0	8%	6.128.850
3	Hàng hóa, dịch vụ		Bình ắc quy N55/65B24L ENIMAC	Bình	1	1.035.960	0	8%	1.035.960
4	Hàng hóa, dịch vụ		Bình ắc quy Q85/95D23L ENIMAC	Bình	1	1.168.200	0	8%	1.168.200
5	Hàng hóa, dịch vụ		Bình ắc quy ENIMAC CMF 36B20L	Bình	2	729.800	0	8%	1.459.600
6	Hàng hóa, dịch vụ		Bình ắc quy ENIMAC CMF 44B20L	Bình	5	819.690	0	8%	4.098.450
7	Hàng hóa, dịch vụ		Bình ắc quy ENIMAC CMF 46B24LS	Bình	7	899.790	0	8%	6.298.530
8	Hàng hóa, dịch vụ		Bình ắc quy ENIMAC CMF 55D23R	Bình	2	1.168.570	0	8%	2.337.140
9	Hàng hóa, dịch vụ		Bình ắc quy ENIMAC CMF 55D23L	Bình	8	1.168.570	0	8%	9.348.560
10	Hàng hóa, dịch vụ		Bình ắc quy ENIMAC	Bình	3	1.284.270	0	8%	3.852.810

10	Hàng hóa, dịch vụ		Bình ắc quy ENIMAC CMF 75D23L	Bình	3	1.284.270	0	8%	3.852.810
11	Hàng hóa, dịch vụ		Bình ắc quy ENIMAC CMF 80D26R	Bình	1	1.300.290	0	8%	1.300.290
12	Hàng hóa, dịch vụ		Bình ắc quy ENIMAC CMF 80D26L	Bình	7	1.300.290	0	8%	9.102.030
13	Hàng hóa, dịch vụ		Bình ắc quy ENIMAC CMF 95D31L	Bình	2	1.464.050	0	8%	2.928.100
14	Hàng hóa, dịch vụ		Bình ắc quy ENIMAC CMF 105D31R	Bình	7	1.569.070	0	8%	10.983.490
15	Hàng hóa, dịch vụ		Bình ắc quy ENIMAC CMF 105D31L	Bình	7	1.569.070	0	8%	10.983.490
16	Hàng hóa, dịch vụ		Bình ắc quy ENIMAC CMF 31-800	Bình	20	1.821.830	0	8%	36.436.600
17	Hàng hóa, dịch vụ		Bình ắc quy ENIMAC CMF 31S-800	Bình	9	1.821.830	0	8%	16.396.470
18	Hàng hóa, dịch vụ		Bình ắc quy ENIMAC Din 45L	Bình	2	1.028.840	0	8%	2.057.680
19	Hàng hóa, dịch vụ		Bình ắc quy ENIMAC Din 60L	Bình	8	1.210.400	0	8%	9.683.200
20	Hàng hóa, dịch vụ		Bình ắc quy ENIMAC Din 71L	Bình	3	1.383.950	0	8%	4.151.850
21	Hàng hóa, dịch vụ		Bình ắc quy ENIMAC CMF Din 80L (LN4)	Bình	2	1.824.500	0	8%	3.649.000
22	Hàng hóa, dịch vụ		Bình ắc quy ENIMAC Din 100L	Bình	3	1.888.580	0	8%	5.665.740
23	Hàng hóa, dịch vụ		Bình ắc quy ENIMAC CMF100 ECO	Bình	20	1.708.800	0	8%	34.176.000
24	Hàng hóa, dịch vụ		Bình ắc quy ENIMAC CMF120	Bình	2	2.590.790	0	8%	5.181.580
25	Hàng hóa, dịch vụ		Bình ắc quy ENIMAC CMF150	Bình	4	2.968.150	0	8%	11.872.600
26	Hàng hóa, dịch vụ		Bình ắc quy ENIMAC CMF 175L - 165G51L	Bình	16	3.066.940	0	8%	49.071.040
27	Hàng hóa, dịch vụ		Bình ắc quy ENIMAC CMF150R ECO	Bình	5	2.714.500	0	8%	13.572.500
28	Chiết khấu thương mại		Chiết khấu thương mại tháng 11/2025	VNĐ	0	0	0	8%	7.013.253

Thuế suất	Tổng tiền chưa thuế	Tổng tiền thuế
8%	257.416.327	20.593.305

Tổng tiền chưa thuế (Tổng cộng thành tiền chưa có thuế)	257.416.327
Tổng tiền thuế (Tổng cộng tiền thuế)	20.593.305
Tổng tiền phí	
Tổng tiền chiết khấu thương mại	7.013.253
Tổng tiền thanh toán bằng số	278.009.632

NGƯỜI MUA HÀNG

(Chữ ký số (nếu có))

NGƯỜI BÁN HÀNG

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

Signature Valid

Ký bởi CÔNG TY CỔ PHẦN ÁC

QUY ENI - FLORENCE

Ký ngày: 2025-11-28 15:07:29

Phụ lục 12: Cách nộp tờ khai thuế HDDT

THUẾ ĐIỆN TỬ
Cục Thuế - Bộ Tài chính

Hệ thống Thuế điện tử eTax v3.1.3
Mã số thuế: 0400127593 | Hoạt động | Đăng xuất

1

2

Đăng ký thuế | **Khai Thuế** | Nộp thuế | Tra cứu | HỎI - ĐÁP | Quản lý Tài khoản | Chuẩn hoá dữ liệu MST cá nhân

Tra cứu nghĩa vụ kê khai | Tra cứu nghĩa vụ kê khai theo tháng | Đăng ký tờ khai | Kê khai trực tuyến | **Nộp tờ khai XML** | Nộp tờ khai phi cấu trúc | Trình ký

Tra cứu tờ khai | Tra cứu thông báo | Đăng ký địa bàn vắng lại | Tra cứu tờ khai bổ sung sai lỗi số học | Nộp tờ khai 05/QTT-TNCN từ HTKK

Tra cứu tờ khai lưu tạm

3

Khai Thuế > Nộp tờ khai XML

Nộp hồ sơ khai thuế định dạng XML

Sử dụng định dạng XML khi khai thuế qua mạng giúp giảm dung lượng lưu trữ, kiểm soát dữ liệu, tăng tốc độ hệ thống, tránh nghẽn mạng ... Đề nghị người nộp thuế tích cực chuyển sang dùng định dạng tờ khai XML khi kê khai và gửi tờ khai trên hệ thống Khai thuế qua mạng.

Cảnh báo: NNT phải gửi BCTC cùng với tờ khai 03/TNDN. Đề nghị NNT gửi BCTC trước khi gửi tờ khai 03/TNDN.

Tờ khai Chọn tệp tờ khai

Thủ tục hành chính 1.007014 - Khai thuế GTGT đối với phương pháp khấu trừ đối với ho... v

5 6

Ký điện tử Nộp tờ khai

Lưu ý: - Trường hợp NNT sử dụng phương thức Ký số từ xa thì khi "Ký điện tử" sẽ nộp hồ sơ đến CQT mà không phải chọn chức năng "Nộp tờ khai".

Phụ lục 13: Ủy nhiệm chi 000014 tiền chậm nộp thuế

ỦY NHIỆM CHI **Số: 000014**

CHUYỂN KHOẢN, CHUYỂN TIỀN THU, ĐIỆN Lập ngày 16 tháng 10 năm 2025

Tên đơn vị trả tiền CÔNG TY TNHH NAM THÀNH Địa chỉ 217 Điện Biên Phủ, Thanh Khê, TP Đà Nẵng Mã số thuế 0400127593 Số tài khoản Tại ngân hàng Tỉnh, TP		PHÂN DO N.H GHI TÀI KHOẢN NỢ
Tên đơn vị nhận tiền Kho Bạc Nhà Nước Quận Thanh Khê Số tài khoản Tại ngân hàng Tỉnh, TP		TÀI KHOẢN CỎ
Số tiền bằng chữ (Hai triệu chín trăm lẻ một ngàn bốn trăm hai mươi bốn đồng) Nội dung thanh toán Nộp tiền chậm nộp thuế		Số tiền bằng số: 2.901.424

Đơn vị trả tiền	Ngân hàng A	Ngân hàng B
	Ghi số ngày	Ghi số ngày
Kế toán Chủ tài khoản	Kế toán Trưởng phòng kế toán	Kế toán Trưởng phòng kế toán

